



NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **SÓNG AN LẠC CÁT TƯỜNG**, trang 1
- **ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN TẠI NHẬT BẢN** (HT. Thích Trí Chơn), tr. 2
- **HUYỀN THOAI ĐÀN SANH** (Thích Nữ Tịnh Quang), trang 3
- **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC**, tiếp theo (HT. Thích Thắng Hoan), trang 4
- **ƯU ĐÀM 2555** (thơ Điều Ngự Từ Tín Nghĩa), trang 4
- **THÔNG điệp PHẬT ĐẢN CỦA TỔNG THƯ KÝ LHQ** (Minh Nguyên dịch), trang 5
- **Ý THỨC CHẤP NHẬN - CHARLES CHAPLIN VÀ TÂM HỒN NGHỆ SĨ** (Phạm Công Thiện), trang 6
- **ĐÔI MẮT NHÌN CUỘC ĐỜI** (Thích Đức Trí), trang 7
- **HẠT BỤI HÓA THÂN** (thơ Chiêu Hoàng), trang 7
- **SUY TƯ VỀ VÔ THƯỜNG VÀ CÁI CHẾT** (Hoàng Phong dịch), trang 8
- **BƯỚC SEN THỨ BẢY - QUẢ VỊ PHẬT** (TN. Chân Liễu), trang 10
- **BÌNH MINH ĐÁY MỘT NGÀY** (thơ Bùi Kim Anh), trang 10
- **LỄ PHẬT ĐẢN HAY ĐẢN SINH** (Hoa Đàm dịch), trang 11
- **VIÊN NGỌC NHƯ Ý** (Thị Giới dịch), trang 12
- **LONG NỮ TÁN** (thơ Thích Nữ Viên Quang), trang 12
- **NHỚ PHẬT VÀO NGÀY LỄ VESAK** (TN Giới Hương), tr. 13
- **CHIẾC GIÀY, CƠN ĐIÊN** (thơ Huyền Vũ), trang 13
- **KHỞI ĐẦU LÀ TÂM** (Cư sĩ Nguyên Giác), trang 13
- **LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA** (GDPTVN tại Hoa Kỳ), trang 14
- **MỪNG PHẬT ĐẢN** (thơ Vương Nguyên), trang 15
- **"NẾU NHƯ..." NHỮNG LỜI GỢI Ý ĐỂ CHỌN MỘT VỊ THẦY...** (Tâm Hải dịch), trang 20
- **TRẮNG VÀ ĐEN** (Hoàng Ngọc Thư), trang 21
- **CHIM CON VỀ VỚI PHẬT** (Lam Khê), trang 21
- **SÓNG LÀNH MÙA PHẬT ĐẢN** (Trần Kiêm Đoàn), trang 22
- **TÍNH MỘNG, CỎ TRỤI** (thơ Vĩnh Bình), trang 23
- **TÀNG MÂY TRÊN CAO** (Chiêu Hoàng), trang 24
- **HOA ƯU ĐÀM ĐÃ NỞ** (thơ Thích Nữ Giới Hương), trang 24
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm dịch), trang 26
- **SUỐT ĐỜI VUN QUÉN CỦA TIỀN...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 28

SỐNG AN LẠC, CÁT TƯỜNG

THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PL. 2555 của HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM GHPGVNTN HOA KỲ



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni,
Kính thưa quý thiện nam tín nữ, Phật tử,

Năm nay tổ chức Phật đản, ngoài những lễ nghi cúng dường, tưởng nhớ ân sâu của Đức Từ Phụ, chúng ta quán niệm nhiều hơn những khổ nạn mà loài người hứng chịu trong những năm tháng gần đây. Khổ nạn của chiến tranh, khủng bố, độc tài, bạo lực, bệnh tật, sóng thần, động đất... Đây là tướng suy xuất hiện và thiện báo cạn mòn của loài người. Thiện báo cạn mòn này dẫn tới nghiệp càng nặng, phước càng nhẹ, chướng ngại càng sâu, trí tuệ càng kém, cho nên con người càng dồn dập khổ đau, bệnh tật, nghèo đói, chết oan, v.v...

Thân mạng con người trước muôn trùng khổ nạn ấy, khó lường được còn mất hôm nào. Chúng ta cần trân quý hơn tình thầy-trò, huynh-đệ, đồng bào và đồng loại trên hành tinh vô thường, thống khổ này. Hãy dìu nhau trên con đường giác ngộ. Hãy tinh tấn hơn trong sự hoàn thiện tự thân. Trong Kinh Tăng Chi Bộ, phẩm Cát Tường, Đức Phật dạy:

"Văng sao lành, điều lành
Rạng đông lành, dây lành
Sát na lành, thời lành
Cúng dường bậc phạm hạnh
Thân nghiệp chánh, lời chánh
Ý nghiệp chánh, nguyện chánh
Làm các điều chơn chánh
Thì được lợi an lạc
Lớn mạnh trong Phật giáo
Hãy không bệnh, an lạc
Cùng tất cả bà con."

Giữ ba nghiệp chơn chánh, thanh tịnh, chúng ta hoàn thiện chính mình, xây dựng gia đình, xã hội, quốc gia và thế giới, mang lại hạnh phúc cho tất cả sinh loại. Đây là điều thực hành căn bản của người con Phật, nhưng cũng là pháp cúng dường tối thượng đối với Đức Thế Tôn và Chánh Pháp vi diệu do Ngài để lại.

Mùa Phật đản năm nay, Giáo hội chúng ta vắng bóng vị lãnh đạo của Hội Đồng Điều Hành, Hòa Thượng Thích Trí Chơn. Xin chư Tôn đức và toàn thể thiện nam tín nữ dành một phút để suy niệm công đức của Ngài đối với Giáo hội và Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại.

Kính thưa liệt quý vị,
Trong hoàn cảnh địa dư quá rộng ở Hoa Kỳ, Giáo hội kêu gọi chư tăng ni

trẻ và quý thiện nam tín nữ tích cực hơn trong các sinh hoạt chung của từng tiểu bang mình cũng như liên bang của Giáo hội. Xin chư tôn đức và Phật tử nhất tâm chú nguyện và hộ trì các tự viện, cơ sở mới thành lập còn gặp nhiều khó khăn.

Giáo hội kêu gọi quý thiện nam tín nữ thực thi "cả nhà cùng tu" để cùng "phước lạc". Chúng ta lưu tâm để hóa độ con cháu trong nhà của mình, vì đây là phước đức lớn lao của người Phật tử thực hành Bồ tát đạo. Hãy tạo duyên Phật tử cho cháu sơ sinh trong từng gia đình.

Đối với thiên tai tại các nước, ngoài sự đóng góp tài chánh do Giáo hội đề xướng trong nhiều tháng qua, xin các tự viện tổ chức những buổi lễ Siêu độ và Giải oan cho những nạn nhân xấu số. Chúng ta tổ chức những buổi thiêu quán khổ nạn về thiên tai và chiến tranh để quán chiếu về nghiệp nhân của nó.

Đức Phật dạy:
"Các loại hữu tình nào, này các Tỳ Kheo, vào buổi sáng, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỳ Kheo, có một buổi sáng tốt đẹp."

Kính lay đức Thế tôn,
Chúng con nguyện sống trong an lành để mang lại sự an lành cho con người đang hứng chịu nhiều khổ nạn hôm nay.

Nam Mô Lâm Tỳ Ni Viên Vô Ưu Thọ Hạ
Thị Hiện Đản Sinh Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật thù từ chứng giám.

California, Phật Lịch 2555, ngày 20
tháng 4 năm 2011

T.M. Hội Đồng Giáo Phẩm
Chánh Văn Phòng,
Sa Môn Thích Thắng Hoan

"Ngã đương hàng phục
Nhất thiết ma quân
Hựu diệt địa ngục
Chi mãnh hỏa đảnh
Sở hữu khổ cụ
Thi đại pháp vân
Vũ đại pháp vũ
Đương linh chúng sanh
Tận thọ an lạc".

Tôi sẽ hàng phục
Hết thầy ma quân
Hủy diệt địa ngục
Đập tắt lửa dữ
Ở nơi khổ cảnh
Giăng mây pháp rộng
Tuôn mưa pháp lớn
Khiến cho chúng sanh
Tận hưởng an lạc.

(Kính Phụng Quảng Đại Trang Nghiêm)

Kính Mừng Phật Đản - Phật lịch 2555

ĐẠI LỄ PHẬT ĐÀN TẠI NHẬT BẢN

H.T. Thích Trí Chơn

LTS: Để tưởng niệm Cố Hòa thượng Thích Trí Chơn, Chánh Pháp xin trích đăng một bài cũ do Hòa thượng ghi lại từ năm 1985, nói về Đại lễ Phật Đản tại Nhật Bản sau chuyến đi tham quan của ngài. Nhờ kiến thức và nhận thức sâu sắc về tương quan văn hóa, Hòa thượng đã giới thiệu cho chúng ta đây là điểm giống và khác giữa Việt Nam và Nhật Bản đối với lễ Phật Đản. Thành kính tri ân Hòa thượng.

Nhật Bản là một trong những quốc gia Á Châu theo Phật Giáo. Theo biên niên sử (Nihonji) của Nhật, người ta biết rằng Phật Giáo được truyền vào Nhật Bản từ Đại Hàn (Korea) vào ngày 13 tháng 10 năm 552 tây lịch. Trải qua nhiều thế kỷ, Phật Giáo ngày nay đã trở thành một tôn giáo lớn nhất tại Nhật gồm có tất cả mười ba tông và 165 giáo phái. Hiện nay dân số Nhật có khoảng gần 120 triệu (thống kê năm 1980) trong đó hơn 80 triệu là tín đồ Phật Giáo. Đại lễ Phật Đản, ngày kỷ niệm đức Phật Thích Ca giáng sinh là ngày lễ trọng đại nhất đối với những quốc gia theo Phật Giáo. Tại Nhật Bản ngày lễ Phật Đản cũng được các chùa khắp nơi trong nước cử hành hằng năm vào ngày 7 hay 8 tháng 4 dương lịch chứ họ không tổ chức vào ngày mùng 8 hay Rằm tháng 4 âm lịch như hầu hết các quốc gia Á châu khác. Dân chúng Nhật thường tổ chức các ngày quốc lễ và lễ tôn giáo theo dương lịch chứ họ không dùng âm lịch như người Trung Hoa hay Việt Nam chúng ta.

Lễ Phật Đản ngày 8 tháng 4 dương lịch ở Nhật còn có tên gọi là HANA-MATSURI (Hana: hoa; Matsuri: lễ) nghĩa là NGÀY LỄ HOA (Flower Festival), vì gặp lúc mùa hoa anh đào đang nở rộ khắp toàn nước Nhật. Ngày "Lễ Hoa" này cũng để đánh dấu kỷ niệm ngày đức Phật giáng sanh theo truyền thống Phật Giáo Nhật. Theo sử liệu cho biết, lễ Phật Đản đã được tổ chức lần đầu tiên tại Nhật vào năm 606 tây lịch ở chùa Genko (Nguyên Hưởng) tỉnh Yamato (Đại Hoà) dưới triều đại nữ hoàng Suiko (Thôi Cổ: 592-628). Ngày nay dân chúng Nhật đón mừng ngày lễ Phật Đản ra sao? Dưới đây tôi xin tường thuật cố gắng hiển quý độc giả vài nét sinh hoạt trong ngày lễ Phật Đản P. L. 2529 tại Nhật Bản mà tôi may mắn được tham dự vào tháng 4 năm 1985 nhân chuyến du hành sang ở năm tháng tại Tokyo, Kyoto, Nara và Osaka v....v....để viếng thăm các chùa và tìm hiểu khái quát về nền Phật Giáo xứ này.

Nhờ liên lạc với "Trung Tâm Hướng Dẫn Du Khách Ngoại Quốc" (Tourist Information Centre) mà tôi được biết tại Đông Kinh (Tokyo) vào lúc ấy có hai nơi tổ chức lễ Phật Đản, đó là chùa Hộ Quốc (Gokokuji) cử hành lễ vào chiều chủ nhật ngày 7 tháng 4, và chùa Quan Âm (Kannon) ở Asakusa làm lễ vào

sáng thứ hai, ngày 8 tháng 4 năm 1985.

Chùa Hộ Quốc lễ Phật Đản bắt đầu lúc hai giờ chiều, khoảng một giờ trưa tôi đã có mặt tại đó. Vừa mới đến tôi gặp một số rất đông Phật tử Nhật và ngoại quốc đã tề tựu về chùa từ trước. Đa số nữ Phật tử đều mặc y phục cổ truyền ki-mô-nô (kimono) màu sắc rực rỡ. Phía trái, trước cửa chính vào điện Phật, ban tổ chức thiết đặt một pho bạch tượng (voi trắng) to lớn làm bằng giấy bồi để nhắc đến sự tích xưa kia ở Ấn Độ, hoàng hậu Ma Gia, thân mẫu của Đức Phật năm mộng thấy voi trắng sáu ngà từ trên hư không hiện xuống đằm vào hông bên phải và sau đó bà thụ thai sinh thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha).

Bên cạnh voi trắng là một ngôi tháp nhỏ hình tứ giác cao khoảng hai thước, bề ngang mỗi bên rộng gần một thước tây, bốn phía cột trụ thẳng lên đến toàn mái đều kết hoa, tiếng Nhật gọi là Hana-Mido (ngôi tháp bằng hoa). Bên trong ngôi tháp người ta tôn trí đặt một pho tượng Phật nhỏ sơ sanh để nhắc lại sự tích ngày xưa thái tử Tất Đạt Đa (đức Phật) đản sanh dưới gốc cây Vô Ưu trong vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini), thành Ca Tỳ La vệ (Kapilavastu) thuộc Ấn Độ (nay là xứ Nepal). Vừa ra đời đức Phật bước đi bảy bước liền có bảy đóa hoa sen nở ôm chân Ngài. Bảy giờ, đức Phật với tay phải chỉ lên trời và tay trái chỉ xuống đất, Ngài tuyên bố rằng: "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn" có nghĩa là "Trên trời dưới trời chỉ có Ta (Chân ngã hay Phật Tánh) là cao quý hơn cả".

Tượng Phật nhỏ sơ sanh này bằng đồng đen, cao khoảng hơn mười lăm phân tây, đặt ở giữa một cái bát lớn chứa đầy nước trà ngọt (sweet tea) với chiếc gáo nhỏ có cán dài bằng gỗ. Nước trà ngọt (tiếng Nhật gọi là amacha) dùng để tắm Phật không phải như loại trà tâu ta thường dùng mà nó được chế tạo bằng thứ lá cây tử dương hoa (Hydrangea Hortensis) phần nhiều thấy trồng ở các miền núi. Dân chúng hái những lá này đem hấp và phơi khô rồi sau đó chế biến chúng thành loại trà thiêng liêng để dùng trong các buổi lễ Phật Giáo. Thời gian đường chưa được nhập cảng vào Nhật Bản, người ta dùng loại trà ngọt này để làm ra đường.

Sử liệu chép rằng xưa kia các chùa Nhật thường dùng nước hoa để tắm Phật trong ngày lễ Phật Đản như chúng ta thấy một số nước Phật Giáo Á châu còn dùng ngày nay, và bắt đầu từ triều đại Edo (Giang Hộ: 1603-1867) về sau, nước trà ngọt mới được dùng thay nước hoa để làm lễ tắm Phật tại Nhật.

Đúng hai giờ chiều, đại lễ Phật Đản tại chùa Hộ Quốc bắt đầu bằng cuộc diễu hành của chư Tăng và Phật tử đi ba vòng trong khuôn viên quanh chùa. Dẫn đầu là ban lễ nhạc của chùa. Tiếp

theo sau, vị trụ trì đi giữa với chư Tăng và hàng ngàn Phật tử địa phương. Đặc biệt hàng trăm trẻ em nhỏ trai, gái từ sáu đến mười tuổi trong y phục cổ truyền Nhật Bản, áo Kimono màu sắc xanh đỏ rực rỡ, mỗi em tay cầm hoa cũng có mặt trong cuộc diễu hành. Sau đó, tất cả chư Tăng và Phật tử vào chánh điện tụng kinh hành lễ trong vòng ba chục phút. Xong lễ, các Phật tử ra ngoài, mỗi người lần lượt đến trước ngôi tháp kết hoa, dùng gáo nhỏ múc nước trà ngọt thành kính làm lễ tắm Phật để nhắc lại sự tích xưa kia khi đức Phật trên giáng sinh, các vị Long Thần từ trên cõi Trời xuống phun nước tắm rửa cho Ngài. Nhiều Phật tử mang nước trà ngọt sau khi tắm Phật về nhà dùng để cầu nguyện cho gia đình thân quyến được mọi sự an lành hạnh phúc. Buổi lễ Phật Đản tại chùa Hộ Quốc kết thúc vào lúc bốn giờ chiều bằng một màn trình diễn đánh trống lớn của sáu tay trống, ba nam ba nữ trông thật ngoạn mục.

Qua ngày hôm sau thứ hai, 8 tháng 4 năm 1985, tôi đến dự lễ Phật Đản tại chùa Quan Âm (Kannon) ở Asakusa. Đây là một trong những ngôi chùa cổ xưa danh tiếng nhất tại thủ đô Tokyo (Đông Kinh), kiến tạo vào năm 628 tây lịch, mỗi tháng có hàng triệu người đến viếng thăm và cầu nguyện. Lễ Phật Đản tại chùa Quan Âm cử hành lúc mười một giờ sáng. Tôi đến đó lúc mười giờ. Mặc dù ngày thứ hai, mọi người đều đi làm, nhưng số Phật tử tham dự hôm ấy cũng rất đông, có khoảng hơn ba ngàn người, trong đó có rất nhiều du khách ngoại quốc. Buổi lễ ở đây cũng bắt đầu bằng cuộc diễu hành của hàng ngàn chư Tăng và Phật tử, kéo một chiếc xe chở một thớt voi trắng làm bằng giấy bồi cao gần hai thước tây; trên lưng voi thiết đặt một ngôi tháp kết hoa, trong đó tôn trí một tượng Phật sơ sanh nhỏ (có nơi cỗ xe được kéo bằng ngựa hoặc bò).

Đoàn người diễu hành khởi đầu từ cổng tam quan (Kamirani-mon) trước chùa, ngang qua các đường phố có nhiều cửa hàng bán kỷ niệm vật và Phật cụ (chuông mõ, chuỗi tràng, tượng Phật v....v....). Cuối cùng, đám rước tiến vào bên trong, dừng lại trước chánh điện chùa Quan Âm để sau đó chính thức cử hành lễ Phật Đản. Đặc biệt tham dự cuộc diễu hành, ngoài đông đảo nam nữ Phật tử lớn tuổi đủ mọi thành phần, còn có khoảng hơn ba trăm trẻ em mẫu giáo để thưởng xinh xắn trong đồng phục của trường, hoặc y phục Kimono cổ truyền với nhiều màu sắc rực rỡ. Các em tay cầm hoa, vừa đi vừa hát những bài ca Phật Giáo.

Ngoài hai chùa Hộ Quốc và Quan Âm tại Đông Kinh (Tokyo) nói trên ngày lễ

Phật Đản còn được nhiều chùa khắp nơi trên toàn nước Nhật cử hành một cách trang nghiêm trọng thể. Đặc biệt tại chùa của Hiếu Đạo Giáo Đoàn (Kodo-Kyodan) thành lập năm 1936 chuyên kính lễ, trì tụng Kinh Pháp Hoa ở quận Kanagawa, tỉnh Yokohama (cách Tokyo hơn nửa giờ xe lửa), hằng năm đại lễ Phật Đản thường được tổ chức liên tiếp trong ba ngày 6, 7 và 8 tháng 4 dương lịch. Chương trình gồm có ngày thứ nhất với hơn ba trăm xe hoa diễu hành qua nhiều đường phố chính của thị trấn Yokohama, trong đó chiếc xe hoa dẫn đầu có tôn trí tượng Phật Thích Ca sơ sinh. Ngày thứ hai, một chương trình văn nghệ đặc biệt, với sự đóng góp trình diễn của nhiều nam nữ nghệ sĩ tên tuổi được tổ chức tại quảng trường trên đồi Hiếu Đạo Sơn (Kodo-San), số khán giả tham dự có năm lên tới hơn hai chục ngàn người. Sang ngày thứ ba (mùng 8 tháng 4) là ngày chính kỷ niệm đức Phật giáng sinh, lễ Phật Đản được cử hành tại chánh điện của chùa vào đúng một giờ trưa, dưới sự chứng minh chủ lễ của vị Hòa Thượng trụ trì và cũng là chủ tịch của Hiếu Đạo Giáo Đoàn. Tiếp theo là lễ tắm Phật cử hành trên một cái bục cao thiết lập trước chánh điện trong khuôn viên chùa với sự giúp lễ của khoảng một trăm nam nữ Phật tử trong y phục nhiều màu sắc rực rỡ. Hằng năm tổng số người đến tham dự đại lễ Phật Đản tổ chức trong ba ngày tại chùa của Hiếu Đạo Giáo Đoàn (Kodo-Kyodan) ước chừng có đến một trăm ngàn người.

Nhật Bản ngày nay không những là một cường quốc văn minh tiến bộ đứng hàng đầu các nước Á Châu về mọi lãnh vực xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật mà còn là một quốc gia Phật Giáo với nhiều tông phái, phát triển mạnh mẽ về tổ chức và rất dồi dào phong phú trong mọi sinh hoạt văn hoá như chúng ta thấy qua tổ chức ngày lễ Phật Đản của họ nói trên. Tôi hy vọng có dịp sẽ viết nhiều về các ngày lễ Phật Giáo khác ở Nhật để hầu quý vị. Kính chúc quý độc giả một mùa Phật Đản an lành và hạnh phúc.

Tài liệu tham khảo:

- A Cultural Dictionary of Japan, Edited by Momoo Yamaguchi, The Japan Times Ltd., Tokyo, 1979.
- Buddhism in Japan by E. Dale Saunders, Charles E. Tuttle Co., Tokyo, 1980.
- Japanese Festivals by Helen Bauer, Charles E. Tuttle Co., Tokyo, 1983.



HUYỀN THOẠI ĐÀN SINH

Thích Nữ Tịnh Quang

Mỗi con người là một huyền thoại. Chúng ta ai ai cũng có huyền thoại khi còn trong trứng nước cho đến khi mở mắt chào đời; những chuyện li kỳ về mỗi người khi sinh ra đều được đăng sinh thành ghi nhớ và kể lại như là một điểm lạ về sự chào đời của đứa con thân yêu dù rất nhỏ nhoi, và đôi khi chúng ta bằng quên mất khi đời sống quá ư bận rộn mệt mỏi...

Cũng thế, các vĩ nhân và thánh nhân xuất hiện trên thế gian này đều có những huyền thoại vĩ đại hơn chúng ta, đặc trưng của những huyền thoại hoặc sinh hay tử được lưu truyền từ đời này sang đời khác, bằng khẩu truyền, bằng thiên hùng ca hay bút ký... Những câu chuyện huyền thoại xoay xung quanh cuộc đời của các vĩ nhân như là một sự minh chứng đối với sự hiện hữu tuyệt vời của họ trong một mốc son lịch sử và được truyền tụng cho đến bây giờ.

Là một con người trên tất cả con người, là một vĩ nhân trên tất cả vĩ nhân, cuộc đời của Đức Thích Ca Mâu Ni gắn liền với một huyền thoại tuyệt đẹp, phi phạm và đầy thi vị nhất; khi vừa mới mở mắt chào đời Người đã nhẹ nhàng bước trên bảy đóa hoa sen, tay phải chỉ lên trời, tay trái trở xuống đất và đồng đặc tuyên ngôn: "ta là Đấng cao quý duy nhất trong thiên hạ" (I alone am the World-Honored One). Biết bao thế kỷ tang thương, cuộc dâu bể đổi dời, huyền thoại về sự ra đời của Ngài như văng nghe mới hôm nao đây bên những trang kinh tưởng chừng như chưa ráo mực.

Tương truyền, vào một đêm Hoàng hậu Mahamaya mộng thấy con voi trắng sáu ngà từ cõi trời bay xuống trong tiếng nhạc vang lừng, quỳ xuống bên chân Hoàng hậu, con voi dâng cho bà một cành sen hồng được mang từ cõi trời của nó. Thức giấc, Hoàng hậu thấy cảm giác dễ chịu và khoan khoái với những mùi hương lạ thơm ngát căn phòng, và bà biết rằng mình đã thụ thai Thái tử Siddhartha.

Vào một buổi sáng trời trong xanh, nắng đẹp, chim chóc vui hót, Hoàng hậu Mahamaya đi dạo chơi trong vườn Lumbini, một khu vườn xinh đẹp thuộc thành Kapilavatthu, một lúc bà thấy mệt và vịn tay phải vào cành cây vô ưu (ashok tree) đang nở đầy hoa thì hạ sinh Thái tử. Thái tử Siddhartha được sinh ra từ hông bên phải, ngay lúc ấy ngài đứng dậy đi bảy bước, dưới chân Ngài nở bảy đóa sen, một tay chỉ trời một tay chỉ đất mà nói rằng: "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn."

Hơn hai mươi lăm thế kỷ trôi qua, biết bao giấy mực luận bàn về huyền thoại này; sự đàn sinh của Đức Phật đã trở thành đề tài muôn thuở cho các nhà nghiên cứu bình luận, là chủ đề gây tranh cãi nhiều nhất từ xưa tới nay; bên cạnh đó nó cũng là tiền đề

gây hứng thú nhất cho các nhà Phật học và thi nhân kim cổ.

Không ít các nhà phân tích Phật học cho rằng bảy đóa sen kia là tượng trưng cho bảy phần Bồ đề (hay Thất giác chi) một trong Ba mươi bảy phẩm trợ đạo-là phương pháp tối yếu để giúp cho người học đạo và tu đạo thể nhập được giác ngộ, hoặc là yếu nghĩa của Tam Thừa Tứ quả, và cũng không ít người cho rằng bước sen thứ bảy là sự giải thoát hoàn toàn từ sáu bước sen trước, như là sự vượt thoát sáu cõi luân hồi. Một số nhà bình luận khác thì cho rằng con số 7 là con số triết học thuần túy của Ấn Độ, với ý nghĩa không gian có bốn (đông, tây, nam, bắc), thời gian có ba (quá khứ, hiện tại và tương lai); Thái tử đi trên bảy đóa sen tượng trưng cho sự vượt thoát về ý niệm của không gian và thời gian. Ngài sinh từ hông phải là biểu thị cho bản thể tuyệt đối vô nhiễm và câu tuyên ngôn: "Ta là Đấng cao quý nhất trong thiên hạ" là sự xác tín về Phật tính-vốn ẩn tàng trong mỗi chúng sinh...tất cả khía cạnh lý giải đều có ý nghĩa nhất quán mặc dù trên hình thức có đôi chút dị biệt, đó là sự giác ngộ về Chân tâm Phật tính xuyên qua truyền thuyết Đàn sinh này.

Tuy nhiên các Học giả Đông Tây đứng trên lập trường khách quan thì cho rằng bảy bước hoa sen là sự đại diện cho bảy phương hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới và Tại đây (east, west, north, south, up, down and here). Và một tay chỉ trời một tay chỉ đất là một điểm lành báo hiệu sự hiện hữu của một vị Cứu tinh cho cõi Thiên Nhơn-nổi kết giữa trời và đất, giữa thiên đường và trần gian bụi bặm, và câu tuyên ngôn: "Ta là Đấng tôn quý nhất trong thiên hạ" theo quan điểm Phật giáo Phát triển là một cách nói khác để xác quyết về tính giác hăng hữu trong không gian vô cùng và thời gian vô tận bên trong mỗi chúng sinh.

Bên cạnh đó không ít các bình luận gia ngoại đạo cho rằng huyền thoại đàn sinh của Đức Thích Tôn được vay mượn từ huyền thoại chào đời của Thần Indra -vị thần cổ của Ấn Độ giáo vốn được truyền tụng ở trong văn học Rig Veda. Thần Indra cũng sinh ra từ bên hông của mẹ, và khi vị thần này chào đời thì có những hiện tượng lạ xảy ra như là nhật thực (1), trái đất vang động, núi non trời đất lung lay (2), và tất cả các vị thần khác đều sợ hãi sợ phần nợ của thần Indra...(3), một trong những thi kệ của Rig Vedic cũng ca ngợi vị thần này: "Ồ Indra, sự khéo léo của người giống như bậc thầy của các Thiên chủ và loài người..."(4). đặc biệt khi vừa ra đời thần Indra nói rằng ông ta sẽ là đấng thừa hành những sứ mệnh vĩ đại. Cũng có một số Học giả khác cho rằng truyền thuyết Đàn sinh của Đức Phật không ít thì nhiều có ảnh hưởng truyền thuyết Hy Lạp, khoảng thời gian sau khi Đại đế Alexander cai trị vùng Đông Á vào năm 334 BCE, và có một sự hòa

nhập đáng kể về tư tưởng và nghệ thuật giữa Phật giáo và Hy Lạp. Một số khác thì định ninh rằng câu chuyện Đàn sinh là được "nâng lên" từ câu chuyện ra đời của chúa Jesu khi những nhà Thương buôn Phật giáo trở về từ Trung Đông...Tất cả sự tranh cãi này không ngoài mục đích là đánh tan thần tượng thần thánh hóa Đức Phật.

Dù vậy không ai có thể chối bỏ được hình tượng hoa sen-một biểu tượng cho trí tuệ trong nghệ thuật Phật giáo, hoa sen còn đại diện cho sự tinh khiết và thanh cao của tâm linh. Bên cạnh đó bảy bước hoa sen của Đức Phật chỉ cho bảy hướng: Đông, Tây, Bắc, Nam, Trên, Dưới và Tại đây thì không tương đồng với bất kỳ huyền thoại nào khác. Đức Phật ra đời trong một bối cảnh xã hội Ấn Độ đầy phức tạp; mặc dù trong giai đoạn này thế lực chính thống của Bà La Môn giáo đã đến thời kỳ suy yếu; thay vào đó sáu phái Triết học và bảy mươi hai tà kiến với nhiều lập trường triết thuyết tranh nhau hùng cứ bốn hướng đông, tây, nam, bắc và khu vực thượng lưu và hạ Lưu sông Hằng. Sự ra đời của Ngài như để dàn xếp và thống nhất các học thuyết tư tưởng bằng sự giác ngộ thực tại duyên khởi, và chỉ có Đức Thích Tôn mới làm được cuộc cách mạng lịch sử của các trào lưu tư tưởng đương thời. Và cho đến hôm nay, giáo lý giải thoát này vẫn mãi hiện hữu màu nhiệm giữa lòng trời đất bao la, xuyên qua bốn phương đông, tây, nam và bắc của quả địa cầu này.

Ngoài bảy bước hoa sen, huyền thoại Đàn sinh với câu tuyên ngôn: "Ta là Đấng cao quý nhất trong thiên hạ" đã làm chấn động và gây xôn xao cho tất cả người nghe với tất cả thành phần trong xã hội. Câu tuyên ngôn này có mâu thuẫn chẳng khi lập trường của Phật giáo là Vô ngã (anatma hoặc non-theism)? Chúng ta không thể lý giải theo quan niệm "tự tôn" với một trẻ vừa sơ sinh chưa có ý thức phân biệt. Tất cả các nhà Phân tích đều đồng quan điểm rằng cái "Ta" trong câu nói trên như là một sự xác tín về Chân ngã-Phật tính vốn chi phối và điều động sự hiện hữu của thế giới. Cái "Ta" này biểu hiện dưới hình thái con Người-chính là Thượng đế tôn quý nhất trong thiên hạ, nhưng con người đã bỏ quên để rồi lang thang tìm cầu một Thượng đế xa xôi, vô vọng và rồi tự chuốt thêm vọng tưởng khổ đau ! Một cách khác, câu nói này cũng là lời tuyên cáo rằng chỉ có Đức Phật mới là Đấng Thượng đế duy nhất bao hàm Trí tuệ và Từ bi viên mãn, Kokkali nói: "Trí tuệ của Đức Phật rộng lớn như biển khơi, và Thánh linh của Ngài là đầy đủ đức đại từ bi. Đức Phật không có hình thái cụ thể nhưng thể hiện chính mình trong sự hoàn thiện và dẫn dắt chúng ta bằng cả tâm lòng từ bi của ngài" (Buddha's Wisdom is broad as the ocean and His Spirit is full of great compassion. Buddha has no form but manifests Himself in Exquisiteness and leads us with His whole heart of Compassion) (5). Do đó sự thị hiện của Đức Phật không ngoài mục đích tạo dựng một thế giới của tình yêu thương và hòa bình trên căn bản của tuệ giác vô ngã vị tha.

Mỗi Tôn giáo đều gắn liền với huyền thoại của Đấng giáo chủ của chính nó để được trải dài theo thời gian như một sự linh thiêng và huyền bí; cũng như những nhân vật nổi tiếng trên thế giới đều có huyền thoại của riêng mình, như

huyền thoại nhà sáng lập Đế chế Mông Cổ Thành Cát Tư hãn, huyền thoại nhà lãnh đạo chính trị cuộc cách mạng Pháp Napoleon, huyền thoại nữ hoàng Ai Cập Nefertiti, huyền thoại thiên tài âm nhạc Mozart, huyền thoại họa sĩ nổi tiếng Van Gogh, Huyền thoại thi sĩ Nguyễn Du, gần đây chúng ta có huyền thoại minh tinh điện ảnh Marilyn Monroe, huyền thoại bóng đá với chân sút "phù thủy" Maradona, huyền thoại vua nhạc Pop Michael Jackson... tất cả họ đã đi vào dòng thời gian bất tuyệt xuyên qua huyền thoại của chính mình. Các bậc chí sĩ thánh nhân thì có những huyền thoại phi phạm lẫm tử không thể suy lường, như huyền thoại Trang Tử nhập vào bướm, Lý Bạch ôm trăng mà chết, Đức Jesu chịu đóng đinh trên cây Thập tự, Đức Bồ Đề Đạt Ma quày một chiếc hài đi về Thiên Trúc...Trên tất cả huyền thoại, huyền thoại của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giàu chất thi ca và nghệ thuật nhất: sinh giữa rừng hoa, thành đạo dưới gốc cây, thuyết pháp giữa rừng cây và nhập diệt cũng giữa núi rừng tĩnh mặc; điều này đã nói lên rằng chỉ có Đấng Điều ngự Thế Tôn mới thoát khỏi được ngôi nhà Tam giới, ngục tù của vô minh và ảo tưởng.

Không hình ảnh nào tuyệt đẹp và thi vị hơn hình ảnh đàn sinh của Đức Thích Tôn nhẹ nhàng bước trên bảy đóa hoa sen; không có lời nói nào tạo nên sự sùng sốt và bàng hoàng muôn thuở như tuyên ngôn: "Ta là Đấng Tôn quý duy nhất trong thiên hạ." Như là một công án, câu nói này là một lời thôi thúc cho mọi người tìm hiểu học thuyết Phật Đà, và "đến để mà thấy". Huyền thoại đàn sinh như là mệnh đề dẫn nhập hay nhất cho toàn bộ nội dung chi tiết của Giáo pháp Phật Đà bằng qua trên mọi ngôn ngữ và lý luận giả tạo của trần gian.

Ghi chú:

- (1). Ibid, I. 130.9.
- (2). Ibid, I.61.14
- (3). Ibid, V.30.5
- (4). Ibid, III. 34.2.
- (5). The Teaching of Buddha", Bukkyo Dendo Kokkali (Buddhist Promotion Foundation)



QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG III LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC XEM DUY THỨC HỌC

II.- DUY THỨC HỌC VÀ CÁC TÔNG PHÁI:

Trước hết chúng ta đề cập Duy Thức Học quan hệ với hai học phái Tiểu Thừa và sau đó sẽ so sánh Duy Thức Học quan hệ đến các tông phái Đại Thừa.

A.- DUY THỨC HỌC VÀ CÂU XÁ:

Câu Xá là tên của một bộ luận và nguồn gốc của tên này gọi cho đủ là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận. A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận Trung Hoa dịch là Đối Pháp Tạng Luận (Luận về đối tượng Pháp Tạng). Nội dung của Câu Xá Luận nhằm thuyết minh Nhân Không Pháp Hữu làm tông chỉ. Bộ luận này rất quý trọng nơi việc nghiên cứu Phật Học. Người nghiên cứu Phật Học, trước hết phải học tập Câu Xá Luận. Câu Xá Luận vừa là đầu mối, vừa là cơ sở, mà cũng vừa là phương pháp nhập môn, là tuần tự của sự chứng nghiệm, của sự tin giải một cách rõ ràng và cụ thể. Kinh luận thường nói, học Phật và tu hành là để đoạn trừ phiền não và cắt đứt sanh tử. Nội dung bộ luận này đều căn cứ trên các bộ Kinh A Hàm, các bộ Luật và nhất là các bộ Luận của phái Hữu Bộ để thành lập. Câu Xá Luận trình bày vấn đề đoạn trừ phiền não và cắt đứt sanh tử rất có mạch lạc. Người sơ cơ học tập Phật Pháp, nếu như không chịu nghiên cứu bộ luận này để khai mở đầu tiên mà lại đi tham học giáo lý Đại Thừa thì người đó rất cuộc thiếu hẳn căn bản tư tưởng, nguyên vì giáo lý Đại Thừa đều căn cứ nơi Tiểu Thừa để thành lập. Nói chung, giáo lý trong các kinh luận của Tiểu Thừa thì trình bày rõ ràng và ngược lại giáo lý trong các kinh luận của Đại Thừa thì phần nhiều trình bày quá tổng quát. Yếu nghĩa của ba Tạng Kinh Tiểu Thừa đều hàm chứa trong bộ luận này. Câu Xá Luận không những chỉ thuyết minh rõ ràng của Phật Pháp mà lại còn trình bày rõ ràng một loại triết học tông giáo của Ấn Độ. Tại Ấn Độ, bộ luận này được gọi là Thông Minh Luận. Vào thời Lương và thời Trần, thuộc Kỷ Nguyên 548, ngài Chân Đế đến Trung Quốc (1) dịch Câu Xá Luận. Ngài là người nghiên cứu và chứng đắc kim chỉ nam của A Tỳ Đàm. Đến đời Đường, ngài Huyền Trang dịch các bộ luận mới gọi là Tân Luận. Sự nghiệp nghiên cứu của ngài Huyền Trang rất thanh hành một thời và ngài trước tác rất nhiều tác phẩm. Những tác phẩm của ngài có tiếng tăm như là Phổ Quang Ký, Pháp Bảo

Lưu, Viên Huy Tụng Sở, v.v... Về sau, sự sùng thượng Đại Thừa và việc chú trọng bị thất truyền là lý do cũng tại không có người nghiên cứu đến. Phải nên biết rõ, Duy Thức Học và Câu Xá Học rất quan hệ với nhau như máu thịt và xương cốt. Sự quan hệ giữa Duy Thức Học và Câu Xá Học tóm lược có hai điểm chính sau đây:

1)- Pháp Tướng Của Câu Xá Là Chỗ Nương Tựa Của Duy Thức:

Tất cả pháp tướng của Duy Thức Học thuyết minh đã được nói rõ trong Câu Xá. Như danh số tất cả pháp tướng của 75 pháp, của 5 ngôi vị đoạn trừ phiền não và tu hành chứng quả...v.v... đã được Câu Xá Luận sáng tác, chỉ định và giải thích tường tận để lưu truyền cho đời sau. Duy Thức Luận đều căn cứ nơi đó mà lược giải. Tác giả của Duy Thức Nhị Thập Luận và Duy Thức Tam Thập Luận chính là ngài Thế Thân. Tác giả của Câu Xá Luận cũng là ngài Thế Thân. Ngài Thế Thân đầu tiên tu học ba tạng Kinh của Tiểu Thừa và thành quả của sự tu học này, ngài sáng tác bộ Câu Xá Luận. Về sau ngài nhận thấy học lý của Tiểu Thừa thì chưa hoàn toàn cứu cánh. Tiến thêm một bước nữa, ngài nghiên cứu Phật Pháp của Đại Thừa và kết quả của sự nghiên cứu này, ngài sáng tác bộ Duy Thức Luận. Câu Xá Luận thì gồm có 5 ngôi vị và 75 pháp. Nhưng Duy Thức Luận thì gồm có 5 ngôi vị và 100 pháp. Ngoài 75 pháp tướng của Tiểu Thừa, Duy Thức Luận chỉ thêm có 25 pháp mà thôi. Ngoại trừ 25 pháp nói trên, đại cương tổ chức của Duy Thức Luận thì hoàn toàn giống với Câu Xá Luận. Duy Thức Luận chỉ có khác với Câu Xá Luận ở chỗ là hiển bày chân lý pháp tướng một cách sáng tỏ. Người nghiên cứu Phật Học, trước hết nên nghiên cứu Câu Xá Luận và sau đó mới nghiên cứu Duy Thức Luận.

2)- Duy Thức Đả Phá Học Lý Của Câu Xá:

Học lý của Câu Xá Luận thuyết minh phần lớn là chịu ảnh hưởng chỗ kiến giải về học lý của Nhứt Thiết Hữu Bộ và của Kinh Bộ. Như học thuyết: "Ba đời có thật" (Tam thế thật hữu), "Pháp thì có ngã thì không" (Pháp hữu ngã không), "Ba Khoa đều có thật" (Ba Khoa là 5 Uẩn, 12 Xứ, 18 Giới) và "Có Thân Trung Hữu" (có Thân Trung Ấm), v.v... Duy Thức đều phê bình những học thuyết này. Thành Duy Thức Luận, quyển thứ nhất phê bình những học thuyết nói trên cho là Tiểu Thừa và có chỗ không cứu cánh viên mãn. Nói chung, căn cứ nơi sự lý luận của Duy Thức, Câu Xá thuyết minh có chỗ sai lầm, cho nên người học Phật nếu như không nghiên cứu Câu Xá Luận thì không biết chỗ phê bình của Duy Thức như thế nào. Tục ngữ nói rằng: "Biết ta biết người trăm chiến trăm thắng."

Đây cũng vậy, người nghiên cứu Duy Thức Học lẽ tất nhiên, trước hết phải tham cứu giáo nghĩa của Câu Xá Luận.

B.- DUY THỨC HỌC VÀ THÀNH THẬT HỌC:

Thành Thật cũng là tên của một bộ luận. Tác giả của bộ luận này là Ha Lê Bạt Ma, người Trung Ấn. Nội dung của bộ Thành Thật Luận bàn về Lý Không và Lý Không này so với học thuyết Tánh Không Duyên Khởi của Tam Luận thì không giống nhau. Tương truyền rằng, chỗ thuyết minh lý không nơi bộ Thành Thật Luận của hệ phái Kinh Bộ trước tác chỉ nói lên được nghĩa Thiên Không của Tiểu Thừa. Đến đời Diêu Tần, ngài La Thập dịch bộ luận này thành chữ Hán để lưu truyền về sau. Bộ luận này đã được nhiều người truyền bá và tu tập (2). Các học giả sơ dĩ một thời chuyên về Thành Thật Luận là để thành lập một tông phái và họ đã hoàn thành một học phái. Sự hoàn thành học phái của tông Thành Thật được thấy chú trọng nhiều trong Kinh Lục gồm 24 loại. Thế nên biết rằng Tông này rất thanh hành một thời (3). Từ đây trong Phật Học, Thành Thật Luận thật là trọng yếu. Bộ luận này kể từ ngài La Thập trở về sau có người phê phán cho là Đại Thừa và có người phê phán cho là Tiểu Thừa. Trong sử truyện, sự tranh luận vấn đề trên có hơi nhiều. Điển hình như "các học giả từ ngài Trí Nghi Kiết Tạng trở về trước đều cho Thành Thật Luận là bộ Luận của Đại Thừa, cho đến một ít nhân vật như ngài Tăng Nhu Huệ và thứ nữa như ba đại Pháp Sư của nhà Lương đều không cho Thành Thật Luận là Tiểu Thừa. Cho đến các học giả Tam Luận nhìn các học giả Thành Thật Luận cho là những bậc thầy của Đại Thừa Thành Thật Luận. Nhưng đến ngài Kiết Tạng (học giả của Tam Luận) ở trong Tam Luận Huyền Nghĩa, ngài dùng Thập Nghĩa chứng minh bộ Thành Thật Luận là Tiểu Thừa. Thêm nữa ngài Trí Nghi Huệ Viễn cũng cho bộ Thành Thật Luận là Tiểu Thừa. Từ đó các bộ luận được san định nhằm để minh định những loại nào là thuộc về luận của Tiểu Thừa." (4). Thành Thật Luận sơ dĩ bị ghép vào loại Tiểu Thừa là do không có người trước thuật mà ở đây không phải do các học giả Tam Luận phê bình và thêm nữa đời sau Thành Thật Luận lại không có người nghiên cứu đến.

Lý Không của Thành Thật Luận, theo quan điểm của Thành Duy Thức Luận thì thuộc về loại Thiên Không và nó không phải là cái Không thuộc Trung Đạo cứu

cánh. Tông Thành Thật cùng với Duy Thức quan hệ hơi ít. Học thuyết Nhị Đế: có và không, sanh và diệt, một và khác, v.v... của Thành Thật Luận nếu căn cứ nơi rốt ráo Trung Đạo thì cũng có thể giống như giáo nghĩa Tam Tánh và Nhị Đế, v.v... của Duy Thức Luận. Hai bên có thể quan hệ với nhau để phát minh. Như Trí Tạng Thành Thật Luận Sở giải thích rằng: "Trung Đạo Nhị Đế sao gọi là vật được? Trung Đạo Nhị Đế do các pháp sanh khởi thì chưa kể hợp với Pháp Tánh. Đã chưa kể hợp với Pháp Tánh, cái có của Trung Đạo Nhị Đế lẽ dĩ nhiên là thuộc về vọng có và cái vọng có này do cái Không thành lập, cho nên nó cũng thuộc về Tục Đế." (Thấy trong Hoàng Sứ). Tư tưởng đây rất gần nhau với thuyết Y Tha Khởi Tánh (Vạn pháp hiện có là do hư vọng phân biệt sanh) của Duy Thức. Thế của hư vọng là vô tướng, tức là thuộc về loại Biến Kế Sở Chấp Tánh. Còn cho rằng "Vô Tướng tức là chân" thì cũng giống như thuyết Viên Thành Thật Tánh của Duy Thức. Hơn nữa cho rằng: "Chơn và tục thì đồng với trung đạo. Chân Đế thì vô tướng vì nó không phải có (phi hữu) và không phải không (phi vô), cho nên nó chính là Trung Đạo Chơn Đế. Còn Tục Đế thì thuộc về nhân giả tạo, nghĩa là Tục Nhân (dịch thực là nhân) thì không phải Tục Quả (không phải đích thực là quả) nên gọi là không phải có (phi hữu). Nhưng Nhân đây không thể không tạo ra Quả nên gọi là không phải không (phi vô). Học thuyết không phải có (phi hữu) và không phải không (phi vô) chính là Trung Đạo Tục Đế." Nguyên lý Trung Đạo Chân Đế của Thành Thật Luận so sánh thì không khác với Trung Đạo Tam Tánh của Duy Thức Luận.

(còn tiếp)

Chú thích:

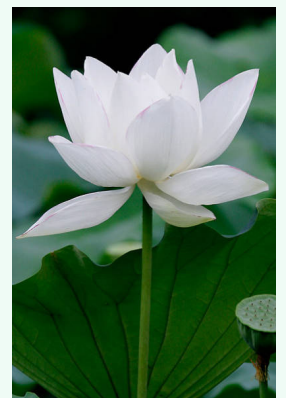
1. Tham cứu "Thang Sứ", phần thứ 2, chương thứ 28, trang 855, niên lịch của Chân Đế.
2. Kết Tạng Tam Luận Huyền Nghĩa nói rằng: "Xưa ngài La Thập phiên dịch Thành Thật Luận Cảnh và ra lệnh cho Tăng Duệ giảng giải."
3. Được thấy trong "Thang Dụng Đồng Phật Sứ," chương 18, trang 721.
4. Được thấy trong "Hoàng Sám Hoa Phật Sứ," tiết 11, trang 120.

Ưu Đàm 2555

Phật Đản hằng năm cứ vẫn về,
Đống lương Giáo hội lại ra đi,
Năm rồi Thuyền Ấn vừa hầu Phật,
Tháng trước Trí Chơn lại quy Tây,
Huynh đệ nhìn nhau buồn rười rượi,
Môn đồ che mặt khóc li bì.
Tăng Ni, Phật Tử đều lo lắng,
Hậu duệ tương lai, cố gắng đi.

(Phật đản Kỷ mao - 2011)

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA



UNITED NATIONS



NATIONS UNIES

THE SECRETARY-GENERAL

**MESSAGE TO EIGHTH UNITED NATIONS DAY OF VESAK CELEBRATION
Bangkok, 12-14 May 2011**

I am pleased to send my warm congratulations to all participants at the Eighth United Nations Day of Vesak celebration in Thailand.

Your chosen theme of socio-economic development may sound modern, but its core is the very problem of human suffering that Siddhartha Gautama sought to address more than 2,500 years ago when he left his palace, relinquished his worldly possessions and went out into the world.

The Lord Buddha, whose birth, enlightenment and passing we mark each year on Vesak Day, bequeathed to humanity vastly profound teachings that can guide our efforts to resolve the most severe problems facing today's world.

His injunction against the three poisons of greed, anger and ignorance can animate multilateral discussions on the hunger that needlessly affects nearly a billion people in our world of plenty, the brutal violence that takes millions of lives each year, and the senseless environmental damage that humans cause to our only home, the planet earth.

Numerous Buddhist organizations are putting these teachings into practice. I am deeply grateful for their support for United Nations activities to achieve the Millennium Development Goals, our blueprint for tackling the major socio-economic challenges facing the world.

On this Day of Vesak, I hope all people can draw on the universal values of Buddhism to act in solidarity with those who are suffering, thereby contributing to a more compassionate and enlightened world for all.

**THÔNG điệp PHẬT ĐẢN
CỦA TỔNG THƯ KÝ LIÊN HIỆP QUỐC
BAN KI MOON**

Ngày 12 - 14/5/2011, Đại lễ Vesak Liên hiệp quốc lần thứ 8 sẽ được tổ chức tại Thái Lan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc, ông Ban Ki-moon, đã gửi bức thông điệp đến Đại lễ. Nay xin giới thiệu nội dung bức thông điệp ấy đến bạn đọc.

Tôi hân hoan gửi lời chúc mừng nồng hậu đến toàn thể quý vị tham dự Đại lễ Vesak Liên hiệp quốc lần thứ 8 tại Thái Lan.

Quý vị đã chọn chủ đề về sự phát triển kinh tế xã hội, một chủ đề có tính hiện đại, nhưng cốt lõi của nó lại là vấn nạn về khổ đau của nhân loại mà chính Đức Phật Thích Ca đã nhìn thấy và đã nhấn mạnh cách đây hơn 2.500 năm, khi Ngài từ giã hoàng cung, từ bỏ những thứ sở hữu của thế tục để xuất gia tầm đạo.

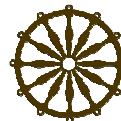
Đức Phật, sự đản sinh, thành đạo và nhập niết bàn của Ngài được chúng ta kỷ niệm mỗi năm vào ngày lễ Vesak, đã để lại cho nhân loại kho tàng giáo lý rộng sâu và kho giáo lý ấy có thể định hướng cho những nỗ lực giải quyết các vấn đề nghiêm trọng mà chúng ta đang phải đối mặt trong thế giới ngày nay.

Lời huấn thị của Ngài chống lại ba thứ độc hại, đó là tham lam, sân hận và si mê. Lời huấn thị ấy có thể khơi dậy những cuộc hội đàm đa phương về sự đói kém đang ảnh hưởng đến gần một tỷ người trong thế giới giàu có của chúng ta, về sự bạo lực đầy tính cướp đi sinh mạng của hàng nghìn người mỗi năm, và về sự tàn phá một trường một cách vô tội vạ gây nguy hại cho ngôi nhà duy nhất của chúng ta, trái đất mà chúng ta đang sống.

Rất nhiều tổ chức của Phật giáo đang thực hành giáo pháp của Đức Phật. Tôi vô cùng cảm ơn sự ủng hộ của họ đối với những hoạt động của Liên hiệp quốc nhằm đạt được Những Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỳ, đối với kế hoạch chi tiết nhằm giải quyết những thách thức về kinh tế xã hội mà thế giới đang phải đối mặt.

Nhân ngày Đại lễ Vesak, tôi hy vọng là tất cả mọi người có thể dựa vào những lời dạy có giá trị phổ quát trong đạo Phật để hành động trong tình đoàn kết với những người đang khổ đau, để góp phần tạo nên một thế giới nhiều tình thương yêu hơn, nhiều sự tỉnh giác hơn cho tất cả chúng ta.

(Minh Nguyên chuyển ngữ)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIỆN XÃ HỘI
Tu viện An Lạc - 901 S. Saticoy Ave., Ventura, CA 93004
Tel.: (805) 659-9845 | (805) 816-8799

Phật Lịch 2554

Số 01/TVTTXH/TB/TVT

THÔNG BÁO

Về Việc Cứu Trợ Nạn Nhân Động Đất, Sóng Thần tại Nhật

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý đồng hương Phật tử,

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2011, một trận động đất với cường độ 9 độ Richter và ngay sau đó đã tạo ra cơn sóng thần lớn nhất trong lịch sử tại tỉnh Fukushima của nước Nhật. Cho đến nay, đã có tới 27,000 người thương vong và mất tích, cùng hàng trăm ngàn người lâm cảnh cửa nhà tan hoang, với tổng trị giá thiệt hại vật chất vào khoảng 300 tỉ Mỹ Kim. Trận động đất và sóng thần còn kéo theo một thảm họa lịch sử khác cho nước Nhật, đó là 6 nhà máy điện nguyên tử bị hư hỏng dẫn đến việc rò rỉ chất phóng xạ độc hại làm ô nhiễm nguồn nước, đất đai và môi trường chung quanh.

Trước thảm nạn của dân tộc Nhật Bản nói trên, Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Miền Nam California và GHPGVNTNHK cũng đã tổ chức lễ cầu an, cầu siêu, gây quỹ, và cử phái đoàn đến Tòa Tổng Lãnh Sự Nhật Bản tại Los Angeles để trao số tiền \$50,500 Mỹ Kim vào ngày 20 tháng 3 năm 2011. Tuy nhiên, vì đây là thảm họa kinh hoàng và sự mất mát của dân tộc Nhật Bản quá lớn, mọi sự đóng góp và giúp đỡ đều vô cùng cần thiết và quý giá.

Chính trong tâm niệm đó, Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTNHK thấy cần tiếp tục mở rộng việc kêu gọi cứu trợ để cộng đồng người Việt và đồng hương Phật tử hải ngoại có cơ hội góp một bàn tay vào công cuộc cứu trợ nhân đạo cho những nạn nhân bất hạnh trong trận động đất và sóng thần tại Nhật. Kính mong quý đồng hương Phật tử vì tinh thần "miếng khi đói bằng gói khi no," hay "lá lành đùm lá rách," của truyền thống văn hóa Việt Nam mà hoan hỷ phát tâm đóng góp tịnh tài, và Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội xin nguyện làm một gạch nối giữa người hảo tâm và nạn nhân thiên tai tại Nhật Bản.

Mọi đóng góp cứu trợ nạn nhân động đất và sóng thần tại Nhật Bản xin gửi về:

TU VIỆN AN LẠC
901 SOUTH SATICOY AVENUE
VENTURA, CA 93004
Tel.: (805) 659-9845
hoặc (805) 816-8799

Phần Memo xin ghi rõ: "Cứu trợ nạn nhân động đất, sóng thần Nhật Bản."

Thành kính tri ân sự đóng góp quý báu của chư quý liệt vị, và thành tâm kính chúc chư quý liệt vị thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện.

Kính thông báo,
Ventura, ngày 02 tháng 4 năm 2011,
Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội,
Tổng Vụ Trưởng,



Thanghae

Tỳ Kheo Thích Thông Hải



Ý THỨC CHẤP NHẬN – CHARLES CHAPLIN VÀ TÂM HỒN NGHỆ SĨ

Phạm Công Thiện

LTS: nhân 49 ngày tưởng niệm Triết gia Phạm Công Thiện vãng sinh, xin công hiến bản đọc chương tám trong tác phẩm xuất bản từ 40 năm trước của ông: **Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ và Triết Học** (tái bản lần thứ tư năm 1970 bởi An Tiêm). Cần nhớ rằng nhiều bài trong tác phẩm này, theo lời tác giả, đã được viết từ nhiều năm trước khi xuất bản, tức khoảng thời gian từ 1960 – 1964, lúc ông mới hai mươi ngoài. Đọc để thấy tài hoa dị thường của một văn thi sĩ, triết gia Việt Nam hiếm hoi của thời đại. (Bản điện tử do talawas.org thực hiện với sự đồng ý của tác giả lúc còn sinh tiền. Xin cảm ơn ban chủ trương talawas)

Con thú vật đau khổ nhứt ở trần gian này là con thú đã tạo ra tiếng cười.
Nietzsche (*Volonté de Puissance*, c. II, tr. 368)

1.

Bản "Limelight" của Charles Chaplin là bản nhạc của Tuyệt Đối, tiếng ca vút trời thăm thẳm của một tâm hồn cô độc nhất trần gian. Nhân loại này còn đau khổ thì điệu nhạc "Limelight" tuyệt vời vẫn còn sống để tha thiết nuôi dưỡng xoa dịu nỗi đau đớn cảm lạnh khôn cùng của những con người vô danh ở dưới mọi phương trời.

Tôi chưa xem phim Limelight của Charles Chaplin, nhưng cần gì xem phim ấy nữa, khi mà mình đã nghe điệu "Limelight" bất tuyệt trong đời mình và qua điệu nhạc triền miên u ẩn ấy, mình đã cảm thấy hết tất cả những bi kịch xót xa nhất của con người, mình đã quì ôm sự đau khổ trong mười ngón tay nước mắt, mình đã run run khi nghe thời gian trôi đi miên man trong gió đời heo hút và nhất là trong một đêm khuya vô định nào đó, mình đã chợt bắt gặp một giọng sông xa xôi trong đôi mắt của một người ca sĩ giữa một đêm vui sắp tàn rồi cuộc đời sẽ đi vào lãng quên, khi mà ánh đèn đã tắt, khi mà người nghệ sĩ đã trở về già?

Mỗi khi nhắc đến tên Charles Chaplin là tôi run run nói không ra lời, cũng như mỗi khi nghe nhắc đến Henry Miller hay Nijinsky hay Blaise Cendrars hay Van Gogh.

Charles Chaplin. Charles Chaplin... Tên người gọi lên một mùa Thu, tên người gọi lên một mùa Đông, tên người gọi lên một mùa Xuân...

Tôi nghe người ta kể lại rằng vở Limelight nói lên tâm hồn bất diệt của một anh hề già, mặc dù đã bị đời lãng quên và sống bần cùng trong đói khổ và tuyệt vọng, nhưng vẫn tha thiết thương yêu cuộc đời.

Anh hề già này cứu một vũ nữ khỏi tự tử và mặc dù chính anh cũng là một kẻ tuyệt vọng chán đời, anh vẫn cố gắng hết sức an ủi, khuyến khích, gây tin tưởng cho cô vũ nữ trẻ đẹp này. Chính những cử chỉ của anh đã khiến nàng trở nên yêu đời, tin

tưởng mình. Rồi nàng trở lại cuộc sống, nhày múa như xưa, chẳng bao lâu nàng bước lên tuyệt đỉnh của thành công và danh vọng; đang khi đó thì anh hề già tóc trắng chìm vào trong đêm tối, bị người đời quên lãng: thế rồi một hôm, đang lúc nàng vũ nữ trẻ đẹp vui tươi nhày múa thì anh hề già gục chết âm thầm dưới ánh đèn sân khấu, không một ai hay biết.

Điều đàn "Limelight" vẫy phủ trọn vở kịch: những kẻ nào chưa may mắn được xem phim, chỉ cần lắng nghe điệu nhạc "Limelight" là cũng cảm được những gì mà ngôn ngữ không thể nói lên được.

Đó là tiếng chấp nhận cuộc đời, chấp nhận một cách trọn vẹn: cuộc đời càng tuyệt vọng, càng đen tối thì lại càng trở nên có ý nghĩa và lại càng đáng sống.

Tôi chỉ có thể sống nổi, khi tôi đau khổ. Càng đau khổ thì càng thấy rằng cuộc đời đẹp hơn.

Charles Chaplin đã nói về ý nghĩa của vở kịch: "Trọn ý nghĩa của vở kịch chỉ là: đừng sợ sống" (That's what it is, that is the whole story, not to be afraid to be alive). [1]

Không sợ sống

Not to be afraid to be alive (Charles Chaplin)

Charles Chaplin đã nói lên một chân lý tuyệt vời nhất của cuộc đời:

KHÔNG SỢ SỐNG

NOT TO BE AFRAID TO BE ALIVE

Tôi phải lặp lại câu nói trên đến lần thứ hai và nếu cần thì cũng có thể lặp lại một triệu lần; mỗi tối trước khi đi ngủ và mỗi sáng trước khi thức dậy, chúng ta cần phải nói thẳm câu trên, nói đi nói lại nhiều lần như một tín đồ Tịnh Độ tông niệm Phật hay một tín đồ Hésychaste niệm Chúa...

Chúng ta đã sợ sống, đó là lý do tại sao chúng ta đã đau khổ. Chỉ khi nào chúng ta không còn sợ sống nữa thì lúc ấy chúng ta mới được giải thoát, Charles Chaplin đã thể hiện câu "không sợ sống" bằng chính cuộc đời mình.

Cả tuổi trẻ của Charles Chaplin là những chuỗi ngày đau đớn tui nhục nhất của một đời người; Charles Chaplin đã từng sống trong đói rét, đã đi làm lụng cực nhọc ngay từ lúc chưa đầy mười tuổi, đã chứng kiến những nỗi đau khổ lớn lao nhất đời ngay từ lúc Charles Chaplin chỉ là một đứa trẻ nhỏ ngây thơ. Mới 5 tuổi, Charles Chaplin đã bị mẹ đem bỏ ở viện mồ côi, vì bà không có tiền mua thức ăn cho con. Ở viện mồ côi, mặc dù mới 5 tuổi, Charles Chaplin đã trải qua những kinh nghiệm bẽ bàng nhất, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, thỉnh thoảng vẫn bị đánh đập mắng chửi tàn nhẫn; và trong 2 năm trời ở viện mồ côi, Charles Chaplin cũng ít được mẹ đến thăm. Đến năm 7 tuổi, cậu bé mới được mẹ đem về nhà để sống những ngày lang thang tui cực nghèo đói, thường đi rong ăn mày ở những đường phố vỉa hè. Sau này, Charles Chaplin đã nhắc lại cho con trai nghe về quãng thời gian ấy: "Con phải tin tưởng nơi con, con ạ. Đó là sự huyền bí kì diệu. Ngay đến lúc mà cha bị bỏ ở viện mồ côi hay lúc mà cha đi rong hoang đàng ở những đường phố để kiếm chút ít đủ ăn để sống qua ngày thì ngay những

lúc đó, cha vẫn tự nghĩ rằng cha là một kịch sĩ vĩ đại nhất ở thế giới. Cha phải cảm thấy sự phong phú triền miên ấy thoát ra từ lòng tự tin mãnh liệt, sự tin tưởng hoàn toàn nơi chính bản thân mình. Không có lòng tự tin ấy, con sẽ kiệt quệ đầu hàng ngay" (You have to believe in yourself, that's the secret. Even when I was in the orphanage, when I was roaming the streets trying to find enough to eat to keep alive, even then I thought of myself as the greatest actor in the world. I had to feel that exuberance that comes from utter confidence in yourself. Without it you go down to defeat) (Charles Chaplin, Jr., My father Charles Chaplin, tr. 11).

Charles Chaplin không sợ sống, chẳng những thế, ông đã sống trọn vẹn nhất, bi tráng nhất. Mặc dù cuộc đời mình chỉ gồm toàn những nỗi đau khổ bất tận, thế mà Charles Chaplin cũng đã làm hề (làm Charlot) để tạo niềm Vui, gây ra tiếng cười ở khắp mọi phương trời.

Hình ảnh Charlot đã đi vào lịch sử, đi vào Nghệ thuật. Élie Faure (cũng một thiên tài lạ thường) đã so sánh thiên tài Charles Chaplin với thiên tài Shakespeare (cf. J. Mitry, Charlot et la "Fabulation" chaplinesque, tr. 22, éditions universitaires. 1957).

Có người đã cho rằng Charles Chaplin là một bậc thánh, một loại thánh đứng ngoài vòng giáo đường, ngoài lề luật. Jean Duviyau nói về Charles Chaplin như sau: "Dưới hình ảnh của anh hề người ta thấy ẩn hình ảnh Jésus; dưới nét mặt của một anh hề làm trò cười, người ta thấy một người chịu đóng đinh để cứu vớt nhân loại" (Jean Duvigaud, "Le Mythe Chaplin" trong Critique, Juillet 55).

Élie Faure là một thiên tài vô danh của văn học Pháp, là một nhà thẩm mỹ học đại tài nhất thế giới, đã ca tụng Charles Chaplin là "một thi hào vĩ đại, nhà thơ duy nhất của thời đại này đã nhìn đời dưới khía cạnh hùng tráng, một cách thường xuyên và đầy ý thức".

Charles Chaplin đã chiến thắng được sự đau khổ vô hạn của đời mình, đã làm cuộc đời mình trở thành một bản đàn bất tuyệt, đã sáng tạo ra Niềm Vui vô hạn cho Nhân loại. Suốt đời, Charles Chaplin vẫn say sưa hăng hái:

Ca ngợi Tình Thương giữa loài người;

Chống đối chiến tranh;
Chống đối chính trị;
Chống đối đời sống kỹ nghệ máy móc.

Charles Chaplin đã bao lần kêu gọi chúng ta: "Các anh không phải là những cái máy! Các anh không phải là thú vật! Các anh là người! Các anh mang tình thương nhân loại trong tim các anh!" (cf. Pierre Leprohon, Charles Chaplin, trang 183, Nouvelles Editions Debresse).

Một điều đáng để ý là Charles Chaplin rất ca ngợi Nijinsky (Nijinsky là một nghệ sĩ vũ sư người Nga, một thiên tài kỳ lạ, sau này trở nên điên; Nijinsky cũng là bạn thân của Charles Chaplin). Đáng để ý nhất là Charles Chaplin rất say mê Spengler và bộ Sự suy tàn của Tây phương; Charles Chaplin cũng say mê Nietzsche, Emerson, và Schopenhauer. Einstein là bạn thân của Charles Chaplin, lúc sinh thời, Einstein thường đến nhà Chaplin và hai thiên tài cùng đàn vĩ cầm chung nhau.

2.

Nói đến Charles Chaplin thì biết nói gì bây giờ, ngoài ra chỉ nói rời rạc như trên?

Charles Chaplin, tôi gọi tên người như gọi tên một rừng chim lạ, như gọi tên giọng sông Danube xanh màu đại dương.

Và sau cùng, tôi muốn trích lại đây lời của thi sĩ Blaise Cendrars nói về Charles Chaplin, một thiên tài nói về một thiên tài:

"Đặc tính của con người là mất, là chết. Chúng ta hãy gặp lên mà cười hết mọi sự. Cảm ơn Charlot!" [2]

Hãy cười tất cả mọi sự!

Cười trước sự đau khổ, cười trước sự chết, cười trước tất cả những tui nhục phủ phàng của đời sống.

Đó là con đường giải thoát duy nhất cho sự đổ vỡ hiện nay của nhân loại. Đó là đạo lý cuối cùng của con người không sợ sống; chúng ta có nên đưa Charlot lên ngôi Thượng đế?

1. Xem Al Hine, "Limelight on Life" trong *College Prose* của Boatright và Hughes, trang 397 (Houghton Mifflin Co, 1956).

2. Blaise Cendrars: "Le propre de l'homme, c'est de disparaître - Hàtons - nous de rire de tout - Merci Charlot!" Xem *Parrot*, Blaise Cendrars, P. Seghers, collection *Poètes d'aujourd'hui*).



ĐÔI MẮT NHÌN CUỘC ĐỜI

Thích Đức Trí

Đức Phật, Đấng đạo sư tôn quý của nhân loại. Ngài đã đến và đi ngang qua dòng đời sanh diệt, hơn 2550 trôi qua, thời gian có thể xóa nhòa đi tất cả, nhưng kỳ diệu thay hình ảnh Đức Phật in đậm trên mặt đất này, pháp âm giải thoát vẫn còn vang mãi trong trái tim nhân loại và chúng sanh. Thế giới hôm nay có lắm thương đau, còn quay cuồng trong sân hận và tham lam. Chiến tranh còn gieo rắc, nhân tình còn chịu khổ vì hoạn nạn tai trời, ách nước. Những cảnh tượng sống động đó đầy đủ chứng minh hùng hồn cho giáo lý cao thượng của Đức Phật -Thế gian vô thường, vô ngã, khổ, không. Ngài tuyên bố: "Ta ra đời chỉ nói khổ và phương pháp diệt khổ". Ngài đã cho nhân loại ánh sáng đạo lý mà tự thân đã giác ngộ, đó là con mắt tuệ giác liễu tri đời sống con người và vạn vật. Trong cuộc đời đầy chạm bẩy bởi thế lực vô minh và nghiệp chướng, chúng ta cần có con mắt tuệ giác của Phật soi đường, hãy vận dụng tâm nhìn ấy để tìm về cội nguồn hạnh phúc vĩnh hằng.

Đức Phật từ bảy bước trên hoa sen và hiện thân làm thái tử đầy đủ cảnh vinh hoa phú quý như vợ đẹp, con thơ, cung vàng điện ngọc, cung phi mỹ nữ của một đời sống dục lạc trần gian. Đôi mắt Thái tử vẫn hững hờ trước đời sống mà thế gian thường hưởng thụ. Thực chất đời sống của Ngài là phú quý trên mọi phú quý, là quyền lực trên mọi quyền lực, vì Ngài ở đời sẽ thừa kế ngôi vị để vương mà vua Tịnh Phạn hằng mơ ước. Đôi mắt ấy, Ngài đã nhìn thấu bản chất của đời sống con người, đó là cảnh sanh già, bệnh, chết, những dục lạc thúc dục mạng sống mong manh, vô thường giả tạm của con người. Từ đó Ngài liền tưởng đến cả nỗi đau nhân thế, mọi kiếp người đang quay cuồng trên sân khấu của cuộc đời ngắn ngủi. Ôi trái tim vị tha của Bồ Tát, Ngài giáng sanh ở trần gian với đôi mắt từ bi vô hạn, từ bỏ tất cả sở hữu hạnh phúc để tìm đường xuất gia, cầu giác ngộ chân lý.

Từ đỉnh cao của sự giải thoát giác ngộ Ngài đã dập tắt mọi thế lực vô minh ngự trị trong tâm mình, khẳng định rằng tất cả chúng sanh đều có đầy đủ Phật chất trong lòng, có khả năng thoát khổ thông qua con đường đoạn trừ

tham ái, chứng đắc tuệ giác vô ngã. Giáo lý đức Phật là mục đích chuyển hóa tâm ô nhiễm thành tâm trong sạch. Nó như một phương thuốc nhiệm mầu trị liệu căn bệnh trầm kha tham, sân, si để hướng tới hạnh phúc chân thật Niết bàn. Niết bàn không phải là cảnh giới hư vô mà là thực trạng vắng mặt mọi khổ đau "Ái diệt tức niết bàn". Chỉ cần dập tắt ngọn lửa tham ái thì cảnh giới niết bàn hiện hữu.

Đức Phật dạy rằng: Mọi người đối trước chân lý đều bình đẳng, không có giai cấp trong con người, khi mở hôi cùng mặn, dòng máu cùng đỏ. Đó là ý thức hệ vô cùng nhân bản, đánh tan mọi quan niệm sai lầm của xã hội Ấn Độ đương thời, vì xã hội ấy đã phân thành bốn giai cấp: 1- Bà-La-Môn tự cho mình là giai cấp tôn quý, nắm mọi pháp quyền, 2- Giai cấp Sát-Đế-Lợi là giữ truyền thống của dòng vua chúa, nắm quyền lãnh đạo. 3- Giai cấp Phệ-Xá thuộc những hạng người thương dân giàu có, 4- Giai cấp Thủ-Đà-La là thứ dân hạ tiện nhất xã hội. Đức Phật đã đem ánh sáng bình đẳng soi rọi vào lòng xã hội, hoàn toàn không phân biệt giai cấp hay sắc tộc, mọi người biết tu tập, mọi người biết hướng thiện thì đều được an lạc.

Giáo lý Đức Phật nhằm thuyết minh hai phương diện hạnh phúc tương đối và hạnh phúc tuyệt đối. Người học Phật phải có con mắt tuệ giác mới đầy đủ năng lực hộ trì chánh pháp, lấy Giới-Định-Huệ làm phương châm tu học, thông qua tu học phước tuệ để xây dựng hạnh phúc cho mình và tha nhân. Con người phải dũng mãnh bỏ đi cái khối ung nhọt của kiến chấp sai lầm, không nên mê muội bám chặt vào chủ nghĩa hình thức tiêu cực, không nên vì thành kiến và tham vọng làm mất đi giá trị tình thương trong cộng đồng nhân loại. Người học Phật sống và làm việc với lòng chân thật, không nên mượn hình thức tôn giáo nuôi lớn quyền lực cá nhân hay sống theo thủ đoạn thế tục. Sống với đạo là trở về với chân lý, sống bằng tình thương và hiểu biết. Theo Phật mà không hiểu lời Phật dạy, không làm theo lời Phật dạy cũng là một hình thức hủy báng Phật Pháp ở đời.

Chúng ta hãy mở mắt nhìn vào dòng lịch sử Phật Giáo từ thuở xa xưa cho đến ngày nay. Phật giáo từ Ấn Độ đến Trung Hoa, đến Việt Nam và tồn tại khắp năm châu bốn bể, nó luôn là kim chỉ nam soi sáng cho con người thoát khỏi khổ đau và thù hận. Trong bão tố cuộc đời như chiến tranh và bạo lực, đạo lý ấy vẫn tồn tại vì dân tộc nào cũng yêu chuộng và gìn giữ. Thế sự có thăng trầm đạo ấy vẫn an nhiên bất động, năng lực của pháp siêu việt lên tất cả mọi triết lý và chủ thuyết.

Hôm nay chúng ta được biết Phật pháp đó là một cơ hội hiếm có trong đời. Nhờ ân Đức Phật, chư Thánh đệ tử của Phật, lịch đại Tổ sư, chư vị Phật tử hộ trì chánh Pháp đã không tiếc thân mạng truyền bá chánh pháp. Chúng ta là

người thừa kế phải biết vận dụng Phật pháp tu học để gột rửa mọi nội kết ngã chấp trong lòng, đem đạo lý tình thương vào đời sống nhân loại. Đó là chánh kiến như Đức Phật đã nhìn cuộc đời. Ở trong kinh Kim Cang có dạy: "Các pháp ở thế gian đều là như giấc mộng, là huyền hóa, như bọt nước, như giọt sương, như điện chớp, phải thường quán sát như vậy". Cuộc đời có gì là thật, kiếp người bao giờ cũng bị trôi buộc trong dục vọng điên cuồng, sự chấp ngã đã gắn vào tâm con người những vết dơ của thù hận và lòng ích kỷ, từ đó tâm ta xu hướng vào vòng ô nhiễm, kết thành hạt giống phiền muộn và vô minh.

Đức Phật đã cho ta con mắt tuệ giác để quán chiếu tường tận mối quan hệ duyên sinh các sự kiện cấu thành thân tâm và thế giới, bỏ đi những nhận thức sai lầm trước mọi hoàn cảnh trước dòng đời luôn luôn vận chuyển trong từng Sát-na. Đôi mắt tinh thức thấy rõ tính chất vô ngã của hiện tượng giới. Ngài dạy: "quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng, tuệ quán chính ở đây...". Do vậy tu học là biết quán sát, không nên đảo bới những mặc cảm thù hận trong đáy lòng mà mất đi tình thương tươi mát vốn có. Không tham vọng về tương lai mang tính chất ảo huyền phi thực tế. Hãy an trú trong hiện tại, làm nhiều điều tốt đẹp lợi ích, phát huy được năng lực tuệ giác vốn có trong lòng mình và có khả năng giác ngộ như Phật. Lại nữa, ở trong kinh Pháp hoa có dạy: "Đức Phật ra đời vì một

đại sự nhân duyên khai thị chúng sanh ngộ, nhập Phật tri kiến". Chúng ta hiểu rằng mục đích Phật xuất thế để thức tỉnh chúng sanh thoát khỏi căn nhà lửa tam giới. Khai tức là mở ra tri kiến Phật, Thị là chỉ cho thấy tri kiến ấy, Ngộ là làm cho thấy rõ, Nhập là vào tuệ giác của Phật. Đức Phật là bậc thầy gương mẫu, đã cho nhân loại một tầm nhìn siêu xuất, nhìn rõ bản chất hư giả của cuộc đời, từ đó mới có thái độ sống cao đẹp.

Là Phật tử chúng ta phải có chánh tín rằng một khi mây mờ phiền não trong lòng đã xua tan thì bầu trời tự tánh giác ngộ được xuất hiện. Đến lúc đó nhìn lại trần gian nhẹ như tờ hồng, bao nhiêu buồn giận hơn thua trong đời đều là sự đại đột ngột. Chúng ta sẽ im lặng quỳ dưới chân đức Phật nở một nụ cười thăm kín trên môi với lòng tri ân, rồi tự mình nói rằng: Kính lạy Phật cho con có mắt nhìn cuộc đời như thật, cho con có cơ duyên thực hiện đạo lý tình thương vô ngã. Thế gian này thật đáng thương, con không có lòng thù hận mà muốn cùng bắt tay mọi người với tình thâm thiết. Trong kiếp người ngắn ngủi này con nguyện thương nhau hơn và cùng phụng sự cho lợi ích nhân loại, có vậy đến lúc nhắm mắt xuôi tay lìa trần không còn sầu khổ và hối hận một đời đã qua sống trong vô nghĩa. Cho con có đôi mắt của Phật để phát huy nguồn yêu thương nội tại trong chính mình và có được hạnh phúc chân thật.

Hạt Bụi Hóa Thân

*Tôi chỉ là một hạt bụi bé nhỏ
Trong muôn vàn hạt bụi ngoài kia,
Từ muôn kiếp qua bao nhiêu các cõi,
Hoá thân theo các duyên nghiệp xa xưa...*

*Từ hạt bụi tôi hoá thân thành tất cả,
Đi sâu vào các cõi với khổ đau,
Thân Người, Súc sanh hay nạ quỷ
Nhấn đến chư Thiên với các cõi tầng Trời...*

*Dù ở cõi nào hạt bụi vẫn mê mải,
Lạc loài qua các nẻo luân hồi
Đi suốt hành trình của một kiếp sống
Rồi lại trở về Hạt Bụi với Hư Không...*

*Hạt Bụi tôi kiếp này đã mời mệ,
Muốn trở về với Chư Phật trong tâm
Nguyên mở lòng xin quy y Tam Bảo
Thắp hương lòng
Sám hối tội
Ăn năn...*

CHIÊU HOÀNG



SUY TƯ VỀ VÔ THƯỜNG VÀ CÁI CHẾT

Matthieu Ricard biên dịch
Hoang Phong chuyển ngữ

"Cái chết không nán ná để chờ xem những gì ta đã làm và những gì ta sẽ còn phải làm."

Tịch Thiên (Shantideva)

Lời dịch giả: Tháng 10 năm 2010 vừa qua, nhà xuất bản Nil vừa phát hành một quyển sách rất công phu dày hơn 400 trang của nhà sư người Pháp, Matthieu Ricard, góp nhặt những đoạn hay nhất trong kinh sách Tây tạng mà ông có dịp chuyển ngữ từ vài chục năm nay. Dưới đây là bản

dịch một chương ngắn liên quan đến vô thường và cái chết. Sách mang tựa đề là "Những con đường tâm linh, tuyển tập nhỏ về những đoạn văn xuất sắc nhất của kinh sách Tây tạng" (**Chemins spirituels, Petite anthologie des plus beaux textes tibétains**).



Mỗi giây phút trong cuộc sống đều tượng trưng cho một giá trị vô biên. Thế nhưng chúng ta lại cứ để cho thời gian trôi đi như những hạt cát vàng lọt qua kẽ hở của bàn tay. Chẳng có gì đáng buồn hơn khi thấy đôi bàn tay trắng vào cuối đời mình. Hãy ý thức sự quý báu của từng giây phút trong cuộc sống. Nên sử dụng những giây phút ấy một cách hữu hiệu hầu mang lại sự tốt lành cho ta và cho người khác. Trước hết phải xóa bỏ mọi ảo giác khiến ta tin rằng "còn cả một cuộc đời trước mặt". Sự sống của ta trôi đi như một giấc mơ, một lúc nào đó nó sẽ dừng lại mà ta không hề hay biết. Không nên nán ná hãy sử dụng những giây phút còn lại một cách thiết thật nhất để khỏi hối hận khi lìa đời. Tu tập để phát huy những phẩm tính nội tâm không bao giờ là một việc quá sớm.

Bản chất phù du của mọi hiện tượng được thể hiện dưới hai dạng khác nhau : thứ nhất là vô thường thô thiển - chẳng hạn như mùa màng đổi thay, núi non sụp lở, thân xác già nua, xúc cảm trời sục - thứ hai là vô thường tinh tế, phát hiện trong từng đơn vị nhỏ bé nhất của thời gian. Trong từng khoảnh khắc cực vi tất cả những gì dù bề ngoài có vẻ bền vững thì thực ra cũng đều không tránh khỏi sự đổi thay. Phật giáo xem thể dạng vô thường tinh tế tương tự như một giấc mơ, một ảo ảnh, một dòng lưu chuyển vô tận không thể nắm bắt được.

Người tu tập phải thường xuyên ghi nhớ trong tâm trí mình ý nghĩ về cái chết, tuy nhiên không phải vì thế mà người ấy phải buồn khổ và u sầu,

trái lại ý nghĩ ấy luôn nhắc nhở họ không nên phí phạm những giây phút trong cuộc sống này mà hãy sử dụng chúng để biến cải nội tâm mình, đúng như những gì mà mình mong ước. Ta thường có xu hướng tự nhủ : "Tôi phải thanh toán cho xong các công việc đang chờ đợi và hoàn tất các dự án dở dang, sau đó mới mở mắt ra được để lo đến đời sống tâm linh." Tuy nhiên đây chỉ là một cách nguy hại nhất để tự đánh lừa mình cái chết là một chuyện hiển nhiên, chỉ có điều là ta không thể biết trước nó sẽ đến lúc nào và trong bối cảnh nào. Trong cuộc sống thường nhật, dù trong cảnh huống nào chẳng hạn như đang đi, đang ăn hay đang ngủ... tất cả đều có thể bất thần biến thành nguyên nhân đưa đến cái chết. Đây là những gì mà người tu tập chân chính phải luôn ghi nhớ. Ở Tây tạng, các nhà tu ẩn dật khi nhóm bếp lúc tinh sương đều tự nhắc nhở lấy mình là biết đâu sáng mai mình sẽ không còn ngồi đây để nhóm thêm một bếp lửa mới. Sau mỗi hơi thở ra họ đều nghĩ rằng mình vẫn còn may mắn để hít vào một hơi thở mới. Ý nghĩ về cái chết và vô thường là động cơ khích lệ họ chú tâm hơn vào việc tu tập hằng ngày.

LONG THỤ (NAGARJUNA - Thế kỷ thứ I) (1)

Ngọn gió của muôn ngàn khổ đau thổi tạt

Lên cuộc sống mong manh như bọt nước này.

Kỳ diệu thay, sau một giấc ngủ dài, Ta thức dậy trong khoan khoái để được hít vào và lại thở ra.

LIÊN HOA SINH (PADMASAMBHAVA, thế kỷ VIII - IX) (2)

Như một dòng thác đổ vào biển khơi,

Như mặt trời, mặt trăng lặn xuống sau những rặng núi xa,

Ngày và đêm, giờ và phút, tất cả qua mau,

Cuộc sống con người trôi đi không kéo lại được.

DILGO KHYENTSE RINPOCHÉ (1910 - 1991) (3)

Như lượng dầu trong chiếc đèn luôn với dần, mọi sự trên thế gian mỗi lúc một gần hơn với hồi chung cuộc. Thật vô cùng nguy hiểm khi nghĩ rằng có thể hoàn tất các công việc dở dang và sau đó sẽ dành quãng đời còn lại của mình để tu tập Đạo Pháp. Có chắc là ta còn sống đến lúc ấy hay không? Cái chết có thể đến bất cứ lúc nào không phân biệt là già trẻ lớn bé! Dù đang làm gì thì ta cũng nên nhớ là mình sẽ chết và luôn tự nhắc nhở mình về điều này trên Đường tu tập [...] Một kẻ tội phạm bị truy nã không có một giây phút nào được yên tâm; lúc nào y cũng lo sợ, phải nghĩ ra trăm ngàn kế

để trốn tránh sự trừng phạt. Chắc chắn ta sẽ không thấy người ấy mãi mê phác họa sơ đồ để thiết kế một căn nhà mới cho mình. Làm thế nào ta có thể lơ là khi cái chết đang rình rập trong từng giây phút? Vậy chỉ còn cách tu tập Đạo Pháp ngay từ giờ phút này, hầu giúp ta biến cái chết thành một người bạn. [...]

Tất cả mọi thứ đều có hạn kỳ. Người nông dân hiểu rõ điều này, họ canh chừng để biết lúc nào cần phải cày, phải gieo hay phải gặt, họ chuẩn bị mọi thứ khi cần đến. Trong lúc ta đang hội đủ mọi điều kiện thuận lợi và gặp được một vị thầy chân chính chỉ dạy, chẳng lẽ ta lại bỏ hoang cánh đồng giải thoát của mình?

Các kiếp sống tương lai đang chờ đợi ta một con đường thật dài cái chết chỉ là một ngưỡng cửa phải bước qua. Ta sẽ bước một mình qua cái ngưỡng cửa ấy, họa may sự tu tập và lòng tin tưởng nơi vị thầy của mình là những gì duy nhất có thể giúp ta trước ngưỡng cửa đó. Cha mẹ, bạn hữu, uy quyền, của cải và những gì ta thường coi trọng đều phải bỏ lại.

Nếu cứ để cho công việc lật vạt làm mất hết thì giờ đến khi hấp hối ta sẽ hối tiếc và sợ hãi sẽ xâm chiếm lấy mình, tương tự như một tên trộm bị nhốt vào ngục và tự hỏi số phận mình sẽ ra sao. Mật-lặc-nhật-ba (Milarépa) có nói với người thợ săn Gonpo Dordjé như thế này : "Hãy đặt lòng tôn kính vững chắc vào Thầy mình và Tam Bảo dù cho phải mất tất cả, nhưng người sẽ sống và sẽ chết trong an bình và lòng tràn ngập hân hoan".

LIÊN HOA SINH (PADMASAMBHAVA, thế kỷ thứ VIII - IX) (4)

Sự sống trôi nhanh như những đám mây mùa thu ;

Cha mẹ, bạn bè như những người [bằng quang] đứng nhìn hàng hóa [trong một ngày họp chợ ;

Thần chết đang lén lút rình rập như chiếc bóng xế buổi hoàng hôn.

Thế giới bên kia [đối với chúng ta] như một con cá trong suốt đang bơi [trong dòng nước đục];

Thế giới như một giấc mơ hiện đến trong giấc ngủ tối qua ;

Thú vui giác cảm thì cũng như một ngày lễ hội phù du ;

Sinh hoạt thường nhật không khác những cơn sóng vô tích sự,

Đang xô đẩy nhau trên mặt nước.

DILGO KHYENTSE RINPOCHÉ (1910 - 1991) (5)

Xuân đến các hạt giống nảy mầm. Hè sang các cây non vươn lên, trở lá và đơm hoa. Sang thu hoa màu chín rộ, mùa gặt hái bắt đầu. Đông về lại xới đất để chờ xuân năm sau. Từng tháng con trăng lên cao và khuất đi, từng ngày mặt trời mọc rồi lại lặn mất, tất cả biến đổi không ngừng. Chiều tối, rộn rã tiếng ca và điệu nhảy của hàng nghìn quan khách ; hừng đông, hoang vắng và yên lặng. Sau những phút ngắn ngủi của một đêm lễ hội, những kẻ trác táng đến gần hơn một chút với giây phút lâm chung...

SHECHEN GYALTSAP (1871 - 1926) (6)

Giữa những đám mây ảo giác và phù du,

Lấp lóe một tia chớp của sự sống này.

Bạn có tin rằng mình còn sống đến ngày mai?

Hãy tu tập Đạo Pháp ngay trong lúc này đi!

GOUNTHANG TENPAI DRÖNMÉ (1762 - 1823) (7)

Trong dòng nước xanh biếc đang nhảy múa,

Giữa tiếng rì rào bất tận của những làn sóng vỗ,

Vang lên tiếng kêu cứu của một người con gái.

Đến khi nào nàng sẽ bị đông cứng trong băng giá của mùa đông?

Những cánh đồng lấp lánh đầy hoa, vang lên tiếng ong rộn rã,

Chẳng mấy chốc sẽ tê buốt trong băng giá của buổi sáng mùa thu,

Để rồi trở thành hoang vắng như những bóng ma,

Rên siết và lo sợ trước những cơn mưa đá đập dồn.

Hai con chuột, một trắng một đen - ngày và đêm -

Luân phiên gặm nhấm những cọng rơm của sự hiện hữu này.

Trong mỗi khoảnh khắc ta bước thêm từng bước,

Để đến gần hơn với kẻ thù là cái chết.

Kìa một cụ già đang khóc đứa con ra đi, Thân cụ run lên và còng xuống.

Mái tóc bạc phơ xoắn lại như một chiếc võ sò.

Nào có ai bảo những người già đi trước?

TENNYI LINGPA (1480 - 1535) (8)

Suy tư về Vô thường

Hãy tưởng tượng bỗng thấy mình rơi trong một nơi xa lạ, chẳng biết từ đâu đến và cũng chẳng biết mình phải đi đâu. Ta lạc vào một thung lũng thật buồn thảm hoang vắng về phương bắc, mặt đất đen xì rải rác những di tích đồ sắt màu gạch đỏ, không một bóng người, từ xa vọng lại tiếng ầm ầm của thác đổ từ các vách đá của những ngọn núi âm u. Các tầng đá sụp lở lăn xuống phá vỡ cả triền núi cao, gió rít trong cỏ dại, một đàn ác thú đang tranh nhau cắn xé một xác chết. Tiếng sủa ăng ăng của chó rừng hòa lẫn với tiếng oang oác của lũ quạ và tiếng kêu than của loài chim cú. Đỉnh núi giống như những lưỡi nhọn đâm thủng cả bầu trời, gió hú, mặt trời lặn xuống sau rặng núi, bóng tối đầy đặc tỏa rộng khắp nơi.

Lạc lõng, không bạn đồng hành, tôi chẳng biết mình đang ở đâu và phải đi về đâu. Vô cùng thất vọng tôi chỉ biết than vãn một mình : "Thật thảm thương, tôi đang ở đâu thế này? Con cái tôi đâu rồi? Cha mẹ tôi? Cửa cái tôi? Xứ sở tôi? Thật vô cùng kinh hoàng!"

Tôi hoang mang muốn bước đi, nhưng vừa nhắc chân lên đã vấp té và ngã lăn xuống một vực sâu. Đang khi rơi tôi bỗng nắm được một bụi cỏ mọc trên một ghềnh đá cheo leo. Tôi nắm chặt chùm cỏ, tuyệt vọng và lơ lửng trong không trung. Nhìn xuống, hun hút không thấy đáy vực đâu cả, nhìn lên vách đá phẳng lì như một tấm gương vút lên tận trời xanh. Gió rít bên tai. Bỗng nhiên phía bên phải của bụi cỏ từ một kẻ hở trong phiến đá có một con chuột trắng chui ra cắn một cọng cỏ và tha vào hang. Bên trái bụi cỏ lại xuất hiện một con chuột đen cắn một cọng cỏ và tha vào một hang khác. Cả hai con thay nhau cắn từng cọng cỏ mang đi, bụi cỏ thưa dần, (hai con chuột một trắng và một đen tượng trưng cho ngày và đêm đang làm cho cuộc sống của ta ngắn lại).

Không có cách nào đuổi hai con chuột, tôi kinh hoàng nghĩ đến cái chết





gần kề: "Thế là giây phút cuối cùng đã đến". Chung quanh chẳng có bóng dáng một ai cho tôi cầu cứu. "Trước đây tôi không hề nghĩ đến tôi sẽ chết và không hề chú tâm vào việc tu tập Đạo Pháp. Tôi không nghĩ phải

giáp mặt với cái chết sớm như vậy, thế nhưng nó lại đang hiện diện trước mặt. Tôi sẽ không còn nhìn thấy các con tôi, bạn hữu tôi, của cải và quê hương tôi. Trước đây tôi chỉ biết gom góp của cải và không hề quan tâm đến những gì tốt đẹp hơn, để rồi giờ đây tôi phải bỏ lại tất cả để đơn độc lạc vào một nơi mà tôi không biết đây là đâu. Thật kinh hoàng! Làm thế nào để thoát khỏi số phận thảm thương này? Còn có một chút may mắn nào giúp tôi ra thoát hay chăng?"

Bỗng nhiên Thầy tôi hiện ra trên bầu trời, mang sáu món trang sức bằng xương, ngồi trên tòa sen cạnh một vầng trăng, đang lắc chuông và đánh vào một cái trống nhỏ (đấy là các biểu tượng mà người Thầy muốn gợi lại cho người đệ tử: hoa sen tượng trưng cho cuộc sống thế tục nhưng vẫn giữ được sự thanh cao, mặt trăng tượng trưng cho lòng từ bi, sáu món trang sức bằng xương tượng trưng cho sáu phẩm hạnh siêu nhiên, chuông nhỏ tượng trưng cho trí tuệ, cái trống tượng trưng cho Đại Phúc hạnh). Thầy tôi múa một cách thật oai nghi trong không trung và nói với tôi:

"Bất hạnh thay! Hiện tượng vô thường đang làm con biến mất. Mùa màng trôi nhanh, tất cả mọi người dù bạn hay thù đều già nua và phải chết. Tuổi trẻ cũng tàn phé theo từng tháng, từng ngày. Không có cách nào để đẩy xa cái chết, tuy nhiên nếu con nghĩ rằng con có thể ra thoát thì hãy nhìn vào cảnh huống của con trong lúc này và tức khắc không được chậm trễ hãy chú tâm nghe thầy dạy bảo với tất cả sự tôn kính."

Khi nghe những lời nói ấy tôi thét lên: "Tiếc thay! con đang đứng trước ngưỡng cửa cái chết và rất hối hận vì trước kia con không chuyên cần tu tập để biến cái tâm thức mình. Dù phải chết hay được sống còn, con xin đặt số phận con vào tay Thầy và Tam Bảo. Xin Thầy và Tam Bảo tràn đầy lòng từ bi hãy giải thoát cho con khỏi vực thẳm và chu kỳ hiện hữu! Thầy là hiện thân của Tam bảo, con xin đặt số phận con trong tay Thầy!"

Khi những lời cầu khẩn xuất phát từ nơi sâu thẳm của đáy lòng ta hướng vào vị Thầy thì một tia sáng cũng phát ra từ tim của vị Thầy rơi thẳng vào tim ta đúng vào lúc mà chùm cỏ đang treo lơ lửng sinh mạng mình sắp đứt hết. Tia sáng kéo ta ra khỏi vực thẳm và đưa ta vào mảnh đất tinh khiết của Đại Phúc Hạnh. Vô lượng tia sáng khác sẽ phát ra từ tim ta để tiếp dẫn chúng sinh trong ba cõi của thế giới ta-bà, không bỏ sót một chúng sinh nào, tất cả đều cùng ta bước vào mảnh đất tinh khiết của Đại Phúc Hạnh. Hãy suy tư như thế để phát huy lòng từ bi cực mạnh.

ĐỨC PHẬT THÍCH-CA MÂU-NI (Thế kỷ thứ V trước Tây lịch) (9)

Như một vì sao băng, một ảo ảnh hay một đốm lửa,
Một ảo giác, một giọt sương mai hay một bọt nước,
Một giấc mơ, một tia chớp hay một làn mây,
Hãy nhìn mọi sự vật cấu hợp giống như thế.

ĐẠT-LAI LẠT-MA THỨ VII, KEL-ZANG GYATSO (1708 - 1757) (10)

Đến lúc phải đặt xuống
Trước ngưỡng cửa cái chết, gánh nặng của kiếp người,
Chẳng có ai mang theo được cha mẹ, bạn hữu,
Tôi tớ và của cải của mình.
Thương thay cho một tâm thức còn bị nô lệ bởi sự bám víu.
Hãy chặt đứt hết các mối ràng buộc ấy đi!

GOTRAKPA (1170 - 1249) (11)

Thân xác, vô thường như sương sớm một ngày xuân;
Tâm thức, phi vật chất như bầu trời trống rỗng;
Tư duy, tan nhanh như một cơn gió thoảng;
Lúc nào ta cũng nên suy tư về ba điều ấy!

GAMPOSA (1079 - 1153) (12)

Bước đầu ta phải khiếp sợ sự sinh và cái chết, như một con hươu vừa thoát bẫy. Giữa đường, ta không nên hối tiếc bất cứ điều gì dù đấy là cái chết của mình, giản dị như người nông dân vừa làm xong công việc đồng áng. Bước vào đoạn cuối của con đường, ta hãy hoan như một người vừa hoàn tất một công việc thật bao la [...]

Cần nhất phải hiểu rằng không được chậm trễ, phải khẩn cấp như ta vừa bị một mũi tên đâm trúng vào một chỗ nhược trên thân mình.

MẬT-LẶC-NHẬT-BA (MILARÉPA, 1040 - 1123) (13)

Khiếp sợ trước cái chết, tôi đi vào các vùng núi non,
Ra sức thiền định về sự bất định của nó.
Chinh phạt được thành trì bất tử của sự trường tồn,
Giờ đây tôi không còn lo sợ cái chết nữa!

JIGMÉ LINPA (1729 - 1798) (14)

Những ai từng bị cái nóng của mùa hè hành hạ,
Đang nhàn nhã dưới ánh trăng vắng vặc của mùa thu.
Họ không có vẻ gì khiếp sợ,
Chẳng qua vì không hề nghĩ đến,
Kiếp sống của họ đã bớt một trăm ngày*.
*(một trăm ngày là thời gian giữa mùa hè và mùa thu)

PATRUL RINPOCHÉ (1808 - 1887) (15)

Bất hạnh thay cho chúng ta còn vướng mắc trong ảo giác,
Còn xem thế giới khổ đau này là thật và trường tồn!
Trước lòng tốt vô biên của vị Thầy,
Chúng ta cầu mong nhận được phúc lành để sống tốt đẹp như một lời giảng huấn!
Sinh ra đời, chúng ta lặn xả vào con đường đang mở rộng,

Nó hướng chúng ta vào một ngưỡng cửa chật hẹp, nơi Thần Chết đứng chờ,
Thịnh nộ và bất trị, Hẩn vung con dao dài và giết chiếc dây thông lọng đen [kêu lên đồm độp],
Hẩn nhìn bằng cặp mắt làm lạnh toát cả người.

Như thế đó chúng ta từ già cõi người,
Thế nhưng trước đây chúng ta chẳng bao giờ nghĩ đến.

Cất giữ trong bao những hạt giống màu trắng,
Chúng ta đem gieo và chờ đến mùa gặt hái.

Là những người nông dân chúng ta nào biết cuộc sống sẽ chấm dứt lúc nào,
Biết đâu chúng ta sẽ không còn đó,
Để nâng chén rượu trong mùa gặt mới?

Ý nghĩ về cái chết chẳng bao giờ hiện lên trong đầu những con gà trống trẻ!

Nếu có những gì khác biệt giữa con người và một thầy ma,
Thì đấy cũng chỉ là một sợi chỉ mảnh buộc vào một hơi thở ngắn.
Thật nhẹ nhàng tâm linh rời bỏ thân xác một thanh niên hấp hối,
Thế nhưng người ta cứ bảo đấy là một sự đau buồn và khiếp sợ quá nặng nề.

Thế còn bạn, đang lúc trẻ trung và tươi mát, ngực áo cài hoa và mang dây trang sức.
Có khi nào bạn nghĩ đến lúc đầu bạc và già nua?

Làm thế nào có thể che dấu được những tàn phá âm thầm của thời gian.
Bạn làm gì được nào? Già nua đôi khi còn tàn ác hơn cả cái chết!

Thân xác này, từng được chăm sóc cẩn thận chỉ là kho chứa đủ mọi khổ đau.

Không báo trước, nghịch cảnh giáng xuống bằng những mũi tên thật bén nhọn,
Những mũi tên của bệnh tật cắt đứt mỗi liên hệ giữa tâm linh và thân xác,
Biến chúng ta thành lễ vật hiến dâng cho Thần Chết.

Xác chết nằm kia khiến mọi người sợ hãi và lánh xa,
Thật ra cũng không khác gì với xác chết của bạn một ngày nào đó!

Xin vị Thầy nhân từ hãy nhìn xuống,
Những khổ đau mà chúng ta đang gánh chịu.

Bất lực không đủ sức nhổ bỏ cội rễ của sai lầm,
Chúng ta bị lừa bịp từ kiếp này sang kiếp khác,
Để phải cuồng quay trong chu kỳ hiện hữu của cõi ta-bà.

Cầu mong chúng ta tìm thấy hạnh phúc,
Và tháo gỡ được các khúc mắc của những ảo giác này!

Cuộc gặp gỡ giữa Patrul Rinpoché và Tcheuying Rangdrol (16)

(Patrul Rinpoché là tác giả bài thơ trên đây)

Một hôm nhà sư ẩn dật và phiêu bạt Patrul Rinpoché cùng với một người bạn là Péma Dorjé đến viếng ngôi chùa Kathok. Họ men theo con đường mòn bên bờ Hồ Đen, vượt qua các băng hà trên dãy núi Thromgo. Sau cùng họ trèo lên được ngọn Núi Thiêng, ngọn núi có một triền dốc thẳng bằng gọi là Nữ Hoàng của các Vách đá Hung ác.

Triền núi này là nơi ẩn dật của một vị đại thiên sư tên là Tcheuying Rangdrol. Tcheuying Rangdrol sống ẩn dật gần như suốt đời mình. Tuy không được học hành cao siêu nhưng đã thấu triệt được con đường thiền định của Đại Phúc Hạnh. Quần áo vốn vẹn một tấm da cừ khoác ngoài đã cũ và mòn nhẵn, bên trong là một manh áo mong manh mà cổ áo lại khâu ngược ra ngoài. Ông chưa bao giờ đi đâu cả, ngày ngày chỉ ngồi yên trên một manh chiếu để lắng sâu vào thiền định.

Patrul Rinpoché và Péma Dorjé trèo đến nơi và gặp Tcheuying Rangdrol đang thiền định. Patrul Rinpoché phủ phục xuống đất và lạy Tcheuying Rangdrol ba lạy, sau đó ông xin Tcheuying Rangdrol giảng dạy cho mình giáo lý về Bản thể của Không gian Rạng rỡ, theo đúng truyền thống của dòng truyền thụ tâm linh thuộc các vị tổ trụ trì của chùa Kathok.

Ngày đầu tiên, Tcheuying Rangdrol chấp tay trước ngực xướng lên vài tiết trong giáo lý, sau đó thì lập lại thật chậm rãi ba lần câu thứ nhất như sau:

(xem tiếp trang 11)



"Nhứt thiết hữu vi pháp, Như mộng huyễn bào ảnh, Như lộ diệc như điện, Ứng tác như thị quán." (Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật)



BƯỚC SEN THỨ BẢY - QUẢ VỊ PHẬT

Thích Nữ Chân Liễu

Mùa Phật Đản đối với những người con Phật là mùa hoa sen nở, thật khó có thể diễn tả hết được niềm hỷ lạc bình an một cách vi diệu trong mùa lễ hội này. Hạnh phúc thay, lành thay bậc trí tuệ giác ngộ ra đời.

Cách nay 2635 năm, tại vườn Lâm tỳ nị, thành Ca tỳ la vệ, Thái tử Tất đạt đa chào đời, như bao hài nhi khác, là một con người sống trên thế giới ta bà, thật sự có cha mẹ, có gia đình và thân bằng quyến thuộc.

A.- Theo truyền thuyết, ngay khi đản sanh, Thái tử Tất đạt đa đi 7 bước, có 7 đóa sen đỡ chân. Truyền thuyết này mang nhiều ý nghĩa thâm sâu và nếu hiểu theo tinh thần tu học, có rất nhiều lợi ích cho người tu.

Một vị Phật ra đời, hay một con người ở thế gian phát tâm bồ đề, đều có thể tu giải thoát, đạt đến địa vị Tôn Quý Tối Thượng. Sự đản sanh của một vị Bồ Tát hy sinh cả cuộc đời vì lòng đại từ đại bi vô tận và đã hành Bồ tát đạo nhiều đời nhiều kiếp, kiếp cuối (nhất sanh bổ xứ) trải qua nhiều khổ hạnh và thiên định, với tâm tâm đạo giải thoát, cứu khổ chúng sinh.

1.- SÁU BƯỚC HOA SEN HÀNH BỒ TÁT ĐẠO

Thái tử Tất đạt đa sau khi cắt đứt mọi trần duyên ràng buộc, xuất gia tu hành chứng túc mạng minh, thấy biết nhiều đời kiếp trước, Ngài đã từng sanh ở đâu, làm gì, trong lục đạo; tất cả những chuyện quá khứ, được chính Đức Phật thuyết và các vị tỷ kheo kết tập lại trong Kinh Bốn Sanh Bốn Sự.

Như vậy, đã nhiều kiếp trước khi thành Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Phật cũng đã trải qua sáu nẻo đường sanh tử luân hồi.

Hình ảnh bánh xe luân hồi diễn tả sự trôi lăn tử sinh của chúng sanh trong lục đạo, tức sáu cảnh giới: trời, người, atula, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Giáo lý đạo Phật chủ trương không tin vào một thượng đế sáng tạo, toàn năng, toàn quyền, thưởng phạt con người tùy tiện theo lòng thương ghét.

Giáo lý đạo Phật giải luật nhân quả rất rõ ràng. Niềm tin sâu xa vào luật nhân quả bình đẳng, giúp con người tâm bình an, dù bao phiền não xảy ra, bởi: từ thân, khẩu, ý, người tạo nghiệp thiện hưởng kết quả, người tạo nghiệp ác chịu hậu quả; dù là người thân yêu nhất muốn cứu hay thay thế cũng không được.

Dụ như hòn đá nặng tất phải chìm trong nước, giọt dầu nhẹ tất nhiên nổi trên mặt nước, đó là nhân quả không sai.

Niềm tin sâu luật nhân quả thiện ác ảnh hưởng vào sự tái sanh 6 cõi luân hồi (thiên, nhơn, atula, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh).

Cõi Thiên: Sanh về cõi trời, nơi

phúc lạc thế gian, hưởng phước đã tạo tác.

Cõi Nhơn: Sanh vào nhân gian làm người, giàu hay nghèo, có thiện có ác.

Cõi TuLa: Sanh nhà quyền quý, phước báo gia đình, cùng chung cộng nghiệp.

Cõi Địa Ngục: Sanh vào nơi đau khổ, vì nghiệp ác sâu dày, thiện nghiệp ít.

Cõi Ngạ Quỷ: Sanh vào nơi bất tịnh, vì nghiệp bòn sên, tham lam ích kỷ.

Cõi Súc Sanh: Sanh vào nơi cầm thú, vì nghiệp sát, si mê quá nặng.

Tuy sống trong lục đạo luân hồi, nhưng các tiền kiếp Đức Phật là vị Bồ Tát hằng sống với Bát Chánh Đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và thường hành Lục Độ Ba La Mật (bố thí, tri giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ).

Sự nỗ lực tu tập Bồ tát hạnh, thực hành Bồ tát đạo của riêng từng cá nhân con người trong thế gian, có thể vượt thoát khỏi lục đạo sanh tử hay không?

Bước hoa sen thứ 7 nói lên rằng: điều đó có thể, điều đó không do ân huệ trời ban cho, hay thần linh thượng đế dành phần riêng cho ai cả, mà chính do nơi tâm đại từ, đại bi, đại lực, đại tinh tấn của người tự tu, tự chứng đạt được mà thôi.

2.- BƯỚC SEN THỨ BẢY QUẢ VỊ PHẬT

Sáu bước sen tinh khiết được tích tụ từ Bồ tát hạnh trong lục đạo. Với tâm từ bi, thanh tịnh, sáng suốt, nhiều đời nhiều kiếp tu hành, Bồ Tát từng xả bỏ thân mạng, cứu khổ ban vui, chan rải ánh sáng từ bi và trí tuệ cho muôn loài.

Ý nghĩa của 6 bước hoa sen đầu tiên thể hiện sự luân hồi trong lục đạo. Thái tử Tất đạt đa dừng lại ở bước sen thứ 7, đó chính là kiếp cuối cùng, chứng đắc quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác, ngay trong cõi nhân gian này.

Đức Phật khi đản sanh bước đi được đến đóa sen thứ bảy, chứng thực một sự thật sâu xa, thật khó thấy khó hiểu, khó nghĩ bàn. Đó là Niết Bàn tịch tịnh của chính con người tu từ bi và trí tuệ, tự cảm nhận được một cách rõ ràng, chứng đắc quả vị Phật.

Đệ tử Phật môn, muốn vượt thoát ra khỏi sự khổ nạn trong 6 cõi luân hồi sanh tử và bước vào được hoa sen thứ 7, đạt đến Niết Bàn an tịnh không còn đau khổ nữa, cần phải tu học và thực hành theo lời Đức Phật dạy:

Con người phải chiến đấu mạnh mẽ với tâm tham lam, tâm sân hận, tâm si mê và phải dùng gươm trí tuệ cắt đứt những đam mê dục vọng danh lợi mà người thế gian cho là quý cần chiếm đoạt và hưởng thụ.

B. Theo truyền thuyết, ngay khi đản sanh, Thái tử Tất đạt đa đi 7 bước, có 7 đóa sen đỡ chân. Khi dừng lại trên hoa sen thứ 7, Thái tử Tất đạt đa tay mặt chỉ lên trời, tay trái chỉ xuống đất, có ý nghĩa là làm tốt thì sanh lên cõi trên (thiên, nhơn, atula), làm ác thì đọa xuống cõi dưới (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) và tuyên bố: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn".

Trong cuộc đời này, con người thường sống với vọng tâm, vọng ngữ, trôi lăn theo cảnh trần đời thị phi, thương ghét, thay đổi tùy duyên tốt xấu bên ngoài, cho nên tâm luôn luôn bất an, loạn động, phiền não, khổ đau.

Cốt tủy của đạo Phật dạy là: con người nên biết sống với chân tâm, chân ngữ, không dính mắc, không trôi lăn, dù cảnh trần đời vô thường, biến đổi, tâm vẫn an nhiên tự tại. Đó chính là ý nghĩa thâm sâu của thuyết vô ngã, hay duy ngã độc tôn.

Đức Phật dạy:

Ai còn tham luyến tức còn ngã ái chấp đây là của tôi, ngã mạn chấp đây là tôi, ngã kiến chấp đây là tự ngã của tôi, thời có dao động.

Ai không tham luyến, thời không dao động. Ai không dao động, thời được khinh an. Ai được khinh an thời không còn chấp. Ai không còn chấp, thời không có đến và đi. Ai không có đến và đi, thời không có sanh diệt. Ai không còn sanh diệt, thời không có đời này đời sau, không có giữa hai đời.

Đây là sự đoạn tận khổ đau.

(Niết bàn - Tương Ứng Bộ Kinh)

Chấp ngã, ham muốn, dục vọng càng to, càng xa Niết Bàn. Đức Phật là bậc đại từ, đại bi, đại trí, đại lực, xa rời tất cả ác pháp, sáng suốt phá tan vô minh phiền não, vượt qua đối đãi (nhị nguyên), đạt được Niết Bàn tịch tịnh. Người phạm trần thường chấp đúng sai, hơn thua, thương ghét, tốt xấu, khen chê, thật giả, nên bị chi phối, trói buộc, mê mờ, vô minh luân

hồi sanh tử mãi, không thoát ra được.

Cũng chính vì cái bản ngã ràng buộc mà chúng sanh chìm nổi trong biển khổ luân hồi. Đức Phật dạy pháp quán vô ngã, nhìn cho thấu đáo tử đại đều do duyên hợp thành, chưa diệt được cái ta tự tôn tự đại, thì còn đau khổ, còn sanh tử. Chuyển mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc, bước ra khỏi lục đạo là giải thoát sanh tử.

Theo "Lý duyên khởi" thì:

- Cái này có, thì cái kia có (có ham muốn ích kỷ, thì có đau khổ tranh chấp)

- Cái này sanh, thì cái kia sanh (có trói buộc tham ái, thì có thù oán sân hận)

- Cái này không, thì cái kia cũng không (không có tham dục, không có ưu bi khổ não)

- Cái này diệt, thì cái kia cũng diệt (bản ngã diệt, vô minh sanh tử diệt).

Vô minh sanh tử diệt,

đạt cứu cánh Niết Bàn.

Đức Phật không đến từ một cõi siêu nhiên thần bí nào. Bản chất một con người, Ngài luôn cảm nhận được một cách trọn vẹn nỗi thống khổ của đời người, từ lúc sanh ra, già, bệnh và chết.

Sau khi chứng quả Vô Thượng Bồ Đề, Đức Phật lưu lại thế gian thuyết pháp và giáo hóa cho tất cả chúng sanh bằng tâm từ bi bình đẳng tuyệt đối, chỉ rõ con đường tu để đạt đến Niết Bàn tịch lạc. Đức Phật tuyên bố:

Ta là Phật đã thành,

chúng sanh là Phật sẽ thành.

Phiền não biết, phiền não đoạn.

Tham sân biết, tham sân dứt.

Vui buồn biết, buồn vui dừng.

Thiện ác biết, thiện ác bớt.

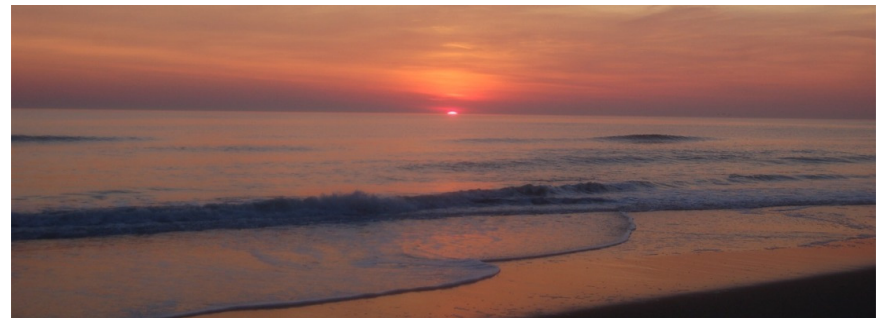
Từng sát na biết, còn gì dính mắc.

Tự tại vĩnh hằng.

Trời xanh mây trắng bay. []

Nam Mô Bốn Sự Thích Ca Mâu Ni Phật

Thích Nữ Chân Liễu



Bình minh đầy một ngày

Ta bám nát đời mình vào những câu thơ Trang điểm tâm hồn bằng lời bằng chữ Ta làm lỡ chỉ thơ tha thứ Cho ta vịn vào khi thiên hạ lụi xa

Trái tim ta chặt chội muốn vỡ oà Nên chịu khổ đau nên chịu khát khao tức cẳng bầu ngực Thơ ve vuốt dịu từng cơn nhức buốt Hơi thở dập dồn sôi tâm tư

Ta ở giữa ngày ta ở giữa đêm Phơi mảnh chữ trụ trần trên trang trắng

Vực vào thơ tìm nguồn bắt tận Đêm trong tiếng cười giọt rơi

Có một mảnh sao băng hoá kiếp mắt rồi Tung toé nước toé tung bùn và rác

Ta nằm chặt tia nắng qua kẽ tay thấy rất hồng thấy li ti bụi vẫn Bình minh đầy một ngày tình giấc lại cho thơ

BÙI KIM ANH



LỄ PHẬT ĐẢN HAY ĐẢN SINH (The Buddha's Birthday)

SASHA MAGGIO - *Hoa Đàm Translations Group* dịch

Ngoại trừ Nhật Bản, các Phật tử khắp thế giới đều mừng ngày Phật ra đời vào ngày "thứ 8 của tháng thứ 4 theo Âm lịch". Như vậy, theo Dương lịch, các Phật tử sẽ mừng ngày Đản Sinh vào ngày 10 tháng 5 trong năm nay 2011. Tuy nhiên, tại Nhật Bản, là nơi theo lịch Gregorian tức là Dương lịch hiện nay mà người Nhật đã sử dụng từ năm 1873 đến nay, thì họ đã mừng Lễ Phật Đản vào ngày 08-4, tức là ngày Thứ Sáu của tháng 4 Dương lịch rồi, hay vào ngày Chủ Nhật trước đó, tùy theo chùa và thánh thất cũng như theo lịch lễ ở mỗi nơi.

Ngày sinh của Đức Tất Đạt Đa Mâu Ni (Siddhartha Gautama)

Đức Tất Đạt Đa Mâu Ni, tức là đức Phật theo lịch sử, được tin là sinh ra tại nước Nepal ngày nay, trong vùng Lumbini. Mẹ của Đức Tất Đạt Đa, hoàng hậu Maya, nghe nói vào buổi tối thụ thai, bà nằm mơ thấy một con voi trắng có sáu ngà trắng, hài nhi đó sau này là Đức Phật. Theo truyền thống, khi hoàng hậu đến ngày sắp khai hoa nở nhụy (sinh), bà đi đến vương quốc của cha bà và lên đường về nhà cha ruột để lâm bồn. Nhưng không may, hài nhi trong bụng không muốn sanh tại vương quốc trong nhà của ông ngoại, nên hoàng hậu đã trở dạ trên đường đi. Hoàng hậu bèn ngừng lại giữa đường và đi vào một ngôi vườn dưới một cây xinh đẹp. Đó là lúc đang mùa xuân, cây cỏ xanh tươi và trở bông rực rỡ chung quanh chỗ hoàng hậu hạ sanh Thái tử Tất Đạt Đa (khoảng năm 563 trước Tây Lịch). Đó gọi là ngày Đức Phật ra đời, được gọi là Phật Đản hay Đản Sinh.

Nguồn gốc dân gian thời đó nói rằng, hoàng hậu Maya băng hà sau khi sanh con được bảy ngày. Người em gái của hoàng hậu bèn thay chị nuôi cháu, được đặt tên là Tất Đạt Đa, thường được diễn dịch là "Người Đạt Mục Đích Viên Mãn."

Đĩ nhiên là câu chuyện Đản sanh còn có nhiều dạng thức khác nhau phản ảnh văn hóa khác nhau tùy theo niềm tin và theo chuyện thần thoại.

Mừng Lễ Phật Đản

Mừng lễ Phật Đản cũng khác nhau giữa các nền văn hóa và giáo phái, nhưng không phải ai cũng mừng lễ Đản Sinh. Tại Nhật Bản, ngày Phật Đản ám chỉ như là Hanamatsuri, hay "Ngày hội hoa." Tại mỗi đền thờ hay chùa, điện thờ đủ loại đủ kiểu dựng lên, chính giữa đặt tượng Đức Phật hay hài nhi Phật. Nhiều Phật tử cũng trang hoàng chùa chiền đầy hoa để làm cho chùa giống ngôi vườn nơi Đức Tất Đạt Đa giáng trần.

Cũng giống như hài nhi vừa lọt lòng mẹ liền được tắm, các tín đồ Phật Tử cũng tắm tượng hài nhi Phật một cách dịu dàng kính mến, nhưng không phải bằng nước. Phật tử được trao cho nước trà ngọt (amacha) nấu bằng hoa hydrangea (hoa tú cầu hay hoa đĩa) để đổ hay dùng muỗng múc đổ lên tượng. Nước trà hoa đĩa mang ý nghĩa dâng lên Phật loài hoa nở đẹp nhất trong vườn mọc chung quanh hoàng hậu Maya lúc bà hạ sanh Đức Phật. Theo một số truyền thuyết, lúc Đức Phật chào đời, có mưa từ trời đổ xuống. Rồi từ đó, nhiều quốc gia, nhiều nơi hay nhiều người cũng dùng nước trà hoa đĩa ngọt như là một cách để kết hợp với Đức Phật, với Giáo Lý của Ngài, và liên kết mỗi người con trong cộng đồng Phật Tử.

With the exception of Japan, Buddhists everywhere celebrate the Buddha's birthday as the "8th day of the 4th month" which many apply to the Lunar Calendar. In that case, the Buddha's Birthday will be celebrated by most Buddhists around May 10th, this year (2011). In Japan, however, where the Gregorian calendar has been primarily used by all Japanese since 1873, the Buddha's Birthday is celebrated on April 8th, or the preceding Sunday, depending on the temple and scheduled services.

Birth of Siddhartha Gautama

Siddhartha Gautama, the historical Buddha, is believed to have been born in modern-Nepal, around Lumbini. Siddhartha's mother, Queen Maya, is said to have dreamt of a white elephant with six white tusks on the evening she conceived the baby who would become the Buddha. According to tradition, when Maya was about to give birth she traveled to her father's kingdom, and she set out for her birth home. Unfortunately for Maya, the baby was less interested in waiting to be born in his maternal grandfather's kingdom, and labor began en route. The queen stopped and went into a garden beneath a beautiful tree. It was spring-time and the blossoms and green surrounded her as she gave birth to Siddhartha (c.563 BCE).

Sources say Queen Maya died within seven days of birthing her son, and her sister served as Siddhartha's surrogate mother. The name given to the baby, Siddhartha, is often translated to me "one who achieves his aim."

There are, of course, variations of this story along with mythical variations that reflect different cultures' belief systems and mythologies.

Celebrating the Buddha's Birthday

Celebration approaches differ between cultures and sects, and not everyone celebrates the Buddha's birth. In Japan, the Buddha's birthday is referred to as Hanamatsuri, or "flower festival." At each Buddhist temple, a shrine of sorts is erected containing a statue of the Buddha or baby Buddha. Many also decorate the temples with flowers to symbolize the garden in which Siddhartha was born.

Just as the baby would be bathed after his birth, visitors to the temples gently bath the statue, but not in water; instead, the visitors are given a sweetened tea (amacha) made with hydrangea blossoms to pour or spoon over the statue. The sweetened tea of hydrangeas is meant to represent the beautiful blooming flowers in the garden surrounding Maya as she gave birth, and rain water that fell from the heavens according to some legends. Many then share in the sweet hydrangea tea as a way of connecting with the Buddha, the Teachings, and each other within the Buddhist community.

SUY TƯ VỀ VÔ THƯỜNG VÀ CÁI CHẾT

(tiếp theo trang 9)

"Thật đáng tiếc,
Quả rất khó để có thể kết hợp
giữa các thể dạng tự do và sự ràng
buộc của các điều kiện,
Cần thiết cho sự hiển lộ của Giác
ngộ."

Thế rồi nước mắt tuôn trào
xuống hai má của ông. Patrul
Rinpoché cũng bật khóc theo và
sau đó Tcheuying Rangdrol giữ yên
lặng một lúc lâu và buổi giảng
chấm dứt.

Sang hôm sau, Tcheuying Rang-
drol lại tiếp tục giảng dạy theo
cách đó, ông không phân tích văn
bản mà đi thẳng vào kinh nghiệm
do chính ông đã đạt được. Sau đây
là câu ông xướng lên:

"Sự sống của chúng sinh đổ
xuống như một thác nước trên
đỉnh núi!"

Ông chấp hay tay trước ngực và
khóc, ông giữ yên lặng một lúc rồi
lại xướng lên:

"Phải coi trọng những điều kiện
thuận lợi đang có và sự tự do mà
mình đang được hưởng.

Đừng phung phí một cách vô ích
cuộc sống này!"

Nhìn thấy thế Péma Dorjé nghĩ
rằng: "Thật hết sức lạ lùng! Một vị
Thầy như Patrul Rinpoché đã thấu
triết toàn thể các giáo lý mà lại
thân hành đến đây để tiếp nhận
một sự giảng dạy sơ đẳng đến
thế! Thế nhưng chỉ cần đơn giản
nhắc đến sự hiểm hoai được làm
thân con người mà cả Thầy lẫn
trò phải ôm nhau mà khóc. Thật
tôi chẳng hiểu gì cả".

(Trong buổi thuyết giảng đầu
tiên, Cheuying Randrol nêu lên sự
khó khăn trong việc tu tập khi phải
mang thân xác trôi buộc của con
người, thế nhưng làm con người là
một điều kiện cần thiết để tu tập,
lời thuyết giảng ấy đã làm cho ông
động lòng trắc ẩn đối với chúng
sinh và bật khóc. Patrul Rinpoché
cảm nhận được những xúc cảm từ
bi ấy trong lòng của Cheuying
Randrol nên cũng khóc theo. Hôm
sau Cheuying Randrol nêu lên số
phận của chúng sinh cùng sự hiểm
hoai và quý báu được làm thân con
người. Niềm hân hoan đó, sự giác
ngộ đó đã làm cho ông lại bật
khóc. Patrul Rinpoché bắt chợt
cũng cảm nhận được sự hiểm hoai
và quý giá ấy khi được làm thân
con người để tu tập, khiến ông
cũng khóc theo. Lòng từ bi và sự
giác ngộ trong lòng hai ông tương
tự như những dây đàn căng thẳng
trong yên lặng, chỉ cần một lời
giảng xướng lên chạm nhẹ vào dây
đàn cũng khiến cho những giọt
nước mắt trào ra. Hai vị đại sư
không đủ sức kiềm chế lòng từ bi
và sự giác ngộ bùng lên thật mãnh
liệt trong lòng mình nên đã ôm
nhau mà khóc).

Hoang Phong chuyển ngữ

Thư Tịch:
1- Nagarjuna, "Lá thư viết cho một
người bạn", "Shes pa'a spring yig", tiết
55.
2- Tiết thơ này được trích dẫn trong

rất nhiều kinh sách Tây tạng.

3- Trích trong "Một trăm lời khuyên
của Padampa Sangyé", Padmakara,
2003, lời bình của tiết thơ 33.

4- Do Schechen Gyaltsap trích dẫn
trong "Theg pa chen po'i blo sbyong gi
man ngag zab don sbrang stsi'i bum
bzang", Vol. 6 (Cha), trong "Collected
works of zhe chen rgyal tshab padma
nam rgyal", nhà xuất bản Shechen
Publications, New Delhi, 1975-1985.

5- Đã trích dẫn (op. cit.) ghi chú 4,
tr. 73.

6- Trích trong tập "Byang chub kyi
sems bsgom pa'i rim pa bdag 'dzoms
'pa'i sman chen" trong "Collected
works of zhe chen rgyal tshab padma
nam rgyal", đã trích dẫn
(op. cit.) ghi chú 5, Vol.5, tr. 41-56.

7- Trích trong tập "Chants de la
vision pure, une anthologie de la
poésie mystique tibétaine" ("Những
bài hát về sự quán thấy tinh khiết,
hợp tuyển thi tập thần bí Tây tạng"),
do Thupten Jinpa tuyển chọn và dịch
thuật, Cathérine Saint-Guilly chuyển
ngữ tiếng Pháp, Éditions Kunchap,
2004, tr.51.

8- Tennyi Lingpa, Péma Tséwang
Gyalpo (bstan gnyis gling pa padma
tshe dbang rgyal po, 1080-1535).
Tuyển tập Kungzang Nyingthig (kun
bzang snying thig), trích dẫn trong
"gter gsar rdzogs chen gyi khrid, yig
ma rig mun sel ye shes sgron me de"
của Chögyal Ngakyi Wangpo, Nga-
wang Dargyé (chos rgyal ngag gi
dbang po ngagdbang darr gyas, 1736-
1807), Paro, Ngodrup Lama and Sher-
ab Demy, 1979, tr. 53-63.

9- Đức Phật Thích-Ca Mâu-ni, Uda-
navarga (Ched du mjod pa'i mtshoms)
(Tự Thuyết Kinh hay Uu-đa-na Kinh),
trong tập các tiết kinh do Dharmatrata
(Đạt-ma Đa-la, đầu thế kỷ thứ IV) kết
tập.

10- Đạt-lai Lạt-ma thứ VII, Kelzang
Gyatso (Skal bzang rgya mtsho, 1708-
1757), theo bản dịch tiếng Anh của
Glenn Mullin, "Songs of Spiritual
Change" ("Những bài hát của sự biến
đổi Tâm linh"), Ithaca, Snow Lion
Publications, 1982, tr.46.

11- Gyalwa Godrakpa (ko-brag-pa
bsod nams rgyal mathan, 1170-1249).
Dịch từ văn bản Tây tạng trong : Cy-
rus Stearns, Hermit of Go Cliffs :
Timeless Instructions of a Tibetan
Mystic, Wisdom Publications, Boston,
2000, tr. 303.

12- Gampopa Sonam Rinchen
(sgam pa pa dwags po lha rje bsod
nams rin chen, 1079-1153), do Dilgo
Khyentsé Rinpoché kể lại bằng cách
truyền khẩu.

13- Jetsun Milarépa (rje btsun mi la
ras pa, 1040-1123) trích từ tập "Cent
mille Chants" ("Thập Vạn Ca") ("mi la'i
ngur 'bum"), do Tsang Nyön Heruka
xuất bản (gtsang smyon he ru ka rus
pa'i rgyan can, 1452-1507), Gangtok,
Sherab Gyaltsen, 1983.

14- "Le Trésor de précieuses quali-
tés" ("Kho tàng những phẩm tính quý
báu") ("Yon tan rin po che'i mdszod")
của Jigmé Lingpa, do Kangyour Rinpo-
ché, Longchen Yéshé binh giảng, Édi-
tions Padmakara, 2010, tr.42.

15- Trích từ tập "Accords sur l'ab-
sence de complications", trong
"Chants de la vision pure, une antho-
logie de la poésie mystique Tibétaine",
do Thubten Jinpa tuyển chọn, Cathé-
rine Saint-Guilly chuyển ngữ tiếng
Pháp, 2004, tr. 47.

16- Do Nyosbul Khen Rinpoché,
Jamyang Dordjé (amyo shul mkhan po
'jam dbyangs rdo rje, 1932-1999) trực
tiếp kể lại cho tác giả Matthieu Ricard.



VIÊN NGỌC NHƯ Ý

Sakyong Mipham

Thị Giới dịch

Một trong những bản văn Phật giáo mà tôi rất thích là bài dạy của một vị Lama cao cấp cho hoàng tử nước Dege, một vương quốc nằm phía Bắc Tây Tạng. Vị Lạt ma nói với hoàng tử, người sắp sửa lên ngôi để lãnh đạo một vương quốc lớn, rằng: "Để thành tựu trong thế giới này, cần có đủ ba điều kiện: trí tuệ, từ bi, và lòng can đảm. Ba điều này dẫn đến một đời sống thành công, hạnh phúc, và viên mãn."

Tính chất đầu tiên để thành tựu trong đời sống là trí tuệ. Trí tuệ là sự nhận biết điều gì sẽ đem đến hạnh phúc chân thật. Phần đông chúng ta sống trong sự điên rồ cho đến hết cuộc đời. Ở Tây tạng, "người điên rồ" có nghĩa là người chỉ làm một việc giống nhau mà mỗi lúc lại mong cầu một kết quả khác nhau. Người điên rồ không biết hạnh phúc chân thật đến như thế nào, họ luôn chạy đuổi theo sau hạnh phúc, nghĩ rằng nó tùy thuộc vào người nào đó hay những sự việc bên ngoài như thức ăn, áo quần. Ngược lại, một người khôn ngoan là người biết tiến thẳng về phía trước, thay vì chạy loanh quanh trong những vòng tròn. Người đó biết nguồn gốc chân thật của hạnh phúc: cái Tâm.

Trong một bài kệ rất đẹp, ngài Santideva (Tịch Thiên) so sánh bản chất chân thật của tâm với một viên kim cương lớn nằm trong một đồng rác mà chúng ta qua lại mỗi ngày. Đó là viên ngọc Bồ đề tâm - tánh chất từ bi và thương yêu của chúng ta. Nó được gọi là viên ngọc như ý vì nó đem đến hạnh phúc và thành tựu. Rác là ẩn dụ cho vọng tâm, tâm thức rong ruổi không dừng, thiếu vắng lòng tin vào nguồn gốc của hạnh phúc chân thật là từ bi.

Khi thoáng nhìn vào viên ngọc như ý này, chúng ta có thể không tin rằng nó luôn luôn đồng hành cùng chúng ta. Do đó, chúng ta làm những cuộc hành trình tìm kiếm nó. Một số người tưởng rằng họ có thể tìm thấy viên ngọc như ý đó chỉ bằng cách rút vào những khóa tịnh tu thâm mật. Có người nghĩ rằng họ có thể tìm thấy nó ở những nơi xa xôi như Ấn độ hay Tây tạng. Nhưng khi họ đi đến đó rồi, họ sực tỉnh ra rằng họ có thể dễ dàng tìm thấy viên ngọc như ý đó ngay tại quê nhà.

Không cần phải du hành đến những xứ xa lạ nào đó để tìm kiếm cái Tâm chân thật của chúng ta. Ở bất cứ nơi nào chúng ta đang ở và trong bất cứ việc gì chúng ta đang làm, viên ngọc Tâm quý báu của chúng ta vẫn ở đó. Khi chúng ta nhận biết lòng từ bi nơi chúng ta, chúng ta có thể nương tựa vào nó để thành tựu trọn vẹn những ý nguyện của chúng ta. Và chúng ta có trí tuệ để nhớ về suối nguồn của niềm hạnh phúc chân thật và sống đời sống xứng đáng.

Từ bi là con đường tốt đẹp nhất để thực hiện trọn vẹn đời sống của chúng ta, không chỉ trọn vẹn trong ý nghĩa tâm linh, mà còn trọn vẹn trong ý nghĩa thế gian. Nhưng vẫn còn một số người nghĩ rằng chúng ta không thể thực hành từ bi từ thứ hai đến thứ sáu, hoặc nghĩ rằng thực hành từ bi không thích hợp với đời sống thực tế. Có thể chúng ta có nghĩ đến từ bi, nhưng chúng ta không sống được với những ý nghĩ đó. Do đó, một điều cần thiết khác là Hùng lực hay lòng can đảm.

Can đảm là dám ghi nhớ trong lòng rằng chúng ta có khả năng thay đổi tâm thức của mình bằng một kỹ thuật đơn giản. Nếu dám dừng lại việc liên tục nghĩ đến bản thân, chúng ta sẽ có thể đến với người khác bằng những câu hỏi "Họ sống như thế nào?", "Họ có nhu cầu gì?"

Với lòng can đảm, chúng ta có thể nghĩ về những điều chúng ta muốn cho mà không cần tính toán sẽ nhận lại được bao nhiêu.

Điều chúng ta luôn luôn có thể cho là lòng từ bi. Tôi để ý thấy rằng khi lo lắng về điều gì, tôi có thể chuyển hướng sự lo lắng của tôi bằng cách phát khởi lòng từ bi, nghĩ đến người khác thay vì đầu hàng trước sự khó khăn của mình. Làm điều đó cũng là tỏ lòng từ bi đối với chính bản thân mình. Nghĩ về người khác làm cho tâm chúng ta thư giãn, mở cửa cho niềm hạnh phúc đi vào. Tâm trở nên nhẹ nhàng, không còn bị đè nặng do ý niệm về "tôi." Đó là lý do khi làm một việc gì tốt đẹp cho người khác, chúng ta thường có cảm giác hăng say, năng động. Tương tự, khi có người nào đối xử ân cần, tử tế với chúng ta, chúng ta nhớ rất lâu. Chúng ta nhận ra sự can đảm trong hành động từ bi khi chúng ta nhìn thấy nó.

Khi nghĩ về những cảm thọ nhẹ nhàng đến từ hành động từ bi, tôi thường liên tưởng đến những vị thầy của tôi. Càng lớn tuổi, các ngài càng tỏ ra vui vẻ hơn. Khi tôi hỏi lý do thì được các ngài trả lời rằng nó đến từ việc hướng tâm đến người khác. Cảm giác hạnh phúc là một phản ảnh của sức mạnh từ bi. Nhưng có điều là ít người hoàn toàn tin rằng lòng từ bi vốn sẵn trong tâm tay của mỗi chúng ta. Chúng ta muốn nghĩ nhiều hơn về chúng ta trước khi có thể nghĩ đến người khác.

Hướng về người khác có thể như là một việc rất đa đoan. Nhưng thật ra hướng về bản thân đòi hỏi nhiều nỗ lực và năng lượng hơn. Khi chỉ nghĩ đến bản thân, chúng ta trở nên nghiêm trọng, căng thẳng và nặng nề. Những thứ làm chúng ta vui trở nên ít hơn, những thứ đem đến hạnh phúc cho chúng ta trở nên bị giới hạn.

Khổ đau xuất hiện khi chúng ta tạo sự ngăn cách giữa chúng ta với những chúng sanh khác. Khi thiền quán về từ bi, chúng ta nhận ra rằng

chúng ta không có mảy may ngăn cách nào với những chúng sanh khác. Họ và chúng ta đều có cùng trải nghiệm. Tất cả chúng sanh đều muốn hạnh phúc và chúng ta mong muốn họ đạt được hạnh phúc. Đó là một sự tu tập hết sức đơn giản, nhưng đó cũng là một sự tu tập tạo nên sự chuyển hóa. Khi chúng ta tiếp tục thực hành việc tu tập này, lần ranh ngăn cách chỉ có trong khái niệm giữa "chúng ta" và "họ" sẽ dần tan biến. Điều đó đem đến cho chúng ta nhiều năng lượng hơn để nghĩ về những nhu cầu của những chúng sanh khác, phát huy những ý niệm và hướng vọng an lành, sống một đời sống đặt căn bản trên những nguyên lý đó.

Nghĩ về việc giúp đỡ kẻ khác là từ bi, biết cách thực hiện ý nghĩ đó là trí tuệ, và cố gắng thực hiện nó là can đảm. Bất kể chúng ta là ai - là những người tu tập hay không tu tập - tất cả chúng ta đều muốn hạnh phúc và toại nguyện. Và từ bi là nguyên nhân đưa đến hạnh phúc và toại nguyện. Từ bi là suối nguồn của niềm vui không dứt.

Khi hầu chuyện đức Dalai Lama về từ bi như là nền tảng của một đời sống có ý nghĩa, chúng tôi ngạc nhiên không hiểu vì sao có nhiều người nghĩ lầm rằng bạo lực là cách làm cho công việc đạt được thành quả trong một ý nghĩa quy ước. Vì sao chúng ta cứ cố gắng giải quyết những vấn đề bằng lòng sân giận, đổ kỵ, và những

phản ứng không thân thiện? Bạo lực không bao giờ ổn định, do đó nó tạo ra sự không ổn định. Bạo lực chỉ là một cách giải quyết ngắn hạn tạm thời, gây ra sự khó khăn và đau khổ cho người dùng bạo lực và những người khác. Khi cố gắng hoàn thành một việc gì đó bằng bạo lực, chúng ta bước vào con đường riêng của chúng ta.

Nhiều người cho rằng sống một đời sống từ bi là vấn đề thuộc tâm linh. Thật sự, sống từ bi là một cách sống có hiệu quả nhất để thành tựu trong bất cứ lãnh vực nào. Tu tập từ bi có thể tốn nhiều thời gian hơn là áp dụng bạo lực, nhưng những kết quả của từ bi thì ổn định và dài lâu hơn nhiều. Từ bi là cách giải quyết dài hạn cho những vấn đề. Cách giải quyết này tạo ảnh hưởng tích cực lên xã hội và nền kinh tế của chúng ta. Nó làm cho đời sống của chúng ta và đời sống của người khác được ổn định. Khi chúng ta có can đảm trong việc trau dồi trí tuệ và từ bi, những loại cỏ dại sân giận, đố kỵ, và ích kỷ có ít khoảng trống hơn để mọc.

Mang viên ngọc như ý vào đời sống là cách chúng ta khởi động nguồn hạnh phúc chân thật, nâng cao tâm hồn và làm giàu thêm năng lượng cho sức sống.

Thị Giới dịch (từ Shambala Sun)

Long Nữ Tán

*Nữ nhi thành Phật bao giờ?
Chuyển xe hoẵng pháp nặng bỏ vai em!
Nguyện cho chân cứng đá mềm
Ngộ tri kiến Phật bên thềm Pháp-Hoa.*

*Tam thừa đâu ngại gần xa
Sấn xe trâu trắng ta-bà dạo chơi
Long cung, Thiên giới... khắp nơi
Thong dong tự tại di dời tùy tâm.*

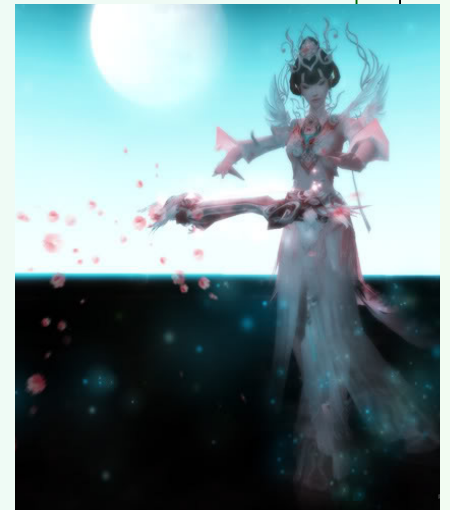
*Văn Thủ Bồ-tát khen rằng
"Long nữ ít tuổi nhưng năng tu hành
Thông minh, tài trí, rất lạnh
Nàng này có thể đạt thành Phật thân".*

*Dâng châu giá trị liền thành
Khắp tam thiên giới nổi danh ngọc này
Hiện thân nam, nữ rất tài
Chỉ trong nháy mắt thành ngay Phật-đà.*

*Khắp trong đại chúng ngợi ca
Quả là nhi nữ tài ba xuất trần
Pháp-Hoa đã tụng một lần
Khai tri kiến Phật hồng trần thoát ra.*

(Đêm tụng kinh Pháp-Hoa -Phẩm Đề-bà-đạt-đa)

THÍCH NỮ VIÊN QUANG



NHỚ PHẬT VÀO NGÀY LỄ VESAK

Thích Nữ Giới Hương

Cách xa dù mấy nhịp cầu
Đến ngày Phật đản năm châu
cũng gần.

Dù ai buồn bán đầu đầu
Nhớ ngày Phật đản rú nhau mà
về.

Đúng thế! Là người Phật tử chúng ta không ai không nhớ ngày lễ Vesak phải không? Vesak là tiếng Pali, tên của một tháng, thường trùng vào tháng năm dương lịch. Vesak cũng là tên của một ngày tức ngày Phật đản hay ngày Giáng sinh của Đức Phật, là một ngày có ý nghĩa trọng đại nhất đối với hàng Phật tử chúng ta trên khắp thế giới.

Vâng! chính đúng vào ngày này cách đây 26 thế kỷ, thái tử Sĩ-đạt-đa thần thái tinh anh, khôi ngô tuấn tú với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi tướng phụ đã ra đời tại vườn thượng uyển Lâm-tì-ni gần thành Ca-ti-la-vệ, Ấn độ nay thuộc vương quốc Nepal. Vừa bước ra từ hồng bào của mẫu hậu, ngài đã kiểng gót trên bày đóa hoa sen với một tay chỉ trời, một tay chỉ đất thốt lên lời nói bất hủ rằng:

Ta là bậc cao nhất trên đời,
Ta là bậc quý nhất trên đời,
Ta là bậc chí tôn trên đời.

Sự sanh ra của Ta, kiếp này là kiếp cuối cùng.

Nay Ta chẳng còn tái sanh nữa.

(Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn,

Vô lượng sanh tử ư kim tận hý).

Chữ 'Ta' ở đây chúng ta có thể hiểu như Niết bàn của đại thừa, nghĩa là bốn đức của chân thường, chân lạc, chân ngã và chân tịnh. Đức Phật ra đời chỉ vì muốn khai thị cho chúng ta ngộ nhập Phật tri kiến tức thấy được bốn đức tánh của niết bàn này, chỉ

cho chúng sanh biết 'Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành'. Đó là lý do trong kinh Pháp Hoa, phẩm 20, Bồ tát Thường Bất Khinh mỗi khi gặp bất cứ ai cũng đều cung kính lễ bái thưa rằng: 'Tôi không bao giờ dám khinh quý ngài, vì tương lai quý ngài sẽ thành Phật', nghĩa là tất cả chúng sanh cuối cùng và chắc chắn sẽ đạt Phật quả nếu chúng ta muốn. Thành Phật là đạt niết bàn, là đạt cái 'Ta' này và chỉ có niết bàn và 'Ta' là hơn hết; chỉ có giác ngộ, bậc Giác ngộ là tôn quý hơn hết. Đó là chỗ cứu cánh tối hậu của Phật giáo. Đó là bản tuyên ngôn đầu tiên, là chân lý tuyệt đối hằng hữu mà Đức Phật sơ sanh muốn giao phó, khai thị cho chúng ta từ ngàn xưa cho đến ngày nay và mãi mãi về sau.

Nhắc đến lễ Vesak, lòng chúng ta như tràn đầy niềm hoan hỷ và thành kính vô biên. Chúng ta như sống lại thời xa xưa cách đây hơn 26 thế kỷ, như chiêm ngưỡng lại khung cảnh thiêng liêng khi thái tử Sĩ-đạt-đa sơ sanh giáng thế trong ánh nắng của buổi bình minh lấp lánh, trong không khí vui tươi tưng bừng của thiên nhạc, chim hót, trăm hoa đua nở tại khu vườn thượng uyển Lâm-tì-ni... tất cả như hân hoan đón chào Bậc tuệ giác vô song, bậc đại vi nhân mở đầu cho một kỷ nguyên của an lạc và giải thoát ra đời.

Thành tâm kính lễ Ngài

Một đóa hoa đẹp nhất và quý nhất
trong vườn hoa nhân loại.

Nam Mô Đầu Suất Giáng Trần, Lâm Tì Ni Thị Hiện, Ta Bà Giáo Chủ, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(trích Sách "Hoa Tuyết Milwaukee", Thích Nữ Giới Hương)

Chiếc giày

Giấc trưa buông hết đường trần
Chiếc giày, chim đậu... thấy gần ý thơ
Trời trong nắng lạnh, sương mờ
Giày treo trên đó tay sờ chân không.

Con diên

Cơn diên của thiên sư:
Đốt cháy khối suy tư
Ước lệ đời đạp nát
Về chơi giữa thái hư!
Tĩnh tọa nghe tiếng đế
Đường nhân, ngã lễ thế
Mộng dài từ vô thị
Thôi! ai ở ta về.



HUYỀN VŨ

KHỞI ĐẦU LÀ TÂM

Cư Sĩ Nguyên Giác



Lời ngắn gọn về giáo pháp nhà Phật, có lẽ nên gọi đơn giản là "pháp tu tâm." Và ngay cả, nếu có nhiều cách trình bày ngắn gọn khác, theo diễn giải của từng vị Thầy, nhưng chắc chắn vẫn không thể lia tâm mà nói.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 cũng từng nói, "Đây là tôn giáo đơn giản của tôi. Không cần ngôi chùa nào; không cần triết lý phức tạp nào. Chính bộ óc chúng tôi, quả tim chúng tôi là ngôi chùa của chúng tôi; triết lý [chúng tôi] là từ bi." (This is my simple religion. There is no need for temples; no need for complicated philosophy. Our own brain, our own heart is our temple; the philosophy is kindness.)

Như thế, khởi đầu phải là tâm. Nghĩa là, trước tiên phải từ nơi các hoạt động của tâm mà tu, phải thanh tịnh trước tiên là từ nơi niệm, suy nghĩ, nhận thức, lý luận, cảm xúc, tưởng tượng, ước mơ, ý chí...

Bởi vậy, khởi đầu trong Kinh Pháp Cú là lời Phật giảng về tâm. Từ đây sẽ là nền tảng cho mọi pháp tu về sau. Bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu về bài kệ đầu tiên này là:

*"Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo."
(Kinh Pháp Cú, Phẩm I)*

Nghĩa là, tất cả các pháp đều chiêu khởi từ tâm.

Truyện tích ghi lại trong tập "The Dhammapada: Verses and Stories" (nguồn: www.tipitaka.net), rằng khi Đức Phật ngụ ở tu viện Jetavana ở Savatthi, đã nói lên bài kệ này để giải thích về Trưởng Lão Cakkhupala, một vị A La Hán mù.

Một đêm, ngài Cakkhupala trong khi thiền hành đã sơ ý giẫm chết một số côn trùng. Buổi sáng, một số thầy tỷ kheo tới thăm trưởng lão, gặp côn trùng chết, mới suy nghĩ xấu về trưởng lão, và kể lại với Đức Phật. Đức Phật hỏi họ, có phải họ thấy Trưởng Lão Cakkhupala giết côn trùng không. Khi họ nói không thấy, Phật mới đáp, "Cũng như quý thầy không thấy trưởng lão đó sát sanh, vị trưởng lão đó cũng đã không thấy là tự mình đạp chết côn trùng. Thêm nữa, vì Cakkhupala đã chứng quả A La Hán, nên không thể có ý định sát sanh, và do vậy không có tội."

Khi được hỏi vì sao Cakkhupala bị mù, mặc dù là một vị A La Hán, Phật mới kể rằng Cakkhupala là một y sĩ trong một tiền kiếp. Một phụ nữ bệnh mắt, có hứa là nếu chữa, cô và các con sẽ làm nô lệ cho y sĩ này. Nhưng khi mắt chữa lành xong, cô sợ là cô và các con sẽ làm nô lệ như lời hứa, mới nói là mắt cô đang tệ hại thêm. Vị y sĩ biết cô nói dối, mới đưa thêm thuốc xức mới để làm cô mù mắt luôn. Vì làm ác như thế, y sĩ này đã bị mù mắt trong nhiều kiếp về sau. Kể xong, Phật đọc bài kệ trên. Nghe xong, ba mươi ngàn tỷ kheo đồng chứng quả A La Hán.

Như thế, tâm đã khởi lên nghiệp và từ đây dẫn tới thế giới chúng ta đang thọ dụng. Ngắn gọn, tất cả các cảnh hôm nay là sinh khởi do nhân kiếp trước. Tất cả các pháp chúng ta thọ nhận đều từ tâm sinh khởi. Đó là lý do, khởi đầu Kinh Pháp Cú, Phật dạy là phải tin sâu nhân quả. Vì cảnh khổ đau từ tâm dẫn tới, và như thế, diệt khổ phải từ tâm mà tu mới là tận gốc. Tất cả không lia nhân quả mà có.

Một điều ghi nhận, rằng một số vị Thầy có vẻ tránh nói tới nhân quả ba đời mà chỉ ưa nói tới an trú hiện tại, tránh nói tới "khổ" mà chỉ ưa nói tới "lạc," tránh nói tới làm tâm lia gốc ô nhiễm mà chỉ ưa nói tới hãy cảm nhận lạc thọ của thân tâm hiện nay.

Do vậy, khi nào hết nghiệp cõi người, và có tâm tương ứng với cõi trời, chúng ta có thể thấy cõi trời hiện ra. Như trường hợp ngài Dīpa Ma (1911 - 1989), nguyên học Thiền Minh Sát từ Miến Điện và sau đã đi dạy nhiều nơi trên thế giới -- được kể trong sách "Knee Deep In Grace: The Extraordinary Life and Teaching of Dīpa Ma" (sưu khảo của Amy Schmidt, bản Việt ngữ là "Ngập Sâu Trong Ân Sủng: Cuộc đời ly kỳ và Giáo pháp của Nữ Thiền sư Dīpa Ma," do Thiện Nhục phỏng dịch).

Do vậy, các pháp không lia tâm mà có. Thế giới này hiện ra với chúng ta là qua chúng ta nhận biết - vì chúng ta đang nhìn, nghe, ngửi, nếm, suy nghĩ, cảm thọ... Tâm chúng ta như tấm kính lớn, trong đó thế giới hiện ra. Mặt trời, mặt trăng, nhà cửa, núi, sông, vân vân hiện ra là qua nhận biết của chúng ta. Tiếng chim, tiếng suối reo, tiếng người, vân vân là hiện lên trong nhận biết của chúng ta. Và toàn bộ thế giới, là từ nghiệp mà hiện ra với thân ngũ uẩn này của chúng ta. Thế nên, Đức Phật mới đọc bài kệ, khởi đầu Kinh Pháp Cú, rằng, "Ý dẫn đầu các pháp..." Ý, hay tâm, là mẹ của các pháp, và cần được giữ cho trong sạch.

Đó là lý do Đức Phật tóm gọn giáo pháp của Ngài bằng bài kệ:

*"Không làm mọi điều ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy."
(Pháp Cú. 183)*

Pháp tu "giữ tâm ý trong sạch" có thể thực hiện ngay trong đời thường của chúng ta. Trong khi đi, đứng, nằm, ngồi và trong mọi việc làm trong đời thường, chúng ta chỉ cần nhìn thấy tâm ý của mình lúc nào cũng "tinh giác và lặng lẽ." Với thời gian, tâm sẽ thuần thực. Bạn có thể thử quan sát tâm ý mình như thế.

Và sẽ thấy gần như là tức khắc, cảm giác hạnh phúc sẽ hiện ra ngay trên thân tâm của bạn, khi hơi thở dịu dàng hơn, và khi tâm ý bắt đầu tinh giác và lặng lẽ. Từ sáng đến tối, hãy quan sát như thế.



LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA

(từ Sơ Sanh đến Xuất Gia)

Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ biên soạn

Em Nghe:

Vào khoảng thế kỷ thứ 6 trước Tây lịch, dân tộc A-ly-an (Aryen) thuộc nước Ấn Độ và chia dân chúng ra thành bốn giai cấp như sau :

1. Bà-la-môn: Gồm các đạo sĩ học hành uyên thâm, giới hạnh đoạn nghiêm. Văn hóa của dân tộc đều nằm trong sự điều khiển của các bậc này.
 2. Sát-đế-ly: Dòng dõi vua chúa.
 3. Phệ-xá: Hạng buôn bán.
 4. Thủ-đà-la: Dân tơi tớ lao động.
- Ngoài ra còn có chủng tộc Ba-ly-a, là dân tộc mọi rợ.

Chỉ có ba giai cấp trên được quyền học đạo. Hai giai cấp sau cùng không có quyền đọc kinh sách, ngược lại chỉ làm tơi tớ cho ba giai cấp trên.

I. Sự ra đời của Thái tử:

Vào năm 623 Trước Tây Lịch, Vua Tịnh Phạn được 50 tuổi, và Hoàng Hậu Ma Gia được 45 tuổi, một hôm trong giấc ngủ an lành, hoàng hậu mộng thấy một con voi trắng sáu ngà chui vào hông bên phải của bà và sau đó thì hoàng hậu thọ thai. Thái tử sanh vào ngày trăng tròn tháng hai Ấn độ, tức nhằm ngày rằm tháng tư âm lịch năm 624 trước Tây lịch, dưới cây Vô ưu, vườn Lâm Tỳ Ni, nước Ca Tỳ La Vệ. Ngài được đặt tên Tất Đạt Đa, họ Thích Ca, vì Thích Ca là chi nhánh của dòng dõi Kiều Tất La nên ngài được gọi là Kiều Tất La Thích Ca Tất Đạt Đa.

II. Tướng mạo Thái tử:

Thái tử có 32 tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Tướng số A -Tư-Đà nhìn thái tử và nói rằng : "Nếu thái tử làm vua thì sẽ làm vị chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia thì sẽ thành Phật." Ông A-Tư-Đà vừa vui vừa buồn. Vui là thái tử sẽ thành Phật, và

buồn vì khi thái tử thành Phật thì ông không còn sống nữa.

III. Cuộc sống của Thái tử:

Thái tử chào đời được bảy ngày thì hoàng hậu Ma Gia qua đời. Thái tử được di Ma Ha Ba Xà Ba Đề nuôi dưỡng. Thái tử nổi tiếng thông minh, văn võ song toàn, lại luôn luôn khiêm tốn, lễ độ nên được mọi người yêu chuộng. Đến năm 17 tuổi, sau khi chiến thắng được tất cả các cuộc thi đua, Thái tử cưới công chúa Da-Du-Đà-La làm vợ và sanh được đứa con trai tên La-Hầu-La.

IV. Thái tử tiếp xúc với đời:

Thái tử xin cha đi du ngoạn để biết cuộc sống ở ngoài hoàng cung. Lần thứ nhất ở cửa thành phía Đông ngài gặp một cụ già da nhăn, lưng còm, tai điếc. Lần thứ hai ở cửa thành phía Tây gặp một người bệnh rên la thảm thiết. Lần thứ ba ở cửa thành phía Nam ngài chứng kiến một đám tang, thân nhân khóc la sầu thảm. Bấy giờ thái tử mới thực sự biết rõ thực trạng đau khổ của kiếp người. Lần thứ tư ở cửa thành phía Bắc gặp một vị sa môn. Nhìn hình ảnh thanh thoát của vị sa môn làm thái tử này sanh ý chí tìm đạo. Ngài hiểu rằng chỉ có phương pháp xuất gia, tìm đạo giải thoát, mới mong cứu được hết thảy chúng sanh khỏi khổ đau.

V. Thái tử xuất gia:

Một đêm kia, sau buổi yến tiệc linh đình, thừa lúc mọi người đang ngủ say, thái tử nhìn vợ con lần cuối rồi cùng Xa-Nặc phi ngựa Kiền-trắc theo hướng Đông Nam. Đến dòng sông A-Nô-Ma, ngài cởi hoàng bào, cắt tóc, và trao gươm báu cho Xa-Nặc đem về cho vua cha để bày tỏ ý chí cương quyết xuất gia của Thái tử. Ngài xuất gia vào lúc trăng tròn tháng 2 Ấn độ lúc ngài được 19 tuổi.



Em Suy Nghiệm:

1. Ngài luôn luôn nghĩ đến sự khổ đau của chúng sanh và tìm cách cứu giúp.
2. Thái tử xem nhẹ danh lợi, tài sắc, giã từ hạnh phúc gia đình để đi tìm hạnh phúc chân thật.
3. Ý chí dũng mạnh, cương quyết của Ngài đã giúp ngài vượt qua mọi gian khổ trên bước đường xuất gia.
4. Sự có mặt của Ngài không phải là huyền ảo. Chính lịch sử nhân loại đã chứng minh ngài là một nhân vật lịch sử, một nhân vật có thật.

Em Tu Tập:

- Không đua đòi theo thế gian.
- Không ăn chơi quá độ.
- Không ngủ quá mức.
- Luôn nghĩ đến khổ đau của người khác.
- Thương mọi người như thương chính bản thân mình.
- Không hơn thua ganh tị.
- Giúp đỡ mọi người.
- Không hèn nhát trong lễ phải.
- Đừng sợ hãi khi đối diện với sự thật.
- Tinh tấn trong việc học hành cũng như công việc làm.



The History of the Gotama Buddha (From His birth to departing)

Perception:

During the 6th century B.C., Aryans dominated India and classified the Indies into 4 classes as follows:

1. The Brahmin: Composed of all the intellectualists and elites.
2. The Ksatrya: Composed of the royalties and emperor's descendants.
3. The Vaisya: Composed of business people.
4. The Soudra: Composed of slaves.

There was also another class named Pariahs. This class was composed of all countryside and uncivilized people. The three upper classes had all rights in practicing religions as well as doing things from which the lower two classes were prohibited.

I. Prince Siddharta's Existence:

In the year the King Suddhodana was 50 years old and his wife, Queen Mahamaya was 45 years old, the queen had a dream. In her dream she saw a white elephant with six tusks enter on the right side of her body. That night she conceived Prince Siddharta. He was born on the full moon day in February, Indian calendar, which is the same as the full moon day in April on the Lunar calendar, 624 B.C. He was born under the Asoka Tree, in the Lumbini garden of the Kapilavastu City. His full name was Kausala Sakya Siddharta. Sakya was his last name, and is a branch of the Kausala royal.

II. Prince's Characteristics:

He was born with many special features

and was beautiful. The prophet Asita had predicted that Prince Siddharta would either be an invincible ruler or a Buddha. Asita had mixed emotions about the prophecy. He was happy to know that more than likely Siddharta will become a Buddha, yet he was sad he would not be around to see the Buddha.

III. Prince's Life:

Seven days after his birth, queen Mahamaya took her last breath. His aunt, Queen Pajapati, also married to the king, raised him. He was very intelligent and well trained in the martial arts, yet he remained calm and well mannered, which earned him a very good reputation. In his teenage years, he proved to be an over-achiever. He married princess Yasodhara at the age of 17 and had a son named Rahula.

IV. Prince's Encounters in Life:

The Prince asked for his father's permission to visit the city to learn about life on the other side of the Palace. On the first occasion, he saw a deaf old person with wrinkles all over his body and a hunch back. On the second occasion, he saw an ill person who was crying about his illness. On the third occasion, he saw people carrying a dead body, followed by grieving relatives. At this moment, he realized the true sufferings all beings must undergo which he had never been told of before. The last time he visited the city, he saw a Brahmin monk with a profound appearance. He knew then the only solution to save all living creatures was to become a monk. He made a decision to seek to end sufferings and lead all beings to it.

V. Prince's Detachment From the Pleasure World:

One night, after a royal party, when everyone was in a deep sleep, he took a last look at his family, Then the prince and his charioteer Channa rode his horse Kanthaka towards the Southeast. They stopped at the Anoma river. Prince Siddharta cast off his royal garments and ornaments, cut off his long hair and took off his sword. All this he gave to Channa and told him to return to the palace. The prince alone was on his way to seek a true religion.

I contemplate:

1. The Prince always thought about suffering which all living creatures face and sought for the solution to end the suffering.
2. The prince cared less about his reputation, wealth, and self happiness. He would rather seek for a true happiness.
3. His determination and courage helped him to bypass all his troubles
4. His existence was not a miracle or fantasy. History has proven that he was an actual human being.

I practice:

- Stop having overwhelming desires.
- Stop spending lavishly.
- Stop sleeping long hours.
- Have sympathy for the troubles of other people.
- Love everyone as you love yourself.
- No possessiveness or clinging.
- Help those who need help.
- Stand up for the rights of everyone.
- Don't be afraid to look at the facts.
- Persevere in school as well as in work.





CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM - NAM CALIFORNIA

Ban Tổ Chức Lễ Hội Phật Đản Liên Châu PL 2555

8261 Sixty Ave., Garden Grove, CA 92641
Tel: 714-636-4725, fax: 1_garden_hoi@vsa.org

THƯ MỜI

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính Giới: Chư tôn đức Tăng Ni

Chư Phật tử và đồng hương gần xa,

Vì một nhân duyên lớn, Đức Phật ra đời để cứu độ chúng sinh. Do đó, hằng năm Tăng-Ni và tín đồ Phật Giáo khắp nơi trên thế giới hân hoan tổ chức ngày Đại Lễ Đản Sinh của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni Phật.

Trong tinh thần tưởng niệm ân đức sâu dày của Đức Thế Tôn, Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam - Nam California hợp tác với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu tổ chức Lễ Hội Phật Đản Phật Lịch 2555.

Đại lễ khai mạc lúc 2 giờ chiều Chủ Nhật ngày 1-5-2011.
Tại sân đường Arena Anaheim Convention Center
800 N. Katellar Ave., Anaheim CA 92802, Tel: 714-765-8950

Nhân dịp này, chúng ta cầu nguyện cho các chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và đồng bào đã hy sinh vì lý tưởng: Hòa Bình Tự Do và Dân Chủ. Đồng thời, chúng ta cũng nguyện cầu hồng ân Chư Phật gia hộ cho dân tộc Việt Nam sớm thoát khỏi gông cùm xiềng xích chế độ độc tài của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ban tổ chức Lễ Hội Phật Đản chúng tôi kính mời quý vị dành chút thời giờ quý báu quang lâm dự ngày lễ hội nói trên.

Sự hiện diện của quý vị sẽ làm cho Lễ Hội Phật Đản thêm phần trang nghiêm và trọng thể.

California ngày 4/4/2011
Trân trọng kính mời.

TM Ban Tổ Chức
Trưởng Ban

Hòa Thượng Thích Chơn Thành



Mừng Phật Đản

Ngắm bông hoa nở thắm tươi, (1)
Hình dung Đức Phật sáng ngời hiện ra.
Nam Mô Từ Phụ Thích Ca,
Mười phương con Phật dâng hoa đón mừng.
Muôn hồng, nghìn tía từng bùng,
Hào quang, Nhật, Nguyệt một vầng sáng soi.
Hoa-Đàn, Đuốc-Tuê nơi nơi,
Non-Bồng, Nước-Nhược, Đất, Trời, Sắc, Không.
Luân hồi, quả kiếp long đong,
Tụng kinh Bát Chánh con mong sửa mình:
CHÍNH KIẾN, nhận xét phân minh,
CHÍNH TU, suy nghĩ cho tình việc đời.
CHÍNH NGŨ, lời nói giữ lời,
CHÍNH NGHIỆP, con nguyện nên người thiện nhân.
CHÍNH MỆNH, trong sáng bản thân
CHÍNH TIẾN, đường nghĩa, lối nhân con tìm.
CHÍNH NIỆM, lời Phật khắc tim,
CHÍNH ĐỊNH, con quyết theo niềm từ bi.
Lòng người lắm tham, sân, si,
Mong ơn Đức Phật chứng tri kiếp người.
Tham lam, có một muốn mười,
Si mê hỗn độn, khóc cười lỗ lã.
Ngục nhào trong biển trầm luân;
Đôi lừa, tranh cướp, bắt nhân, oán thù.
Miệt mài cuộc sống âm u,
Lương dân cơ cực, ngoan ngu lộng trời.
Thương cho cái kiếp con người,
Buồn cho gió dập, sóng vùi Nước Non.
Sắt, vàng ngày một hao mòn,
Bùn nhơ trộn lẫn phấn son tô màu.
Trước Phật Đản con cúi đầu,
Chấp tay, mắt lệ, nguyện cầu thiết tha.
Cúi xin Đức Phật Thích Ca,
Thương cho thế giới tối lòa chúng sinh,
Khởi vòng khổ ải điều linh,
Ban cho hạnh phúc, thanh bình nhân gian.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

VƯƠNG NGUYÊN

(1) Hoa khai kiến Phật (Kinh Pháp Hoa)

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2555

2 giờ chiều Chủ Nhật, 01 tháng 5 năm 2011

tại Anaheim Convention Center - Hội trường Arena

- 11:00 am: Lễ Trai Tăng tại Chùa Bảo Quang
- 11:30 am: Lời Tác Bạch của Ban Tổ Chức, nghi thức quá đường
- 01:30 pm: Cung thỉnh chư tôn đức tăng Ni ra hội trường Arena – ACC
- 02:30 pm: Ban Nghi Lễ cung thỉnh chư tôn đức Tăng Ni quang lâm lễ đài, rước kiệu Ngọc Xá Lợi và giới thiệu thành phần tham dự
- 02:50 pm: Chụp hình lưu niệm chư tôn đức Tăng Ni trên lễ đài
- 03:00 pm: Lễ chào cờ: Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa, Phật giáo Việt Nam, phút nhập Từ Bi Quán
- 03:15 pm: Diễn văn Khai Mạc của HT. Trưởng Ban – Thích Chơn Thành
- 03:30 pm: Liên khúc Khánh Đản (GDPT)
- 03:50 pm: Thông Bạch Phật Đản – HT. Thích Thắng Hoan
- 04:00 pm: Đạo từ Phật Đản – HT. Thượng thủ, Thích Tâm Châu
- 04:15 pm: Nghi thức mừng Phật Đản (nhạc Trầm Hương Đốt, tụng ba biển Chú Đại Bi)
- 04:45 pm: Lời phát biểu của quan khách
- 05:15 pm: Vũ khúc mừng Phật Đản (GDPT)
- 05:30 pm: Lời cảm tạ của Ban Tổ Chức – HT. Thích Nguyên Trí
- 05:40 pm: Chương trình Văn Nghệ
- 08:00 pm: Hoàn mãn.



“NẾU NHƯ...” NHỮNG LỜI GỢI Ý ĐỂ CHỌN MỘT VỊ THẦY TRONG PHẬT GIÁO

Tâm Hải dịch

Làm thế nào để bạn chọn được một người thầy trong Phật giáo? Ông Lewis Richmond có một vài gợi ý cho bạn trong bài viết “Hãy bước đi một mình: một người Phật tử tự tu tập không lệ thuộc đâu cả” được đăng trong ấn phẩm Mùa Xuân 2010 của tạp chí Buddhadharma – đang được bày bán khắp nơi.

Bạn có thể hoàn toàn mãn nguyện trong việc tự mình tu học Phật pháp không cần có sự giúp đỡ của một vị thầy hay một cộng đồng Phật tử. Nhưng đôi lúc bạn cảm thấy như thể vẫn chưa đủ nên bạn quyết định đi tìm một người thầy. Vậy làm sao để tìm được một vị thầy (hay rộng hơn nữa, một cộng đồng Phật giáo) thích hợp cho bạn?

Có một việc quan trọng bạn nên ghi nhớ rằng cái trí tuệ mà bạn đang tìm kiếm có sẵn trong bạn rồi. Nó đang hướng dẫn bạn đi tìm kiếm đời sống tâm linh và cũng là nguyên nhân để bạn tiến bước trên đường đạo. Vì vậy đến một mức độ nào đó, bạn có thể tin vào bản năng tự có của mình và trực giác này sẽ giúp ích cho bạn.

Với những dặn dò trên, bây giờ tôi sẽ gợi ý cho bạn cách tiếp cận theo tiến trình năm bước như sau: quan sát, hỏi han, cảm nhận, thử nghiệm và quyết chí thực hiện.

Quan sát những gì người thầy nói và làm và cách vị thầy đó hành xử đối đãi với mọi người. Lòng vị tha, tình bằng hữu, sự khiêm tốn, một tí khôi hài cũng như sự thẳng thắn và lòng trung thực là những đức tính của một bậc thầy chín chắn được nhìn nhận trong mỗi truyền thống Phật giáo. Đó là những quy tắc trong đời sống hằng ngày. Người ta cho rằng bạn nên quan sát một người thầy trong vòng ba năm trước khi bái vị ấy làm thầy. Nhưng tôi thì không nghĩ điều này cần thiết, và không thực tế cho lắm, nhưng dù là ba tuần lễ hay ba năm bạn cũng nên từ từ mà chiêm nghiệm.

Hãy hỏi những điều mình thắc mắc, không nên e thẹn, để xem người thầy trả lời ra sao. Đừng nên quá thô lỗ nhưng cũng đừng nên giữ trong lòng những điều thắc mắc. Những câu hỏi nghe có vẻ hơi ngớ ngẩn thường là những câu hỏi hay nhất. Khi tôi còn gần kề vị Thầy bốn sư, tôi muốn được thầy yêu mến cho nên tôi quyết định không chịu hỏi những câu hỏi ngu dốt của mình. Tôi rất tiếc việc này. Một người thầy giỏi sẽ không cảm thấy bực bội hay phòng thủ với những câu hỏi như vậy.

Lại nữa, khi hỏi han thì cần nên hỏi tất cả mọi người. Những người để

từ thân cận với vị thầy đó biết rất rõ về thầy của mình. Tìm hiểu thêm những gì họ biết và họ muốn chia sẻ với bạn. Khi lắng nghe những lời chia sẻ của họ hãy vận dụng “giác quan thứ sáu” của bạn. Nếu có bất cứ một bí mật nào về người Thầy hay cộng đồng tu học đó, thì bạn cần phải biết hết, những vị đệ tử này là những nguồn thông tin đáng tin cậy nhất của bạn.

Bạn cảm thấy như thế nào? Sau khi quan sát và thưa hỏi, hãy đánh giá bằng chính cảm nhận của riêng mình. Cái cảm giác của bạn về người thầy đó là vui vẻ, khó chịu, hay trung tính? Cái cảm giác này là một manh mối. Có một nguyên tắc trong Phật giáo – nhà Thiền chúng tôi gọi nó là “innen” – có thể dịch là “quan hệ” hay “trùng khớp”. Điều này nhắc đến các mối quan hệ nhân quả đã đưa bạn và người Thầy này đến với nhau. Để cho mỗi quan hệ Thầy – Trò tiến triển thì cần phải có mối tương quan nhân duyên này. Bạn phải có cái cảm giác tốt đẹp về người Thầy đó. Nếu không thì vị Thầy này có lẽ không thích hợp đối với bạn.

Thử nghiệm ngay đi. Sau thời gian quan sát, hỏi han, và cảm nhận, đã đến lúc bạn cần phải thử nghiệm. Một người Thầy hay một cộng đồng tốt sẽ đem đến cho bạn một sự chấp nhận cam kết tạm thời – rồi bạn sẽ từ từ tìm hiểu thêm về vị thầy đó mà không cảm thấy phung phí thời gian. Tùy thuộc vào truyền thống, bạn có thể được chấp nhận trong một nghi lễ trang trọng, một cuộc phỏng vấn riêng biệt, hay là được chính thức tham dự một khóa tu hay cấp độ thực tập cao hơn nữa.

Hãy thận trọng đối với vị Thầy hay cộng đồng nào đã yêu cầu hay bắt buộc bạn phải thay đổi lối sống, và phải cam kết trước không thối lui được. Thí dụ như bắt bạn nghỉ việc, cấp thời cho bạn thọ giới để trở thành tu sĩ, đòi hỏi bạn bỏ thí tiền tài nhà cửa ruộng vườn, hay phải trở thành thường trú v.v... – hoặc đã, phải cẩn thận xem coi những đòi hỏi này có thể xảy ra trong tương lai hay không. Cho dù bạn chọn bất cứ con đường tâm linh nào để đi, những quyết định này phải là do bạn tự lựa chọn chứ không phải do người khác đòi hỏi hay bắt buộc bạn làm.

Và bây giờ đã đến lúc bạn phải thực hành ngay trong đời sống. Con đường thực hành trong Phật giáo đòi hỏi có sự phát nguyện cũng như lòng tin. Để cho mối tương quan giữa Thầy – Trò được phát triển, một lúc nào đó cả hai đều sẵn sàng cho một cam kết. Nếu thời giờ đã đến thì bạn đừng nên miễn cưỡng. Có thể nó sẽ là một điều hay nhưng cũng có thể quyết định đó lại là một sự sai lầm. Cuối cùng, bạn cũng cần phải quyết định để xem bạn sẽ đi về đâu. Tất cả mọi người tìm kiếm chân lý đều đã

làm như thế này.

Trong Phật pháp cũng như trong đời sống không có bất cứ một sự “bào đảm” nào. Những gì chúng ta dự tính làm tất nhiên đều có rủi ro. Trong thế thao người ta thường nói “không mạo hiểm thì không chiến thắng”. Chúc các bạn may mắn!!!

Ông **Lewis Richmond** là người sáng lập Tăng đoàn Vimala ở vùng Mill Valley, tiểu bang Cali. Tên Vimala được đặt theo chữ Vimalakirti nghĩa là “người làm công quả cho Phật” và cũng là một giáo viên cho chương trình đào tạo Shogaku Priest Ongoing Training viết tắt là SPOT.

Tâm Hải (The Buddhist Translation Group)

“What If?” Guidelines for choosing a Buddhist teacher

by **Lewis Richmond**

How should you go about choosing a Buddhist teacher? Lewis Richmond has some smart suggestions for you in this full article from the “Going It Alone: Making It Work as an Unaffiliated Buddhist” section of the Spring 2010 issue of Buddhadharma – at your favorite newsstand now.

You may be perfectly content to study and practice the dharma on your own, without a Buddhist teacher or community. But the time may come when you feel that isn’t enough, and you decide you want to seek one out. If that happens, how do you go about finding a teacher (and by extension, a community) that’s right for you?

It’s important to know that the wisdom you’re seeking is already within you. It guides your spiritual search, and is the reason you are already on the path. So to some extent you can rely on your own instincts and intuition to help you.

With that in mind, I recommend approaching your search as a five-step process: watch, ask, feel, try it on, and commit.

Watch what the teacher does and says, and how he or she treats people. Kindness, friendliness, humility, a sense of humor, as well as a forthright and honest manner are qualities of spiritual maturity recognized by every Buddhist tradition. They are the precepts in action. Some say you should watch a teacher for three years before accepting him or her. I’m not sure that is realistic or necessary, but whether it is three weeks or three years, take your time.

Ask questions, and don’t be shy. See how the teacher responds. Don’t be rude, but don’t hold back either. Questions that feel dumb are often the best questions. When I was with my root teacher, I wanted to look good to him and so I tended not to ask questions that exposed my ignorance. I regret that. A good teacher will not be offended or defensive about such questions.

Also, when asking questions, ask

everyone. The teacher’s close students know him or her best. Find out what they know or are willing to share. In assessing their responses, use your “wisdom stomach.” If there are any secrets about the teacher or the community that you need to know, these students are your best sources.

How do you feel? After watching and asking, take stock of your own gut feeling. Is your feeling about the teacher pleasant, unpleasant, or neutral? That feeling is a clue. There is a principle in Buddhism—in Zen we call it innen—which can be translated as “affinity” or “coincidence.” It refers to the causes and conditions of human relationship that have brought you and the teacher together. For a teacher-student relationship to work, there needs to be this sense of affinity. You should feel a positive regard for the teacher. If not, this teacher may not right for you.

Try it on. After watching, asking, and feeling, it may be a time to “try it on.” A good teacher or community will offer some level of provisional commitment—a chance to accept the teacher more deeply without throwing yourself off a cliff. Depending on the tradition, this might involve a ceremony, a private interview, or acceptance into a retreat or more intensive level of practice.

Be cautious about a teacher or community that requires a life-changing, irrevocable commitment up front. Quitting your job, being ordained as a monk or nun, giving away money or property, becoming a full-time resident—these might conceivably be in your future, or not. But wherever your spiritual path leads you, these decisions are yours, not someone else’s.

Time to commit. The Buddhist path eventually requires commitment as well as trust. In your developing relationship with a teacher, there may come a time when both of you are ready for a commitment. If this time has come, don’t hold back. Perhaps it will be good; perhaps it will turn out to be a mistake. In the end, you need to put one foot in front of the other, and see where the path leads you. All seekers of the Way have done this.

In dharma, as in life, there are no guarantees. Things that count involve risk. As they say in sports, “No guts, no glory.” Good luck!

Lewis Richmond is the founder of the Vimala Sangha in Mill Valley, California, named after Vimalakirti, the “householder Buddha,” and is a teacher with the Shogaku Priest Ongoing Training (SPOT) program.



TRẮNG VÀ ĐEN

Hoàng Ngọc Thu

Trắng nhẹ nhàng đi đến bên giường, ôm ái nằm lên gối trắng, đềm trắng, hoà lẫn vào lớp chăn trắng phẳng phiu và chìm vào giấc ngủ sáng dịu màu trắng.

Đen thức giấc trong căn phòng đen, giường tủ đen, ly tách đen, ngay cả âm nhạc cũng đen thẫm như nền trời đêm không trăng sao.

Thế rồi một hôm, trắng và đen tình cờ va vào nhau giữa nắng sớm lung linh.

"Chào ôi!" trắng thì thầm.

"Tuyệt thật!" môi đen mấp má.

"Sao lại có người khác ta đường ấy?" cả hai cùng nghĩ.

Và họ đã yêu nhau như đêm và ngày, theo nhau khắp nơi như mực và giấy.

Đen mời trắng về nhà. Bước vào một cõi tuyền đen, trắng kinh ngạc tột độ khi nhận ra thế giới của mình còn thiếu nhiều điều tuyệt vời đến thế. Trắng yêu mọi thứ màu đen, ngay cả những điều trắng luôn khăng định chỉ có màu trắng mới tốt đủ, giờ đây đen đã trở thành màu tốt nhất, như một sự thật hiển nhiên. Đen sung sướng và tự hào đã được trắng yêu dấu. Trắng sung sướng được sống trong thế giới màu nhiệm của đen.

Trắng mời đen về nhà. Bước vào một cõi tuyền trắng, đen choáng ngợp và lần đầu tiên nhận ra rằng thế giới của mình tầm tối và ảm đạm biết bao! Đen mê mải ngắm nhìn những cành hoa trắng, lụa là trắng; mê đắm hương thơm trên giường gối trắng, thân thể trắng, và sung sướng được hít thở bầu không khí trắng trong suốt. Âm nhạc trắng dịu ngọt với vợ khiến đen có cảm tưởng như lạc bước vào chốn thần tiên nào. Đen tin chắc rằng chỉ có trắng mới là sắc màu tối thượng của mọi sắc màu. Trắng sung sướng và hãnh diện khi được đen tôn vinh và yêu dấu. Đen sung sướng được đắm mình trong thế giới kỳ diệu nơi mọi thứ đều là một phần bản thể của trắng.

Nhưng những khám phá về thế giới của nhau đã làm thay đổi cả cuộc sống của đen và trắng. Đen chỉ muốn sống mãi ở nhà trắng, được tắm đắm trong bầu ánh sáng thần tiên của một cõi mà ngay cả bóng đêm cũng không ảnh hưởng được. Còn trắng thì lúc nào cũng mơ tưởng được ở nhà đen, được thức giấc trong vòng tay đen, giữa gối chăn đen, trầm mình trong âm nhạc đen và thưởng thức những ngậm đắng đen, mà chỉ có đen với thứ phép thuật đen mới có thể biến mọi thứ đen trở nên huyền diệu như vậy.

Ban đầu, trắng và đen cùng nhau ở nhà trắng ít hôm, rồi sang nhà đen ít hôm, và họ đều dần đổi chỗ ở để cả hai đều được sống nơi

minh thích. Nhưng rồi dần dà, trắng không muốn về nhà mình nữa, còn đen không chịu nổi khoảng không gian đen ngột ngạt của mình trước kia. Đến kỳ đổi nhà, trắng nấn ná ở thêm vài hôm ở nhà đen, để đen sang nhà trắng một mình. Sống một mình trong nhà trắng, đen nhớ người yêu tha thiết nhưng không muốn quay về nhà mình để mang người yêu sang. Trắng chờ mãi không thấy người yêu quay lại lấy làm buồn lòng, nhưng thế giới của đen như có sức hút kỳ lạ khiến cho trắng không thể rời đi được.

Họ sống một mình như thế trong nỗi chờ mong và thương nhớ trong nhà của nhau. Cho đến một hôm, cả hai cùng không thể chịu nổi nữa và đi tìm nhau. Trắng và đen gặp nhau giữa phố xá đông đúc, sung sướng ôm chầm lấy nhau.

"Em nhớ anh quá!"

"Anh nhớ em quá!"

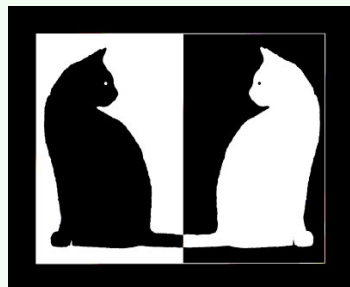
Họ hôn nhau say đắm nồng nàn như chưa bao giờ từng biết hôn như thế.

Rồi họ đưa nhau rời thành phố đi cắm trại ở một vùng núi cao, cách xa mọi người và nền minh của nhân loại. Cả hai thầm cầu mong sẽ tìm được một nơi mà cả trắng và đen đều gọi là nhà của mình và được sống mãi bên nhau suốt đời.

Đêm hôm ấy, họ yêu nhau trên đỉnh núi và ngủ quên giữa đất trời.

Buổi sáng thức giấc, cả hai đều choáng ngợp khi nhận ra mơ ước của họ đã trở thành sự thật: phép màu kỳ diệu nào đã xảy ra đêm hôm qua trong giấc ngủ của họ, biến đềm cỏ trên đỉnh núi thành căn nhà một nửa tuyền đen và nửa kia tuyền trắng. Đường phân chia vạch thẳng từ trần nhà xuống bức tường và cả nền nhà, nhưng buồn cười nhất là ngay cả chiếc giường họ nằm cũng được chia đôi, với mỗi màu chính xác một nửa. Trắng đang cuộn mình trong nửa chiếc chăn bên phần giường màu đen, và đen đang thích thú cọ má vào chiếc gối trắng muốt bên nửa giường màu trắng.

Trắng và đen từ đó được sống trong thế giới của nhau, và thỉnh thoảng được trở về sống lại ít hôm trong thế giới của riêng mình — tất cả đều cùng ở dưới một mái nhà, nơi họ có thể tìm thấy tất cả mọi thứ họ cần, dù là màu đen hoặc trắng.



CHIM CON VỀ VỚI PHẬT

Lam Khê

Chú Tiểu Minh nhặt được chú chim con lúc chiều khi đang cúng thí thực. Con chim run rẩy sà xuống như chiếc lá khô rơi rụng trong buổi chiều tà. Nó cùng bày với lũ chim được phóng sanh hồi sáng này. Nhưng lại quá kiệt sức nên không thể bay xa được. Động lòng, chú mang chim về liều mình để chăm sóc và cho ăn.

Buổi tối lên ngồi học kinh trên giảng đường, chú tiểu mang chim để trên bàn, nơi có ngọn đèn nê-ong toả sáng. Hơi ấm của ánh đèn làm cho bộ lông chim khô ráo, và ánh mắt của nó trở nên linh hoạt hơn đôi chút.

Chú tiểu nhìn vào quyển kinh ngâm nga đọc, nhưng mắt cứ cụp xuống, gật gù. Bỗng chú giật mình khi nghe có tiếng chim hót. Mà không. Hình như là chim đang noi. Một giọng nói thật nhỏ nhẹ mà rõ ràng:

- Chú tiểu ơi! Tôi là loài chim sẻ ra đời chưa bao lâu mà đã bị bắt lui bắt tới đã bao lần rồi. Sáng nay khi được thả, tôi yếu quá nên không thể bay ra khỏi cổng chùa. Nhưng ở đây tôi có thể an tâm vì không sợ bị bắt lại nữa.

Thấy chú tiểu có vẻ ngạc nhiên, chim lại nói tiếp:

- Chú tiểu ở chùa nên không hiểu hết mọi chuyện ở bên ngoài cuộc đời đâu. Tôi và các anh chị mình cùng được sanh ra bên bìa rừng, cạnh một làng quê yên ả. Khi chúng tôi vừa chập chững biết bay liền rơi ngay vào một mẻ lưới của mấy tay chuyên bẫy chim đem bán. Tôi may mắn trời dạt về tận chợ chim trên thành phố. Sau nhiều ngày bị nhốt chật chội, một hôm có người đến mua chúng tôi đem về chùa nhờ mấy thầy tụng kinh chú nguyện. Sau đó thì được sổ lồng cho bay đi. Khi được tự do tung cánh trên bầu trời, tôi định bay về nơi cánh rừng xưa, để mong sống lại với những cảm giác thân thương của thuở mới lọt lòng. Nhưng trời đất bao la, giữa chốn thị thành muôn lối, tôi không còn tìm thấy đâu lối về quê cũ xa tít mù sương khói, nên đành ở lại làm một kẻ tha hương. Vậy mà...hỡi ơi! Dòng đời là một trò cạm bẫy khôn lường. Một sinh vật nhỏ bé lạc bước như tôi lại dễ dàng sa chân vào những chiếc lưới giăng ra cách sân chùa không bao xa. Tôi bị săn bắt đem bán, rồi được mang đến sân chùa nhiều lần làm vật phóng sanh cầu thọ cho người. Nhờ được nghe quý thầy tụng kinh thuyết giảng mà dần dần tôi thoáng hiểu ra rằng: Đạo Phật là đạo từ bi cứu khổ. Phật vì muốn trừ tai ách cho chúng sanh nên dạy họ tu phước. Người có tín tâm thì hết lòng làm lành, cứu giúp sinh linh. Và cũng có những người chuyên lợi dụng niềm tin của kẻ khác để mưu cầu lợi lộc cho mình. Vậy thì tôi xin hỏi chú tiểu câu này: Như tôi đây bỗng trở thành chiếc cầu nối cho người tu phước và tạo tội, vậy rốt cuộc tôi là kẻ có tội hay có phước?

Bị hỏi bất ngờ, tiểu Minh hơi lúng túng, giây lâu chú mới trả lời:

- À... điều này theo như tôi được biết thì... à...vào thời Phật chưa có tục phóng sanh, nên Phật chỉ nói đến việc giữ giới chớ nên giết hại sanh mạng dù là những loài vật nhỏ nhít. Làm việc phước lành

không gì hơn là cứu độ muôn sinh. Và thế là lệ phóng sanh bỗng trở nên một nhu cầu cấp thiết cho người tu cầu phước thọ sau này. Làm phước thì được phước, tạo tội thì chịu tội. Chuyện nhân quả trong kinh Phật đều có nói rõ. Còn như chim nhỏ mình có phước hay tội. Theo tôi nghĩ: khi thọ thân súc sanh là đã mang lấy tội nghiệp từ nhiều đời rồi. Nhưng nay chim được đến chùa, được nghe tụng kinh, lại hiểu rõ tội phước, đó cũng là gieo chút duyên lành giải thoát cho ngày sau. Tôi chỉ có hiểu chừng đó thôi... còn gì nữa thì để tôi đi hỏi sư phụ rồi sẽ trả lời cho chim sau nhé!

Chim thở dài, thều thào:

- Tôi đâu còn sống để đợi chú đi hỏi sư phụ. Có điều tôi cũng tự nhận biết rằng: Dù đời sống ngắn ngủi. Thân này lại mang nhiều tội nghiệp. Nhưng loài súc sanh như tôi vẫn có quyền và những giá trị riêng của nó. Ít nhiều chúng tôi đã khơi dậy chút từ tâm nơi lòng người và giúp họ có được một niềm tin sâu sắc vào những điều làm phước tu thiện. Còn với ai vì cuộc sống nên phải lợi dụng niềm tin của người cùng sự vụng dại của những con vật nhỏ bé này, thì tôi cũng có góp phần giúp họ trong việc tồn tại mưu sinh. Một bên vì đời sống tâm linh. Một bên vì nhu cầu hiện tại. Ai cũng tìm thấy mục đích thiết thực của mình. Như vậy tôi cũng làm được điều lợi ích cho đời, cho người. Tội phước đâu vô hình. Nhưng tôi vẫn tin là phước này sẽ diệt được tội chướng kia. Thế nên hôm nay tôi mới được trở về nơi đây, được chết trong niềm tin chánh đạo.

Chú tiểu chợt tỉnh dậy khi nghe có tiếng động vang lên từ bên ngoài. Trời đêm tĩnh lặng. Ngọn đèn điện vẫn toả sáng một góc phòng. Và trên bàn học, chú chim sẻ đã chết tự ba giờ rồi. Trong giấc chiêm bao chập chờn, câu chuyện về tội phước chưa cạn lời, nhưng chim ắt sẽ hải lòng ra đi trong sự nhẹ nhàng thanh thản. Chú chim con đã về với Phật. Tiểu Minh khẽ nói và thầm chú nguyện cho nó.

Những lời nói của chú chim con, dù chỉ thoáng qua trong giấc mộng, cũng giúp cho tiểu Minh hiểu sâu hơn về sự sống của muôn vật. Một sinh vật dù bé bỏng cũng mong muốn được sống chan hoà, cùng góp sức vươn lên một cách hoàn thiện. Khi lòng người luôn biết hướng đến những điều tốt đẹp vì hạnh phúc của muôn loài, thì thế giới này sẽ không còn cảnh nôi da nẫu thịt, ý mạnh hiếp yếu, cậy lớn hiếp bé. Từ đó mà nhân sinh cùng vạn vật được chung sống trong niềm an lạc vô biên, đầy tình yêu thương đùm bọc lẫn nhau.



SÓNG LÀNH MÙA PHẬT ĐẢN

Trần Kiêm Đoàn

Mấy tháng trước ngày cơn đại sóng thần – grand tsunami – vỡ trào quét vào vùng biển Ấn Độ vào năm 2004, tàn phá vùng duyên hải của 12 nước ven biển và giết hại 230 nghìn mạng sống, người ta chú ý đến hiện tượng thiên di của các loài động vật. Những đàn kiến có thềm lạng dặt dứ nhau lên núi cao. Những loài dế đất, bọ cát tản mạn về đâu mà càng đêm càng vắng tiếng... Những loài vật càng nhẹ, ăn ít, không tham tàn với đồng loại càng vắng bóng nhiều hơn trong những ngày gần kề cơn đại họa.

Hiện tượng loài vật xôn xao, sợ hãi, lánh nạn khỏi vùng đất tai ương nhiều ngày trước khi cơn sóng thần ập đến đất Nhật, làm trên hai vạn người thiệt mạng, cũng được những người dân sống sót tại địa phương quan sát và ghi nhận.

Trong vũ trụ có muôn vàn hiện tượng chẳng chịt và phát sóng liên hồi. Không có gì tình cờ mà cũng chẳng có gì tiền định vì đó là dòng chảy tự nhiên, tan hợp triển miển mang tính khách quan và cũng chẳng có cái “ngã” nào chủ xướng phát sinh hay ngự trị cả. Loài vật có căn cơ riêng biệt bắt được sớm hơn hay có độ cảm nhận tinh vi và bén nhạy hơn loài người về những làn sóng của dòng năng lượng vũ trụ đang trôi chảy mà con người không thể – hay chưa – bắt được. Con người phải nhờ những con mắt thần “thiên lý nhãn” của phương tiện khoa học, kỹ thuật mới theo kịp loài chim báo bão, biết trước sự vận hành của thời tiết; nhưng vẫn còn mù mịt với bao nhiêu biến động thường xuyên trong lòng đất và ngoài vũ trụ. Ai biết trước được bão tố, cuồng lưu, sóng thần, động đất sẽ đến khi nào. Trước thiên nhiên, con người nhỏ bé vừa nông nổi tự hào về những tiến bộ của khoa học trong thế kỷ 20, bỗng chững lại trước những biến dịch không lường từ bên ngoài vũ trụ. Con người cảm vũ khí nguyên tử trong tay mà run sợ về sự nguy hiểm của mình trước những cơn bão từ trường, những lỗi vận hành khốc liệt của các thiên thể, những sự va chạm của thiên hà mà trái đất này còn bé mọn và mau tan hơn cả một hạt bụi trần.

Những người ở riêng trong lĩnh vực tâm linh và khoa học càng ngày càng gần nhau hơn qua dòng tâm cảm và qua kiến thức, suy tư về một khái niệm truyền thống dường như bí ẩn nhưng càng ngày càng hiện ra rõ mặt. Đó là nguồn năng lượng tự nhiên và thiêng liêng trong đời sống vũ trụ và trên hành tinh này. Nguồn năng lượng tuy không hình, không dáng, rỗng lạng nhưng lại bao la, bát ngát, bao trùm hết thảy. Nó phi thời gian, phi không gian, phi hình tướng nhưng ở đâu, nơi đâu và thời nào cũng có. Nó thu liễm và phát tiết ra thành những làn sóng vô hình. Khi những cơn sóng có cùng tần số thì bắt gặp nhau, giao thoa với nhau để

tạo thành một loại năng lượng mới tạm thời hay dài lâu: Sóng lành kết tụ thành năng lượng lành đầy vui tươi, nhẹ nhàng, an lạc và giải thoát. Sóng dữ kết tụ thành năng lượng dữ đầy cuồng nộ, tàn phá và đổ vỡ tang thương. Mỗi sinh vật là một đối thể cô đơn nhưng thương tại và năng động để thu và phát năng lượng qua những tần số mang sóng lành hay dữ. Con người vừa cô đơn, vừa “độc tôn” vì ai ăn nấy no, ai dò nấy biết. Những thần thánh và những nhà tiên tri là những “trạm” thu và phát sóng có tần số diệu kỳ chứ không phải là nguyên nhân tạo sóng. Gần gũi với các bậc thiện lành chân chính, bất cứ trong lĩnh vực nào, con người cũng sẽ được lợi lạc thu nhiếp được định lực của những lượn sóng lành qua tâm, qua trí.

Đức Phật xuống đời mang cho đời một nguồn an lạc. Sóng lành mùa Phật Đản từ mấy nghìn năm trước không biết có khác chi mấy nghìn năm sau. Nhưng con người bỗng thấy gần nhau hơn và nhìn vào đất trời lòng gió sâu hơn qua hương sen trên hồ và tiếng chuông chùa trầm ngân rơi dần vào tịch lặng.

Mùa Phật Đản đầu tiên – mà thế hệ Chiến Tranh Việt Nam 4x & 5x chúng tôi được thấy – trên quê tôi đang về có sớm quá hay muộn màng thì chỉ có những mùa sen trên Bàu Lộ hay dưới những ao hồ mới biết. Đó là ngày 8 tháng Tư ta năm 1955, khi tôi 10 tuổi. Những xóm nghèo trên quê tôi đón hòa bình vui như chim ca nắng mới. Chút yên ổn vừa hồi sinh sau ngày hòa bình trở lại với hiệp định “Giơ neo” chia đôi đất nước năm 1954.

Trong ký ức của tuổi thơ, tôi chỉ còn nhớ cái nền xi măng đầy gạch ngói vụn còn sót lại của ngôi chùa Làng bị bom đạn tàn phá. Người ta làm một cái rạp bằng tranh tre và lợp lá cau. Cũng có “lễ đài” dựng lên. Rơm rạ cột thành bó vuông chông lên nhau làm nền và bao quanh bằng những tấm cốt đan bằng tre, nửa màu trắng đục. Lũ trẻ trong làng thích nhất là cái tượng “Phật mới sinh” to bằng hai người thường, vừa được những nghệ sĩ nông dân trong làng vẽ lên trên tấm cốt có ba cây tre bắt chéo làm giá đỡ đằng sau. Tôi được nhìn tận mắt mấy chú trong làng dùng mực xạ màu đen, củ nghệ màu vàng, hột mồng tơi màu tím, bao nhang dầm trong nước màu đỏ và mực xanh bình dân học vụ để vẽ tượng Phật. Lần đầu, tôi được nhìn “ôn Phật” mới sinh, một tay giơ lên trời, một tay chỉ xuống đất, môi đỏ chót, miệng cười toe... vui chi lạ! Đã 56 năm rồi mà tôi vẫn chưa quên lời bình luận của mấy bác trưởng tộc trong làng về bức tượng Phật Đản Sinh đầu tiên trên quê tôi, rằng: “Mấy chú quen đi cày, mạnh tay vẽ ông Phật mới sinh mà mặt mũi già khảnh như ông cụ già 5, 6 mươi tuổi!” Ấy thế mà không sao cả. Nghe đâu lễ đài làng Liễu Hạ chúng tôi vẫn được chăm hạng nhì trong toàn xã Hương Cần năm đó. “Kính lão ngoan đồng cầu đắc thọ” chẳng phải?

Sớm mồng 8 tháng Tư ta là ngày Phật Đản. Mỗi làng là một đơn vị rước Phật về tập trung trên đồng lúa mới gặt. Có một

lễ đài chung cho cả 7 làng và 3 phe trong xã. Cả 10 đơn vị sẽ cử hành chung một lễ Phật Đản chính thức. Thuở đó, chưa có Gia Đình Phật Tử trong địa phương. Sắp nhỏ có cha mẹ sinh hoạt ở chùa thì được xếp vào hàng “thiếu nhi Phật tử”. Trong mùa Phật Đản đầu tiên sau ngày hòa bình trở lại năm ấy, dân làng chúng tôi vốn đã chịu nhiều tang thương và đau khổ của chiến tranh suốt mấy mươi năm, nên ai cũng muốn gần gũi một chỗ dựa tinh thần an lành và vô sự. Hình ảnh ông Phật trầm tư muốn thuở và lời kinh từ ái, thuận hòa của đạo Phật đến với dân làng như những giọt nước mát rười trên vùng khát vọng khô héo đã bao năm qua. Bởi vậy, lễ rước Phật trong ngày lễ Phật Đản này không ai chủ xướng vận động kêu gọi nhưng lại trở thành một ngày lễ hội thân thiết với dân làng, những người sau cuộc chiến đang thiết tha tìm cầu nẻo thiện.

Đám rước mộc mạc và đơn sơ nhưng ai cũng nếm được chút hương vị đượm tình khó tả như mùi vị đồng chua nước mặn. Nắng mùa Xuân trên con đường Nhứt càng lên cao, đám rước càng dài ra. Tự phát. Những Thiếu nhi Phật tử chúng tôi được xếp hàng hai, mỗi đứa cầm một cây đèn ú, đi trước, ngay sau giá tượng “ôn Phật” có hai lọng che. Tiếp theo có kiệu hương án và hai giá trống chiêng; mỗi giá do hai người gánh. Đám thanh niên trong làng thay phiên nhau gánh từ chùa Làng cho đến địa điểm hành lễ chung, đi bộ chừng một giờ. Tất cả giàn giá là bộ đồ gánh đám ma của Làng được mượn tạm và trang trí, chế biến lại theo “kiểu Phật” với nhiều chữ vạn, hoa sen và những đường hoa văn cắt xén đơn sơ, thoáng nét vụng về nhưng đầy... hỷ xả. Chúng tôi đã được tập dượt tới hôm qua tới khuya. Đám bé gầy lần đầu được người lớn công nhận, cho tham gia một vai trò lễ nghi trong một đám rước nên đứa nào đứa nào cũng mừng rỡ sung sướng và hãnh diện như cậu ấm về làng. Bởi thế, đứa nào cũng hết khẩu độ bình sanh của tuổi hoa niên để vừa đi vừa hát vang trời bài “Vui Mừng Gặp...” theo điệu đờn cung: “Vui mừng gặp ngày nay, mồng 8 tháng tư. Ngày Khánh tiết, Phật Thích Ca ngài, hiện về Ca Tỳ La Vệ trong đời khổ, vận đức từ bi...”

Tiếng hát vang lừng của tuổi thơ hòa với tiếng chuông trống trầm hùng và lời niệm Phật của tuổi già tạo nên một đám rước rờ ràng đầy kính ngưỡng là “dấu Phật” in bóng trên đường quê sau ngày hòa bình trở lại. Phật Đản, không phải chỉ có một ngày mà là một mùa kể từ khi đám sen trong hồ nhú lên và nút ra từng lá mới cho đến những ngày các chùa lảng lờng trong ba tháng an cư kiết hạ của chư Tăng, Ni và trải dài cho đến tháng Bày ngày Rằm xá tội vong nhân.

Rời thời gian đi qua, ngày Phật Đản mồng 8 tháng 4 theo Trung Quốc thay đổi. Bài “Vui mừng gặp ngày nay mồng 8 tháng Tư...” không còn hát nữa khi ngày Phật Đản đổi sang Rằm tháng Tư theo truyền thống chung của Phật giáo Thế giới chọn ngày trăng tròn tháng Năm làm ngày Phật Đản (Vesākha, Vesak). Nói đúng hơn là Mùa Phật Đản vì thời điểm được chọn theo Phật giáo của mỗi nước không giống nhau, thông nhất trong cùng một ngày như ngày Chúa Giáng Sinh – Noel, Christmas... 25 tháng Chạp.

Ngày 15 tháng 12 năm 1999, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã chọn một ngày Văn Hóa Phật Giáo gọi là “Ngày Tam Hợp Thiêng Liêng Phật Đản” (The Thrice-Sacred Day of Vesak). Đây là một thời điểm biểu tượng bao gồm cả ngày đản sinh, ngày thành đạo và ngày nhập diệt của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong một thập niên qua, Phật giáo thế giới đã có ngày lễ hội Tam Hợp Phật Đản hàng năm chung cho Phật giáo toàn thế giới, hay Phật giáo của nhiều nước trong từng vùng địa lý thích ứng. Mùa Phật Đản 2600, tức là 2011 theo lịch Công nguyên, Vesak nhằm vào ngày 17 tháng Năm. Lễ hội Phật Đản Vesak quốc tế năm nay sẽ được tổ chức tại thủ đô Bangkok của Thái Lan từ ngày 11 đến ngày 16 tháng 5. Tuy nhiên Phật giáo của mỗi nước như Tích Lan, Miến Điện, Trung Hoa, Đài Loan, Nhật, Lào, Cam Bốt, Mã Lai, Việt Nam, Singapore, Úc... sẽ tổ chức Vesak riêng. Tại các nước Âu, Mỹ thì Vesak được tổ chức theo từng vùng. Như ở miền Bắc California, lễ hội Vesak 2011 sẽ được tổ chức tại chùa Kim Quang, thành phố Sacramento, trong hai ngày 28 và 29 tháng 5 với sự tham dự của các phái đoàn Phật giáo thuộc nhiều nước đang sinh hoạt trong vùng.

Dẫu cho đứng ở vùng đất hay thời điểm nào thì sự kết hợp giữa đời sống thể lý và tâm linh vẫn là yếu tính của con người. Đạo Phật không đem Đạo từ ngoài để gieo vào đời sống tâm linh của con người. Đạo Phật khơi mở để giúp con người thấy được “Đạo” đang có sẵn trong chính lòng mình.

Có những tâm hồn như “hóa Phật” khi tiếp cận với những năng lượng an lành trong mùa Phật Đản. Người Việt chỉ mới đạt tới phần thắm mỹ của tâm hồn khi thu nhiếp sóng lành mùa Phật Đản. Nếp cũ tâm linh và văn hóa được gọi là “đạo thờ Cúng Ông Bà” của người Việt mới chỉ ở mức độ là phần cảm tính. Khái niệm tôn giáo dân gian của người Việt chưa rõ ràng và lan tỏa trong đời sống văn hóa xã hội như tôn giáo dân gian Thần Đạo (Shinto) của người Nhật Bản. Thần Đạo không có kinh điển nhưng có tới 800 huyền thoại và chuyện thần thoại để làm căn bản cho thế giới quan và nhân sinh quan của dân tộc họ. Trong khi nếp tâm linh dân gian truyền thống của người Việt chúng ta vẫn còn mờ nhạt như những viễn mơ đầy sương khói.



Hong Kong Digital Vision
<http://hkdigital.blogspot.com>



Khác với hàng Tăng lữ Việt Nam xuất gia là xuất thế, các thiền sư Nhật Bản đồng thời cũng là những đạo sĩ Thần Đạo nhập thế. Từ thế kỷ thứ 6, đạo Phật đã hòa quyện với Thần Đạo để hình thành một dân tộc tính vừa mạnh mẽ, vừa nhu hòa giúp con người vươn lên trong tâm bình và trí lạc. Trong thiên tai động đất và sóng thần kinh hoàng kéo theo hệ lụy vỡ lò nguyên tử xảy đến cho dân Nhật trong tháng 3 - 2011 vừa qua đã làm cho toàn thế giới sửng sốt và kinh ngạc trước phản ứng đầy hy sinh, chịu đựng quá kham nhẫn và chánh định của một dân tộc anh hùng. Nhật có thể không bằng các nước Âu Mỹ hàng đầu về khoa học kỹ thuật. Nhưng trình độ dân trí, khí phách kiên cường và lòng yêu nước, yêu dân tộc, yêu thiên nhiên và con người của dân tộc Nhật biểu hiện trong cảnh tai ương nạn khổ của đất nước họ vừa qua, rõ ràng là chưa có nước nào sánh kịp trong một hoàn cảnh tương tự. Cộng đồng thế giới ngưỡng mộ phong cách trầm tĩnh tự điều phục, sự dẫn thân trong tinh thần kỷ luật cao độ, lòng hy sinh âm thầm không tên tuổi, tình tự dân tộc dâng trào không bằng cờ khẩu hiệu của người Nhật.

Một câu hỏi nổi lên tự nhiên là những yếu tố tinh thần và văn hóa nào đã un đúc nên một dân tộc tính cao đẹp như thế. Có nhiều cách nhìn nhưng tựu trung có 4 hướng chính: Đó là từ phía truyền thống đại chúng, phía doanh nhân và khoa học kỹ thuật, phía chính trị cầm quyền và phía xã hội tôn giáo. Những yếu tố hình thành và chi tiết tạo tác tương ứng cái "tinh thần Nhật Bản" ấy tuy khác nhau nhiều về cách thể, nhưng câu trả lời xương sống mà hầu như mọi phía đều đồng ý là: *Dân tộc Nhật Bản từ thế kỷ thứ 6 sau Công nguyên đã sống và chiến đấu bằng tinh thần Thần Đạo; nhưng cung cách xử thế tiếp vật trầm tĩnh, kham nhẫn và ý chí chịu đựng để sáng suốt vươn lên trong mọi tình huống cay nghiệt nhất đã được un đúc bằng tinh thần Phật Giáo. Dân Nhật có 130 triệu nhưng hơn 100 triệu là tín đồ Thần Đạo Phật Đạo. Sự tinh tại của đạo Phật là một sức mạnh tinh thần nội tại. Tôn giáo không khuất bóng trong những suy niệm siêu hình mà thể hiện thành một "tinh thần Nhật Bản" có bản sắc dân tộc đầy dũng cảm, hy sinh, tự chế và tự trọng làm cho thế giới nghiêng mình cảm phục.*

Suốt 15 thế kỷ sóng lạnh của đạo Phật đã thường xuyên có mặt bên cạnh những ngọn sóng thần đầy cuồng nộ - cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng - trong dòng lịch sử nhiều thăng trầm của nước Nhật.

Nhà văn Trần Mộng Tú đã có một đoạn viết rất đẹp về hình ảnh và tinh thần Võ sĩ Đạo - Samurai - của Nhật: "Hầu hết những nguyên tắc của Võ Sĩ Đạo đều dựa trên căn bản triết lý của đạo Phật và Thần đạo. Thần đạo thiên về khía cạnh tích cực, hướng dẫn con người thăng hoa vật chất, phát huy tối đa sự sáng tạo, xây dựng một xã hội vượt bực bằng tất cả khả năng của mỗi cá nhân. Trong khi đó Phật giáo giúp cho con người nhìn thấy cái phù du của đời sống, cái hư ảo của mắt còn. Hai tôn giáo này đã nằm trong máu người dân Nhật. Nên với những phẩm hạnh đó, các Samurai hành xử

qua sự thấm nhuần tư tưởng Phật Giáo, đặc biệt tinh thần an nhiên của Phật Giáo Thiền Tông, đơn giản và tinh lặng. Họ trở thành những anh hùng đơn giản và bình tĩnh trước mọi tình huống. Samurai tự coi mình mang vẻ đẹp thanh cao và lý tưởng của hoa Anh Đào. Khi nắng xuân ấm áp những nụ hoa Anh Đào đang khép, nở bung ra, nó khoe tất cả những nét đẹp tuyệt vời của từng cánh hoa. Nhưng khi một trận gió, một cơn mưa xuân đến thổi tung cánh hoa lia cành, nó cũng dang hiển một trận mưa hoa ngoạn mục trong không gian, để mọi người đứng ngắm ngời chiêm ngắm. Sống và chết, hoa Anh Đào cùng khoe vẻ đẹp dù mong manh ngắn ngủi."

Từ một vùng quê Việt Nam vô danh sau chiến tranh như làng tôi cho đến điểm nóng trong mắt nhìn thế giới như nước Nhật hôm nay, đạo Phật đã đến và ở lại không hề nghi, phân biệt. Tánh Phật giữa đời thường có khi nhỏ bé và đơn sơ như một hạt cát: *Lành*. Có khi cao rộng, thâm sâu mà vô tâm như suối nguồn hạnh phúc: *Xả*!

Năm nay, mùa Phật Đản lại về trong khung cảnh toàn thế giới đang trải qua nhiều biến động chẳng lành. Thiên tai xảy ra liên miên ở nhiều nơi gieo nhiều tang thương và bể khổ. Nhiệt độ trái đất đang nóng dần kéo theo khả năng hủy diệt môi trường sống. Ngôn ngữ sùng đạo thay cho ái ngữ cảm thông thương thảo hòa bình trong quan hệ quốc tế. Chỉ riêng tại xứ Hoa Kỳ này, đầu năm ở miền Đông có những đàn chim hàng chục nghìn con đang bay rợp trời bỗng rơi xuống chết đầy đường. Cùng thời gian động đất xảy ra ở Nhật, ở bờ biển phía Tây Nam California, hàng triệu con cá chết đột ngột, xác đóng dày bãi biển tới 30cm mà không hiểu nguyên nhân vì sao. Hiện tại, tin từ Florida cho biết vùng vịnh Mexico cực Đông Nam của Mỹ, đang có hàng chục nghìn con cá voi khổng lồ kết thành một vòng tròn chọt biển, chọt hiện chẳng biết vì lí do gì. Người ta lo ngại hiện tượng "chim sa cá... chết" là điềm báo trước chuyện chẳng lành. Cho dầu đó là những hiện tượng thiên nhiên do sự biến động môi trường sinh thái đang âm ỉ hoặc bùng bùng diễn ra trên địa cầu hay chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên thôi, nhưng tại sao con người càng văn minh tiến bộ, càng no cơm ấm áo - cứ ngỡ như đang đứng lầy ló ở cửa Thiên Đường, Niết Bàn - lại càng canh cánh nỗi lo bên mình đến thế.

Điều nghịch lý đầy mỉa mai cho khát vọng hòa bình an lạc của con người là phương tiện vật lý càng giàu có thì kết quả tinh thần càng nghèo khó. Khoa học kỹ thuật và giao thông vận tải phát triển, những tường càng ngày con người càng có điều kiện đến gần nhau hơn. Nhưng thực tế thì lại càng tạo ra mầm đối đầu và xung đột nhiều hơn là cảm thông và hóa giải. Môi trường truyền thông đại chúng như báo chí, truyền hình, truyền thanh, mạng lưới vi tính, điện thư, điện thoại cầm tay... ngỡ như giúp con người sống chan hòa, chia sẻ với nhau giữa lòng cuộc đời thì lại càng làm cho những đối tượng hiểu lầm, cô đơn và xa cách nhau nhanh chóng hơn.

Phải chăng vì "một dòng nước trong năm bảy dòng nước đục" đang xâm lấn địa cầu nên năng lượng lạnh càng ngày càng mất. Sóng đời thô nhám quá nên

khó bắt được sóng lạnh co rút lại, ẩn sâu kín trong đáy lòng người khó ngoi lên được.

Đức Phật ra đời, đem đến cho trần gian một pháp môn vi diệu nhất: Buông xả. Khi tất cả đều trống không và rỗng lặng thì ô m đờm và khư khư nắm giữ gì đây?! Đạo Phật kể thừa đem đến cho người phương thuốc thần diệu nhất: Thêm vui, bớt khổ. Cho đến một ngày chỉ có toàn niềm vui là ngày đắc đạo!

Ngày 31 tháng 3 năm 2011, một người Nhật tên là Masaru Emoto, gửi điện thư cho nhiều người trên thế giới. Anh là một nhà khoa học và cũng là một nghệ sĩ, tự nhận mình là một Người Mang Thông Tin của Nước (Messenger of Water). Trước hết anh chứng minh rằng, công thức về năng lượng lưỡng danh của nhà bác học Albert Einstein, ***E=MC², thật sự có nghĩa rằng: Năng lượng = Số người nhân với bình phương của lương tâm.*** (*Energy = Men x Conscience²*) Bởi thế theo sự hiểu biết và trải nghiệm của anh trong suốt 20 năm nghiên cứu và làm việc với môi trường Nước thì nước thiên nhiên đã trở thành trong mát hơn khi nó nhận những làn sóng rung động vi tế xuất phát từ tấm lòng lành cầu nguyện của con người, bất luận dầu cho sóng lạnh cầu nguyện đó ở cách xa bao nhiêu. Trong hoàn cảnh bi thảm của lò nguyên tử Fukushima bị rò rỉ sau trận động đất tại Nhật, phóng xạ nguyên tử mang khả năng giết người và mọi loài sinh thể đã tìm thấy lan vào trong vùng nước xung quanh. Theo Emoto, sự khôn ngoan của trí tuệ con người chưa đủ cứu nguy khi sóng nước thiên nhiên đã và đang đến hồi cuồng nộ, nhất là dòng nước bị con

người đưa vào lò phản ứng nguyên tử để làm dịu lại nguy cơ nóng chảy các thiết bị kích hoạt phản ứng. Cần phải có sóng lạnh của tâm hồn mới mong góp phần cứu khổ. Anh tha thiết khẩn cầu nhân loại trên toàn thế giới đúng 12:00 giờ trưa hôm nay tại mũi giờ của mình, xin lắng lòng cầu nguyện để chuyển tải năng lượng lành tới cứu nguy cho vùng đất trời đang bị nạn. Lời cầu nguyện: "*Xin hướng về Nước của Lò Nguyên Tử Fukushima, chúng tôi xin tạ lỗi đã làm cho Nước phải chịu đựng khổ đau. Xin tha lỗi cho chúng tôi. Xin cảm tạ Nước với lòng yêu thương.*" (*The Water of Fukushima Nuclear Plant, we are sorry to make you suffer. Please forgive us. We thank you and we love you.*) Một lời nguyện đơn giản thế thôi, nhưng nếu được cả hàng tỷ người cùng phát sóng từ trái tim mình, năng lượng giao thoa sẽ có hùng lực không thể nghĩ bàn, xoay chuyển được những chuyển động của vũ trụ.

Không phải chỉ có ngày hôm nay mà ước mong mùa Phật Đản năm nay và mãi mãi rằng, chỉ có sóng lạnh trôi chảy trong tâm thức của nhân gian để cho bụi đời lắng xuống: Một con nước đục, một chục dòng trong. Chỉ có sự trong ngần mới thấy được nhau để cảm thông và hóa giải.

Sacramento, mùa Phật Đản
2633; Vesak 2011
Trần Kiêm Đoàn

Tĩnh mộng

*Giữa đêm trường an nhiên như đã
Giọng thiên thu hồi hải đội về.
Giật mình góc nhỏ các khuê
Hươ tay sờ thấy để huê âm dương.*

*Gió vô tình rơi hương bao dậm
Trăng soi màu, chẳng thắm tịch liêu.
Bầy chừ chớm nhớ chợt yêu
Đầu sao cũng đọng ít nhiều tinh khôi.*

*Chim lạc bầy... thì thôi đã lỡ
Cá xa đàn... chẳng nở trách phiên
Thong dong vào cõi ngã nghiêng
Đôi vai nhẹ hẫng, hốt nhiên quên mình.*

*Nghìn năm cũ chữ tình mấy ven
Nửa đời sau ai thẹn với lòng?
Chỉ còn vũ trụ rỗng không,
Đem gieo hạt bụi mà mong vươn chồi.*

*Mây cuối bãi êm trôi vại thoáng
Ánh tà dương độc ngoạn đôi lần.
Quanh đời vại kẻ tương lân
Tim vui cho hả tấm thân hao mòn.*

(29/03/2011)



Cỏ trụi

*Đôi chân lạc chốn bụi hồng,
Nửa thờ thần bước, nửa mong quay về
Thế thời nhiễu loạn sơn Khê
Buồn - vui vại thoáng có hề hấn chi?
Lòng chưa kịp tiếc xuân thì
Tuổi đời đã vội âm ỉ chớm đông.
Phải đâu bến đục bến trong
Mà đưa khách lữ quay mòng cuộc chơi?
Trên kia đầu mấy tầng trời,
Ta làm cỏ trụi cũng với ưu phiền.*

(Khuya 28/03/2011)

VĨNH BÌNH



TẦNG MÂY TRÊN CAO

Chiêu Hoàng

Mặt trời bắt đầu chênh chếch về hướng Tây. Ánh nắng yên nghiêng vào khung cửa xe đậu lên mái tóc và một phần khuôn mặt người thiếu nữ. Rõ là nàng có vẻ rất nghiêm túc và suy tư. Một lúc, nàng quay qua hỏi bác tài:

- Gần đến chưa hả bác?
- Gần tới rồi cô. Leo thêm con dốc đặng trước mặt thì sẽ đến. Nhưng đó chỉ là một bãi kho xe đậu thôi. Cô còn phải đi bộ khoảng hơn trăm bậc thang mới tới đỉnh.

Thiếu nữ tỏ vẻ hơi sốt ruột:
- Nhưng có kịp lên đến đỉnh để ngắm mặt trời lặn không bác?

- Ồ. Cái đó còn tùy xem người đi nhanh hay đi chậm. Có người không kịp lên đỉnh, họ cũng có thể ngừng lại trên những bậc thang và nhìn về hướng Tây cũng thấy cảnh mặt trời mọc. (Thắc mắc) Tôi lại tưởng cô muốn lên chùa lễ Phật chứ?

- Vâng! Mục đích chính là vậy. Nhưng có nhiều người nói rằng, nếu lên kịp lúc thì sẽ được nhìn cảnh mặt trời lặn rất đẹp và có thể có những điều *huyền diệu* sẽ xảy ra trong tâm thức...

Bác tài có vẻ thắc mắc, hỏi lại:
- Huyền diệu là sao hả cô? Cảnh mặt trời lặn thì nhiều khi chẳng cần lên một đỉnh cao để nhìn ngắm, chỉ cần cô ra đồng quê, hoặc những nơi tương đối thoáng đãng có thể ngắm được rồi, việc gì mà phải mất công đến thế?

- Ồ. Bác không biết đâu. Ý cháu muốn nói đến sự *Huyền diệu xảy ra trong tâm thức* kia. Khi bác có một lòng tin mãnh liệt về đức Phật A Di Đà và có cơ duyên để được đứng ở một góc sân chùa, nhìn ngắm mặt trời lặn, bác sẽ có một cảm giác rất lạ, nhưng cảm giác đó không phải ai cũng có thể kinh qua, chỉ một vài người có được mà thôi, tùy theo cơ duyên chín mùi...

- Cảm giác sao cô?
- Cháu cũng chẳng biết bác ạ, vì đây là lần đầu tiên cháu thực hiện điều này...

Cả hai đều im lặng. Người tài xế già im lặng vì ông cho rằng cô bé xinh xắn này, (chắc chỉ bằng tuổi con gái út của ông) có một cái gì là lạ. Khuôn mặt cô hồn nhiên mà thoáng nhìn đã phát sinh hảo cảm. Theo ông, cô rất tốt bụng, sự tốt bụng lây lan qua ông làm ông cảm thấy an ổn và vui sướng. Còn cô, cô im lặng vì vẫn chưa có thể tưởng tượng sự "huyền diệu" ở chỗ nào. Chính vì thế mà cô không quản bao nhiêu khó khăn, quyết chí đáp chuyến bay ở một khung trời xa lắc đến đây, thực hiện được giấc mơ là đứng ở một góc sân chùa nổi tiếng này để được cảm nhận cái phút giây huyền diệu ấy...

Chiếc xe cũ kỹ vẫn kiên nhẫn leo dốc, tiếp tục nuốt nốt đoạn đường cuối cùng. Mặt trời vẫn còn sáng, đứng kên kiệu lệch qua một góc 45 độ, tiếp tục toả ánh sáng oi bức trước cảnh ngày tàn. Vài cánh sao lẻ loi

vội vã mọc, nhưng chúng mọc sớm quá nên mắt người thường vẫn chưa nhìn thấy. Thiếu nữ ngẩn ngơ nhìn bầu trời và cảnh vật rồi bằng khuàng một nỗi buồn khó tả len lỏi trong tim. Cuối cùng chiếc xe cũng bỏ hết lên một ngọn đồi cao. Đó là một khu đất rộng, tráng xi-măng và ở trên đỉnh là một ngôi chùa với chòm ngói cong vĩ đại thấp thoáng in đậm lừng lững trên bầu trời. Nơi đây, vì trên cao, nên không khí có vẻ loãng hơn, trong lành hơn. Gió từ nhiều hướng thổi tới. Những cơn gió đưa cọt luồng sâu trong tóc, gây làm nàng cảm thấy lạnh lạnh. Nàng khấp khểnh cúi áo, cột lại tấm khăn quàng, mở cửa xe nói với bác tài:

- Nếu bác muốn, bác có thể đi đâu đó, rồi khoảng hai tiếng sau trở về đón cháu...

Người tài xế mỉm cười với cái nhìn dịu dàng:

- Cảm ơn cô. Tôi sẽ trở lại và chúc cô cảm nhận được những gì cô mong ước...

Chờ cho chiếc taxi vòng trở xuống, thiếu nữ quay lưng lại với con dốc, ngược lên cao, nơi ngôi chùa thấp thoáng hiện ra hùng vĩ dưới ánh nắng mặt trời. Trước mặt là một con dốc với những bậc thang cao ngất ngưởng, hai bên là vùng đồi núi thoải thoải với những khoảng cỏ xanh và nhiều cây mọc vươn lên như một cố gắng thách đố với thời tiết. Xa hơn nữa, phía dưới là thành phố với những xe cộ chạy tới lui, ngang dọc, bé li ti như một bàn đồ chơi của trẻ con. Nàng bắt đầu tiếp tục cuộc hành trình bước trên những bậc thang làm bằng đá ong với một màu trắng sữa, không gian thênh thang loãng và nhẹ. Cái nhẹ này làm cho tâm hồn nàng có cảm tưởng mình hình như hoá hiện thành một cụm mây trắng đang hoà với những đám mây khác trôi lang thang trên một bầu trời đầy những ước mơ và vọng tưởng...

Nàng phóng tầm nhìn về cuối chân mây, nơi đó, mặt trời vẫn còn trũng trũng, tiếc nuối, toả những ánh sáng màu vàng nhạt, yếu đuối, chuẩn bị một ngày sắp tàn... Sự tàn tạ của một ngày làm nàng lại suy tư thêm về **Cái Chết**, về một chu kỳ của "Thành, Trụ, Hoại, Không" mà không một pháp thể gian nào có thể thoát khỏi. Quả đúng như thế, chúng ta, ai ai cũng chỉ có một hành trình duy nhất là mỗi ngày phải đi dần vào cái chết. Không có một chúng hữu tình nào trên thế gian này mà không phải chết. Từ một ông vua giàu sang, một vị tổng thống danh tiếng, một vị đạo sư đại hạnh hay Yogi khắc khổ nhất mình trong những cơn thiền định dài, nhắm đến những kẻ nghèo hèn tiểu tốt không ai biết đến v.v... họ cũng đều phải chết. **Cái quan trọng nhất là làm thế nào để đời sống mình có ý nghĩa trước khi cuộc hành trình ngừng lại ở trạm cuối cùng.**

Thật khó để định nghĩa thế nào là "một-đời-sống-có-ý-nghĩa", vì con đường đi của mỗi người, đều có những niềm vui, nỗi buồn riêng biệt mà nàng ví như những vườn hoa hay cỏ dại

trong đời sống. Vì sự khác biệt đó, nên sự hành xử của mỗi cá nhân đều khác nhau. Hiển nhiên, tâm thức của một vị sư không thể giống như tâm thức của một vị tổng thống, một thương gia, một hành giả yogi, một người thư ký hoặc một kẻ ăn mày. Nhưng nếu cảm nhận những ý niệm đó một cách sâu sắc ta mới có thể thấy đời sống thật đáng quý, vì sự đáng quý đó nên ta mới có thể làm cho đời sống mình thêm nhiều thăng hoa và đầy ý nghĩa.

Nàng miên man suy tư về cái chết trong lúc đôi chân vẫn tiếp tục cuộc hành trình. Cho đến khi nhận ra những giọt mồ hôi chảy dài trên trán, những khăn quàng và áo ấm làm cho nàng cảm thấy nóng nực thì nàng đã lên đến bậc thang cuối cùng mà nơi đó, một ngôi chùa hùng vĩ hiện ra...

Quả là một khung cảnh rất đẹp và nên thơ không một bút mực nào có thể tả hết. Nơi đây, hiện ra một bình nguyên khá rộng, cây cối xanh tươi, có những loại hoa lá lạ lùng mà nàng chưa nhìn thấy bao giờ. Đặc biệt nhất là ngôi chùa, chẳng hiểu làm thế nào để ai đó có thể đem được những tảng đá ong lớn lên đến tận đỉnh để thành lập ngôi chùa này. Nó mang một sắc thái rất cổ và trang nghiêm. Bốn hướng đều giăng những lá cờ ngũ sắc mà trên đó là những mặt chú của ngài Quán Âm bay phất phới trong không gian. Bên hiên, dọc theo một hành lang dài, những chiếc chuông tròn hình ống cũng được viết lên trên những mặt chú bằng những màu sắc rực rỡ sáng chói. Phòng phật trong không khí, mùi trầm hương lẫn với mùi hoa, có đại làm cho nàng ngây ngất... Đâu đó, một vài tiếng chuông ngân như một vọng khúc tìm về...

Ngay bên phía Tây của ngôi chùa, mặt trời bắt đầu hấp hối, to dần lên như mặt trăng ngày rằm và chuyển thành màu đỏ rực. Màu đỏ lan ra rất nhanh tạo thành một đường chân mây chia cắt giữa Đất và Trời. Những đám mây trắng ngợt ngác cũng bị nhuộm đỏ, và có thể các vị sao đang xôn xao chờ đợi đêm về... Cảnh hấp hối của ngày tàn mới đẹp làm sao. Không gian như bị thổi miên, đông đặc lại. Một cánh chim bồ câu cánh bay cao... Chu kỳ của một Ngày sắp tàn, nhường lại cho một chu kỳ mới của ban Đêm...

Ngay tại giây phút ấy, nàng nghe có tiếng bước chân xào xạc... Nghiêng mắt nhìn chênh chếch về hướng trái, xuất hiện một vị sư trẻ, chân đi dép mộc, trên mình khoác chiếc áo tu màu đỏ thắm - tiếp với cái váng đỏ của bầu trời - Ông cũng chợt nhận ra có khách đến viếng chùa. Đôi tay chấp lại như một búp sen, ông khẽ cúi đầu như một lời chào với câu niệm Phật... Cảnh mặt trời lặn của ngày tàn như một *Nỗi Chết* ắt có và cảnh "*tái sinh*" do sự xuất hiện của một vị sư trẻ in đậm trên nền trời làm thành một bức tranh rất đẹp...

Nàng đứng đấy. Chết trần. Ngoài tất cả mọi cảm giác. Nàng chỉ cảm nhận một điều trực tiếp đến từ tâm. **Cái Chết và sự Tái Sinh.** Một ý niệm rất khó tả chạy ngang chân mày, nhưng nó lại hiện hữu một cách hồn nhiên, sáng ngời trong tâm thức.. Nàng bỗng chợt nghe trong tâm niềm vui xôn xao về một niềm tin mãnh liệt khi nghĩ rằng: Chết không phải là hết. Sau cái chết, sẽ có một đời sống khác, luôn luôn thôi thúc, luôn luôn vươn lên...

Vị sư trẻ hơi khựng lại khi nhìn thấy khách lạ. Có lẽ ông đang ở trong phần cuối của sự thiền hành. Tay phải ông hơi co lại với những ngón đang lần tràng hạt, tay trái để thõng. Sau một lời chào, ông

dậm bước quay lưng, nhưng người nữ vội vã chấp tay lên tiếng:

- A Di Đà Phật, xin thầy lưu lại một chút cho con hỏi thăm...

Nghe người nữ lên tiếng, vị sư trẻ cũng vội chấp tay trả lời:

- A Di Đà Phật, trời đã gần tối rồi. Tín chủ cũng nên xuống núi cho sớm...

Trong giây phút bất chợt, chính nàng cũng không biết "hỏi thăm" cái gì. Nhưng trong giây phút giao thời giữa Ngày và Đêm, trong sự cảm nhận bằng bột giữa Nỗi Chết và sự Tái Sinh mà nàng vừa kinh qua, rõ ràng, nàng mong mỏi sự hiện diện của ông, như là một thúc đẩy, một chứng minh những gì nàng vừa cảm nhận. Nàng quỳ sụp xuống:

- Xin thầy hãy nhận ở con một lạy...

Hành động bất chợt đến từ thiếu nữ làm cho vị sư trẻ bối rối, ông không biết hành xử ra sao cho đúng. Ông lùi lại vài bước, tránh cái lễ của người nữ, đưa cả hai tay lên chấp lại thành một búp sen:

- A Di Đà Phật...

Thiếu nữ nói một mạch, như sợ rằng, chỉ cần một hào ly của thời gian trôi qua, nàng sẽ không còn có thể bắt kịp được những ý tưởng loé lên trong đầu:

- Con từ một nơi rất xa xôi tới đây. Phải trải qua rất nhiều sự thử thách và kiên nhẫn mới đến được chốn này. Xin thầy từ bi hoan hỷ cho phép con được vào chánh điện lễ Phật và đưa con đi thăm thắng cảnh ngôi chùa. Được vậy, coi như thầy đã làm phước và gieo thêm duyên lành cho một chúng sanh... Vị sư bối rối:

- Tôi... tôi...

Thiếu nữ vẫn phục dưới đất, nàng không nói thêm lời nào... Vị sư càng bối rối, ông lùi lại thêm vài bước và nói khẽ:

- Xin tín chủ hãy đứng lên cho. Tôi sẽ đưa chị gặp vị tri khách trong chùa. Ngài có thể giúp chị hoàn thành được những gì chị mong ước. Rất tiếc hiện giờ là Ngài đang bận, nếu có thể chờ được thì khoảng một tiếng nữa thì Ngài sẽ giúp được cho chị, còn tôi chỉ là một môn đệ rất sơ cơ, suốt ngày chỉ biết niệm Phật và làm những việc được giao phó ở đây mà thôi.

Thiếu nữ từ từ đứng lên, khuôn mặt vẫn nghiêng nghiêng cúi xuống:

- Nhưng thưa thầy, thời gian không cho phép con ở lại lâu hơn, chỉ bằng thầy cứ đưa con đi một chuyến quanh chùa mà không cần phải phiền đến những vị sư ông khác...

Vị sư trẻ phóng mắt nhìn ra bầu trời dần thắm xuống. Nghĩ đến cuộc hành trình dài xa mà thiếu nữ vừa kể, nghĩ đến 108 bậc thang từ nửa con đồi đưa nàng lên được đến đỉnh chùa này, trong tâm ông có một sự thương cảm cho người đã thành tâm. Khe khẽ thở dài, ông bảo:

- Thôi được. Vậy chị hãy theo tôi vào chánh điện lễ Phật trước..

Nghe được lời chấp thuận của vị sư trẻ, khuôn mặt nàng tươi vui hẳn lên. Bầu trời bắt đầu thắm tối. Gió trên cao lồng lộng thổi như tiếc thương một ngày đã tàn. Họ rời bầu trời với những vì sao bắt đầu mọc lẻ loi, rời nơi cao chót đỉnh để đi vào trong lòng của ngôi chùa, nơi đây ấm áp hơn với những ngọn đèn bật sáng như ban ngày với mùi hương trầm toả ra thơm ngát. Chánh điện rộng thênh thang, có thể chứa được khoảng hơn ngàn người, chạy dọc từ đầu phòng tới cuối phòng





là những hàng cột lớn được sơn phết bằng một màu đỏ thắm, trên đó, được treo những cái phướn đầy màu sắc, hoặc những hình ảnh mà nàng không hiểu rõ. Ngay cuối chánh điện, một tượng Phật với thân vàng ròng, to lớn uy nghi ngự trên một toà sen lớn, chung quanh là những hoa, hương, đèn và những tượng bồ tát lớn nhỏ. Hai bên vách tường treo những bức tranh của chư Phật và chư Bồ Tát dệt bằng những hàng lụa quý với nhiều màu sắc rực rỡ. Khung cảnh tôn nghiêm, lung linh, sống động. Sự sống động đánh mạnh vào tâm thức người nữ làm nàng cảm động tới độ phải quý xụp xuống và bật khóc, tựa như một đứa con hoang, mãi mê đi qua nhiều kiếp với những tham vọng và vọng tưởng, nay trở về nơi chốn cũ với vòng tay mở rộng của người cha già. Mặc cho vị sư trẻ thập hương, rồi ông thông thả đánh lên những tiếng chuông ngân vang bằng bạc trong không gian, người nữ vẫn phủ phục dưới đất, lễ lạy và nước mắt cứ tuôn như mưa...

Đợi cho người nữ qua đi những cơn cảm xúc cùng lúc tiếng chuông ngân cuối cùng vừa dứt. Ông chấp tay đứng đợi nàng lễ thêm ba lễ rồi mới thông thả lên tiếng:

Chùa chỉ mở cửa cho thập phương tín chúng vào những ngày cuối tuần và các ngày lễ, nên trong những ngày thường như thế này sẽ không tiếp khách thập phương. Hôm nay, coi như là một cơ duyên ngoại lệ, tôi sẽ đưa chị đi một vòng chùa cho biết...

Vị sư trẻ đưa nàng trở ra sân chùa, nơi đây, mặt trời đã khuất, để lại một màn đêm với nhiều tinh tú trên cao như một bức màn nhung nạm ngọc. Ngay góc sân bên cánh phải, một cảnh hòn non bộ với núi non và thác nước róc róc chảy, chung quanh là những loại cây và hoa nở thơm ngát. Vị sư với giọng trầm trầm:

- Chị để ý mà xem, chỉ cần nhìn cảnh hòn non bộ với những con cá nhỏ bé bơi tung tăng phía dưới, những loài cây, hoa, những viên đá cuội và ngay cả ngàn ngàn vì sao trên bầu trời này thôi ta cũng có thể nhìn thấy được sự tương quan, tương duyên của cuộc sống. (Tâm sự) Đôi khi, tôi suy tư thật sâu về những gì đức Phật đã dạy trong các trang kinh cổ, ngoài quốc độ này, còn có hằng hà xa số các quốc độ khác mà khoa học ngày nay tạm gọi là Thái Dương Hệ và những giải Ngân hà, trùng trùng, điệp điệp lẫn nhau... Có những nơi vừa mới thành lập, thì cũng có những nơi khác bị tàn rụi, mà tính theo thời gian của nhân gian thì phải mất cả tỷ năm để một thế giới thành lập hay rụi tàn.. Rồi từ đó, chúng ta chợt nhận ra rằng, chính

chúng ta cũng chỉ là những "sinh vật" rất bé nhỏ sống trên một hành tinh đang xoay quanh mặt trời, xa hơn nữa, mặt trời cũng chỉ là một *hạt đậu* rất nhỏ nếu so với cả một Thái Dương Hệ, nó nhỏ bé quá, chẳng đáng gì với vũ trụ rộng lớn bao quanh, mà trên đó, con người (vì vô minh) vẫn tị hiềm, sân hận, gây rất nhiều khổ đau cho nhau...

Nghe vị sư nói vậy, người nữ cảm nhận trong mình một nỗi niềm khó tả. Thấy cuộc đời quả thực mong manh, dễ vỡ, và con người thì thật bé nhỏ biết bao. Tình yêu, danh vọng, tiền tài v.v.. chỉ là những ảo ảnh của bọt nước trôi dòng... Vì ý nghĩ đó làm nàng cảm động, thấy mắt mình dường như ướt ướt, nàng chớp mắt, hít vào ngực một hơi dài như muốn nuốt lấy giọt nước mắt của mình cất vào khuôn tim nhỏ mà nơi đó nó đã trở thành những viên kim cương sáng ngời...

Rời khu hòn non bộ, họ đi qua một mảnh vườn với đầy cây ăn trái, trong vườn, lác đác nhiều bức tượng của chư Phật, chư thiên cùng chư hộ pháp. Ngoài ra, còn có những cây cổ thụ to lớn, trùm hết cả một khung trời. Bên cạnh đó là một vườn hoa xinh xinh với nhiều màu sắc rực rỡ, ngay giữa khu vườn là một tháp thờ xá lợi bảy tầng vàng óng như được sơn phết bởi một lớp vàng ròng. Đi loanh quanh, nàng chợt nhận ra rằng, có những đồ hình và kiến trúc rất đặc biệt mà có thể có những ý nghĩa rất thâm sâu mà nàng không thể hiểu. Nếu để ý nhìn kỹ về kiến trúc của ngôi chùa, thiếu nữ có cảm tưởng, dường như ngôi chùa được tạo dựng theo hình một *mandala* nào đó của Mật Tông Tây Tạng.

Cuối cùng, họ lại trở về cổng chính của ngôi chùa. Bầu trời đã thực sự vào đêm, sâu thẳm thẳm. Các ngôi sao trên cao dường như đang lung linh nháy múa trong một điệu luân vũ nào đó. Không gian thật yên tĩnh, loáng và lạnh. Thiếu nữ bắt chước vị sư trẻ chấp đôi tay mình lại thành một búp sen, cung kính thưa:

- Con xin cảm ơn thầy đã hoan hỷ giúp con hoàn thành được những gì con mong ước. Con hy vọng, một ngày nào đó con sẽ trở về, nhưng không phải đó là một sự trở về xuống để thăm viếng, mà trở về với chiếc áo tu hành và tiếp tục cuộc hành trình đi tìm giải thoát cho chính mình và cho tha nhân.

Lời nói chân thành như một đại nguyện của thiếu nữ làm cho vị sư trẻ cảm động:

- Á Di Đà Phật. Xin chúc cho tín chủ luôn đạt thành những ước nguyện...

Nàng lại bắt đầu những bậc thang đi xuống. Khác với tâm thức khi nàng ngẩng mặt ngược lên cao khi đi lên, đây khát vọng và tìm hiểu. Nàng cảm thấy tâm mình thật an bình, thênh thang như bầu trời rộng lớn chung quanh. Người tài xế đã đợi nàng từ bao giờ. Bước vào xe, ông hỏi:

- Cô đã cảm nhận được sự "huyền diệu" gì đó không?

Nói gì bây giờ cho người tài xế già tốt bụng hiểu nhỉ? Bởi mỗi người đều có những cảm nhận và những câu trả lời rất khác biệt. Nàng nhớ lại lời *Đại Nguyện* cuối cùng của mình với vị sư trẻ trước khi từ giã. Vâng. Nàng sẽ *trở về*, dù có phải chờ đến một kiếp nào đó rất xa xôi trong tương lai...

Nàng ngà người lên lưng ghế, chỉ mỉm cười. Hình như câu trả lời chính là sự im lặng đúng đắn nhất...

Hoa Ưu Đàm đã nở

*Sáng nay trời sáng tỏ
Chim nghiêng mình lắng nghe
Trái đất như ngưng đọng
Thái Tử vừa ra đời.*

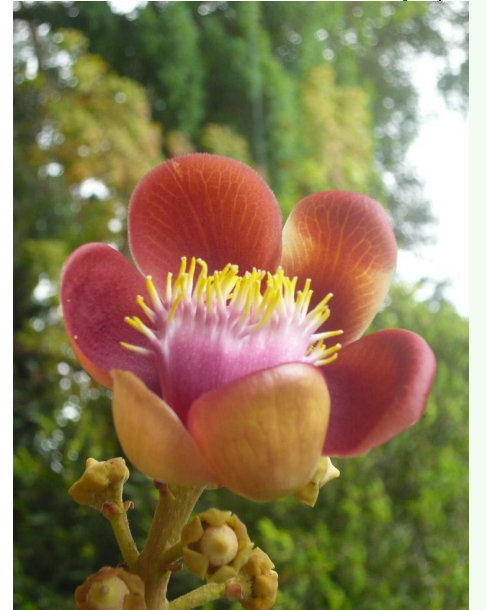
*Trời hồng rạng phía đông
Bóng tối lùi sau núi
Chân lý được khơi dậy
Bây bước hóa sen hồng.*

*Nỗi khổ có thể dứt
Luân hồi có thể ngưng
Hạnh phúc có thể tìm
Ngay giữa cuộc đời này.*

*Có nỗi vui nào hơn
Ta không phải vô thường
Không phải chết là hết
Ta vượt trên sanh diệt.*

*Vừa dần sanh ngài nói
Trên trời và dưới đất
Giữa hữu và vô tình
Chân ngã là quý nhất.*

*Mừng ngày Phật đản sanh
Lâm Tỳ Ni thượng uyển
Hoa ưu đàm đã nở
Toả sáng lòng thế gian.*



(Mùa Phật Đản năm 2011, PL 2555
Chùa Hương Sen, Moreno Valley)

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG

Hoa Sen

FLOWERS SHOP

10900 Westminster Ave., # 4, Garden Grove, CA 92843

www.kimanhflowers.com hoặc www.hoasenflowers.com

Fax: 714.534.9096

- Hoa tươi với hàng trăm mẫu đẹp, trang nhã, dành cho tiệc cưới, sinh nhật, chúc mừng, chia buồn, kỷ niệm chu niên, v.v... Đặc biệt về hoa tang, hoa phúng điếu với có nhiều vòng hoa tang, hoa phúng điếu hình hoa sen rất đẹp lạ.
- Nhận giao hàng đến tư gia, nhà quà, cơ sở tôn giáo.
- Ngoài những mẫu hàng có sẵn, quý vị có thể đến tham khảo, góp ý để chúng tôi trang trí theo ý khách.



714.534.4272
714.467.0622



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

TÍCH LAN: Tu sĩ Phật giáo đầu tiên được mời dự đám cưới Hoàng gia Anh

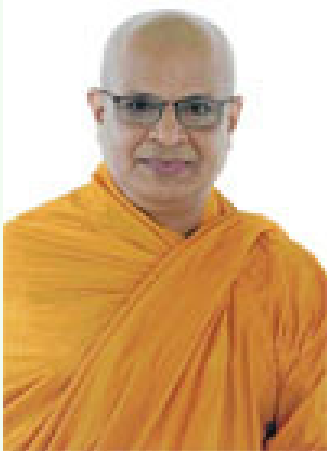
Thượng tọa Tích Lan Bogoda Seelawimala - Trưởng Tăng đoàn Nayake của Anh quốc và là Sư trưởng Tịnh xá Phật giáo Luân Đôn - đã được mời dự đám cưới hoàng gia của Hoàng tử William và Kate Middleton vào ngày 29-4-2011.

Là tu sĩ Phật giáo đầu tiên được mời dự một buổi lễ hoàng gia, Thượng tọa Seelawimala cho biết ông sẽ đại diện Phật tử tại đại lễ có 1.700 người tham dự tại Tu viện Westminster này. "Đây sẽ là một niềm vinh dự", ông nói.

Thượng tọa nhớ lại rằng Thái tử Charles, cha của Hoàng tử William, đã thăm Tịnh xá Phật giáo Luân Đôn sau khi Tích Lan bị sóng thần vào năm 2004 và đã thể hiện nhiều quan tâm đến Phật giáo.

Thượng tọa Seelawimala tin rằng Hoàng tử William cũng sẽ theo bước cha mình và sẽ thăm Tịnh xá Phật giáo Luân Đôn vào một ngày nào đó sau lễ cưới của anh.

(The Island - April 2, 2011)



Thượng tọa Seewimala - Photo: The Island

MÃ LAI: Cuộc Chạy Từ tâm (Metta) 2011 để giúp gây quỹ Hội Phật giáo

Kuala Lumpur, Mã Lai - Hội Phật giáo Từ tâm Kinrara (KMBS) sẽ tổ chức cuộc chạy Từ tâm 2011 để giúp phát triển tòa nhà mới của hội. Đây là lần đầu tiên KMBS tổ chức một sự kiện như thế.

KMBS là một tổ chức được thành lập để truyền bá Phật giáo, phát triển trí tuệ, chia sẻ lòng từ bi và truyền đi Lòng Từ tâm trong các cộng đồng của hội đang sống tại các khu vực xung quanh Puchong, Selangor.

Là một tổ chức phi lợi nhuận, KMBS phần lớn nhờ vào công việc thiện nguyện và những đóng góp từ các nhóm và cá nhân.

Cuộc Chạy Từ tâm sẽ được tổ chức tại Taman Dami Utama, Bandar Kinrara, Puchong từ ngày 24-4-2011. Có 2 lộ trình là 5 km và 8 km để những người tham gia lựa chọn.

(Buddhist Channel - April 4, 2011)

TÂN TÂY LAN: Thành phố cảng Napier cầu nguyện cho nhân dân Nhật Bản

Napier, Tân Tây Lan - Vào ngày 10-4-2011, Hội đồng Thành phố Napier và Hội Nhật Bản quận Hawke's Bay sẽ tổ chức lễ cầu nguyện và tưởng nhớ nạn nhân của trận động đất và sóng thần tại Nhật.

Các trường học và doanh nghiệp có liên hệ với Nhật Bản cũng như công chúng đều được mời tham dự. Lễ cầu nguyện sẽ diễn ra tại Thánh đường Waiapu.

Tu viện trưởng Helen Jacobi cho biết họ sẽ cầu nguyện theo các truyền thống Phật giáo và Kitô giáo cho những người đã mất và những người chịu tang. "Chúng tôi sẽ cầu nguyện cho hy vọng và bình an được tái hồi", bà nói.

Buổi lễ sẽ gồm có âm nhạc và kính cầu nguyện bằng tiếng Nhật, tiếng Anh và tiếng Maori.

(Hawke's Bay Today - April 5, 2011)

NEPAL: Bắt đầu khôi phục lại nơi sinh của Đức Phật

Kathmandu, Nepal - Ngày 05-4-2011, các quan chức nói rằng một đội bảo tồn quốc tế đã bắt đầu việc khôi phục 3 di tích có nguy cơ bị hủy hoại tại Lâm Tì Ni, nơi sinh của Đức Phật tại nam Nepal, cách Kathmandu 250 km về phía tây nam.

Đội do chuyên gia bảo tồn người Ý Đại Lợi là Costantino Meucci chỉ huy. Họ sẽ khôi phục lại bia đá, tác phẩm điêu khắc đàn sinh và trụ A Dục vương.

Cuộc vận động tu sửa kéo dài một tháng này đang được chính phủ Nhật Bản tài trợ.

Bia đá tương truyền chính là nơi Đức Phật đàn sinh, trong khi tác phẩm điêu khắc miêu tả cảnh mẹ của Đức Phật vịn một cành cây làm điểm tựa khi bà sinh Ngài.

Còn trụ A Dục vương do vị vua Ấn Độ là A Dục vương xây vào thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên, khi ông đã cải đạo sang Phật giáo sau một cuộc chiến tranh đẫm máu.

(The Himalayan Times - April 5, 2011)



Các tín đồ viếng di tích Lâm Tì Ni ở Nepal - Photo: verizon.net

NHẬT BẢN: Nhà bảo tàng Phật giáo tổng hợp đầu tiên của thế giới

Kyoto, Nhật Bản - Ngày 05-3-2011, Nhà bảo tàng Phật giáo tổng hợp đầu tiên của thế giới có tên là Nhà bảo tàng Ryukoku đã khánh thành tại

Phường Shimogyo ở Kyoto.

Nhà bảo tàng này gồm 3 tầng và một tầng hầm, thuộc trường Đại học Ryukoku. Đây là trường đại học tư dựa theo tinh thần của Phật giáo Tịnh độ chân tông (Shin), giới thiệu nguồn gốc và lịch sử đạo Phật cũng như những di sản khác nhau liên quan đến tôn giáo nổi tiếng thế giới này.

Ngoài những hiện vật triển lãm thường trực, những hạng mục được lưu trữ tại trường sẽ được trưng bày trong các cuộc triển lãm chuyên đề theo lịch trình vài lần một năm.

Trường sở hữu những hiện vật bao gồm các đồ tác thu thập được trong một cuộc thám hiểm tại Trung Á vào đầu thế kỷ 20 do nhà lãnh đạo Phật giáo Nhật Bản và thám hiểm là Kozui Otani dẫn đầu.

Nhân lễ khánh thành, bảo tàng cũng đang tổ chức một cuộc triển lãm đặc biệt có tiêu đề "Đức Phật và Thân Loan (Shirran)", trưng bày khoảng 660 tượng và kinh Phật giáo từ Nhật và các nước châu Á khác. Triển lãm này sẽ kéo dài đến ngày 25-3-2011, để trùng với kỷ niệm 700 năm ngày viên tịch của sư tổ Thân Loan của Phật giáo Tịnh độ chân tông.

(Deccan Herald - April 6, 2011)



Trường Đại học Ryukoku (Kyoto, Nhật Bản) - Photo: Wikipedia



Tranh Phật giáo tại Nhà bảo tàng Ryukoku - Photo: google.com

CAM BỐT: Cuộc diễn hành vì hòa bình của Phật giáo

Sau cuộc diễn hành 300 km trong 3 tuần xuyên qua Siem Riep, như một phần của cuộc Đi bộ Hòa bình Dhammayietra, hơn 100 tăng ni đã rời tỉnh này vào ngày 07-4-2011 để đi nốt phần còn lại.

Còn có tên là "Cuộc Hành hương

của Chân lý", cuộc đi bộ hòa bình này đã được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1994 để hồi hương những người tị nạn Cam Bốt tại các trại dọc theo biên giới Thái Lan.

Kể từ đó, cuộc đi bộ hòa bình đã trở thành một cuộc diễn hành thường niên để thúc đẩy hòa bình và hòa giải và truyền bá giáo lý đạo Phật tại vương quốc này.

Mỗi năm, các nhà sư tham gia cuộc diễn hành chọn một tỉnh khác nhau để truyền bá đạo pháp và ngũ giới Phật giáo. Họ phân phát sách giáo lý Phật giáo và thuyết giảng tại các trường học dọc theo lộ trình.

(Phnom Penh Post - April 8, 2011)



Chư tăng tham gia cuộc đi bộ hòa bình hàng năm tại tỉnh Siem Riep - Photo: Micheal Sloan

THÁI LAN: Phật tử cúng dường tiền xây dựng tượng Đại Phật

Hàng trăm Phật tử từ khắp Thái Lan đã tập trung tại Đê chắn sóng Bali Hai ở thành phố Pattaya (tỉnh Chaiyaphum) để cầu nguyện và cúng dường tiền cho việc xây pho tượng Phật lớn nhất thế giới.

Chủ tịch Quỹ Đại Phật Chaiyaphum là tăng sĩ Tipakom Rinthaisong đã chủ trì lễ cúng dường tại Đê Bali Hai này vào ngày 24-3-2011.

Mục tiêu của quỹ là đúc một tượng Phật bằng đồng cao 199 m, có phần nền rộng 99 m, với chi phí ước tính là 10 tỉ baht (khoảng 333 triệu usd).

Công trình dự kiến phải mất 7 năm, và tượng sẽ được tôn trí tại tiểu khu Nafaai.

Việc xây dựng vẫn đang tiếp diễn, với chi phí đã đạt 120 triệu baht.

(Pattaya Mail - April 8, 2011)



Phật tử tập trung tại lễ cúng dường cho quỹ xây tượng Đại Phật Chaiyaphum - Photo: Pattaya Mail

HOA KỲ: Lễ hội Phật giáo tại Thành phố New York

Có ít nhất 13 nước châu Á sẽ tham gia lễ hội Phật giáo được tổ chức tại thành phố New York từ ngày 16 đến 21-5-2011.

Các cơ quan ngoại giao của các nước tham gia lễ hội kỷ niệm năm thứ 2.600 Đức Phật Thành đạo này hiện đang chuẩn bị cho sự kiện.

Lễ hội sẽ được tổ chức tại trụ sở Liên Hiệp Quốc tại thành phố New York, nơi chủ tịch thuộc tất cả các quốc gia đang sống tại Hoa Kỳ được sắp xếp để tập trung.

Quả lưu niệm, gồm những bài viết hàn lâm về Phật giáo và những thông điệp từ các vị chức sắc của các nước tham dự, sẽ được phát hành để kỷ niệm sự kiện này.

Tại trụ sở Liên Hiệp Quốc, một cuộc triển lãm nghệ thuật Phật giáo sẽ được tổ chức từ ngày 16 đến 21-5-2011.

(Urban Dharma - April 9, 2011)

TÍCH LAN: Chính phủ Nga ủng hộ sự phát triển Phật giáo

Colombo, Tích Lan - Chính phủ Nga sẽ thực hiện một số chương trình tôn giáo nhân lễ Đức Phật Thành đạo năm thứ 2.600.

Gặp gỡ Thủ tướng Jayaratne D M tại văn phòng Thủ tướng ở Colombo, Đại sứ Nga tại Tích Lan là Vladimir P Milkhaïlov nói rằng Nga sẽ gởi nhiều đại diện tổ chức Phật giáo đến dự Hội nghị Phật giáo Quốc tế tổ chức tại Tích Lan.

Đại sứ nói nhiều thánh địa Phật giáo tại Nga đã được phát triển. "Nước Nga cũng sẽ góp phần phát triển các thánh địa Phật giáo tại Tích Lan", ông nói.

Thủ tướng Tích Lan Jayaratne nói rằng sự trợ giúp của Nga để tuyên truyền các vấn đề Phật giáo tại Tích Lan là rất quan trọng. Và Thủ tướng bày tỏ lòng biết ơn của mình về sự giúp đỡ của Nga dành cho Tích Lan nhân kỷ niệm năm thứ 2.600 Đức Phật Thành đạo.

(Lanka Daily News - April 9, 2011)

ÁI NHĨ LAN: Đức Đạt Lai Lạt ma viếng thủ đô Dublin

Dublin, Ái Nhĩ Lan - Đây là chuyến thăm Ái Nhĩ Lan lần thứ ba và là lần đầu tiên sau 20 năm của Đức Đạt Lai Lạt ma. Chuyến thăm 2 ngày của Ngài (ngày 13 và 14-04-2011) được tổ chức thông qua hội từ thiện Trẻ em Trong Lưới đan.

Nói về tình hình kinh tế đang tê liệt của Ái Nhĩ Lan, Ngài khuyên nhân dân đất nước này phải làm việc cật lực hơn nếu muốn vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính đang kiểm chế họ.

Ngài nói, "Hãy làm việc chăm chỉ, nỗ lực cùng quyết tâm thì sự thịnh vượng sẽ đến".

Hai điểm đến sau đó theo lịch trình của Đức Đạt Lai Lạt ma là thị trấn Kildare và trường Đại học Limerick.

Nhà lãnh đạo Tây Tạng này đã tuyên bố các kế hoạch về hưu. Người kế nhiệm Ngài sẽ được chọn vào ngày 20-05-2011.

(IANS, Newstalk - April 13, 2011)



Đức Đạt Lai Lạt ma tại cuộc họp báo ở Dublin ngày 13-04-2011 - Photo: IANS

TRUNG QUỐC: Xây dựng lại tu viện Trangu

Năm nay công nhân xây dựng sẽ hoàn tất việc xây lại 62 tu viện Tây Tạng bị thiệt hại trong trận động đất tại huyện Yushu ở tỉnh Thanh Hải hồi năm ngoái.

Chính phủ đã dành 1 tỉ nhân dân tệ (153,68 triệu usd) để tái xây dựng các tu viện.

Việc xây dựng lại tu viện Trangu - vốn bị tàn phá nặng nề nhất - đã bắt đầu vào ngày 17-4-2011 trên một đồng cỏ lớn, cách vị trí nguyên thủy của tu viện nổi tiếng 700 năm tuổi này vài km.

Tu viện từng có 3.000 tượng Phật và hàng chục nghìn cuốn kinh Phật. Một số lượng đáng kể của những di sản này đã được giải thoát khỏi các tàn tích của 2 chánh điện tại tu viện.

Các đội xây dựng tại đây thường tránh làm việc vào mùa đông kéo dài hàng tháng, vì mọi dự án kỹ thuật đều không thể thực hiện được do thời tiết trên cao nguyên này vô cùng lạnh giá và nhiều gió.

Trangu là một trong 3 tu viện quan trọng nhất tại huyện Yushu. Hai tu viện kia là Gyagu và Renyak cũng bị hư hại nghiêm trọng trong trận động đất ngày 14-4-2010.

(Xinhua - April 17, 2011)

Photos: WWW.NEWS.CN



Các nhà sư trình tấu âm nhạc tôn giáo trong lễ khởi công xây dựng lại Tu viện Trangu



Các vị khách mời tham gia lễ khởi công tái xây dựng Tu viện Trangu

IRAN: Đối thoại Hồi giáo-Phật giáo tại thành phố Qom

Vòng đối thoại liên tôn giáo giữa Hồi giáo và Phật giáo được tổ chức tại thành phố thánh địa Qom có tiêu đề "Vai trò của Tôn giáo trong việc Đương đầu với Bạo lực trong Xã hội Con người".

Phiên họp sơ bộ cho hội thảo này diễn ra vào ngày 16-4-2011 tại Tổ chức Văn hóa và Thông tin Hồi giáo.

Vòng đối thoại liên tôn giáo giữa Hồi giáo và Phật giáo có sự tham dự của ông Mohammad Reza Dehshiri, thứ trưởng giáo dục, và ông Mohammad Hussein Mozaffari, trưởng trung tâm đối thoại liên tôn giáo kiêm trưởng Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Pali Nanarata.

Hội thảo được tổ chức tại trường Đại học và Giáo phái của thành phố Qom vào ngày 18-4-2011.

(BFNews - April 18, 2011)

NEPAL: Lễ hội thả đèn của Phật giáo để tưởng niệm thân nhân quá cố

Kathmandu, Nepal - Lễ hội Phật tử thả đèn tại Phật Tháp vào ngày Chaitra Shukla Purnima để tưởng niệm thân nhân quá cố đã kết thúc vào ngày 18-4-2011. Các tín đồ Phật giáo dành một đêm không ngủ 17-4 để tưởng nhớ những người thân đã khuất của họ. Cộng đồng Phật giáo gọi lễ hội này là 'Dwang Molam'.

Lễ hội kết thúc sau hoàng hôn, khi các tín đồ qua một đêm không ngủ đã đến khu Baishdhara của quận Balaju (thuộc thủ đô Kathmandu) để tắm nước linh.

Lễ hội còn có hội chợ Timal Jatra tại Phật Tháp, bắt đầu từ ngày 17-4-2011. Những người không thức được vào đêm trước đã thả đèn vào ban ngày. Ước tính có hơn 100 nghìn Phật tử tham dự hội chợ này.

(The Hindu - April 18, 2011)

TRUNG QUỐC: Nhà bảo tàng dành cho các tác phẩm khắc đá cổ

Trùng Khánh, Trung quốc - Ngày 18-4-2011, thành phố Trùng Khánh bắt đầu xây dựng một nhà bảo tàng dành cho các tác phẩm khắc đá được xếp hạng Di sản Thế giới.

Bảo tàng Tác phẩm Khắc đá Đại Túc - nằm tại Huyện Đại Túc của Trùng Khánh - rộng 6,6 hecta và sẽ có chi phí là 290 triệu nhân dân tệ (khoảng 44,4 triệu usd).

Nhà bảo tàng sẽ trưng bày về Phật giáo Trung quốc, về tác phẩm khắc đá và nghệ thuật dân gian cùng các nỗ lực bảo vệ di sản của nước này. Có trên 50 nghìn tác phẩm khắc đá riêng biệt trong các hang động ở huyện Đại Túc.

Có niên đại từ thế kỷ thứ 9 đến 13, các tác phẩm chạm khắc này đã được UNESCO đưa vào Danh sách Di sản Thế giới vào năm 1999.

Nhà bảo tàng sẽ dùng các thiết bị kỹ thuật số và nhiều phương tiện truyền thông để nâng cấp việc bảo tồn và nghiên cứu số tác phẩm này.

Việc xây dựng nhà bảo tàng bắt đầu vào ngày 18-4 để kỷ niệm Ngày Di sản Thế giới.

(Xinhua - April 18, 2011)



Tượng khắc đá Đại Túc - Photo: wikipedia

MÃ LAI: Lễ trao Quỹ Cứu trợ Động đất và Sóng thần Nhật Bản

Petalina Jaya, Mã Lai - Vào ngày 16-4-2011, Hội Thanh niên Phật giáo Mã Lai (YBAM) bắt đầu một cuộc quyên tiền cho Quỹ Cứu trợ Động đất & Sóng thần Nhật Bản để giúp đỡ các nạn nhân của thảm họa này. Tổng số tiền quyên được trong ngày 16-4 là trên 236 triệu ringgit Mã Lai.

Để bảo đảm tiền quỹ quyên được sẽ đến tận tay các nạn nhân, YBAM đã trao cho 2 tổ chức Phật giáo quốc tế lớn là Trụ sở hội Phật tử Thế giới và Trụ sở Thế giới của Hội Phật Quang Quốc tế (BLIA). Hai Trụ sở này sẽ trực tiếp giúp đỡ có hiệu quả cho nạn nhân động đất và sóng thần Nhật Bản.

Một buổi lễ đã được tổ chức vào ngày 17-4 để trao quỹ cho Hội trưởng Giáo hội BLIA Mã Lai là ông Sung Yeow Swee, người đại diện Trụ sở Thế giới của BLIA, với sự chứng kiến của Ni sư Jue Cheng, Sư trưởng của Phật Quang Sơn Mã Lai và Tân Gia Ba.

(The Buddhist Channel - April 20, 2011)



Chư tăng tụng kinh trên đồng cỏ trong lễ khởi công xây dựng lại Tu viện Trangu

SUỐT ĐỜI VUN VÉN CỦA TIỀN NHÃN TÂM ÍCH KỶ OAN KHIÊN CHẤT CHỒNG

Tịnh Minh soạn dịch từ *Pháp Thoại Pháp Cú*

Tương truyền rằng tại Xá-vệ có một quan thủ khổ tên là A-nan-đa (Ānanda). Ông ấy có 800 triệu bảo vật nhưng vô cùng keo kiệt nên được mệnh danh là Trùm Tích. Cứ hai tuần một lần, ông họp mặt cả nhà, lên giọng trình trọng nhắc nhở mọi người, đặc biệt là cậu con trai Mu-la-xi-ri (Mulasiri) duy nhất của ông, về ba điểm trọng yếu như sau:

1. Đừng cho rằng có 800 triệu bảo vật này là nhiều.

2. Chớ để thất thoát một mảy may tài sản nào của gia đình.

3. Phải luôn luôn ý thức và nỗ lực vun bồi của cải ngày thêm phong phú.

Vì rằng: một xu lọt qua kẽ tay, sẽ có ngày gia nghiệp sụp đổ.

Cho nên: năng nhặt thì chặt bị.

Và để dễ nhớ, ông cô đọng quan điểm của mình thành một khúc ngâm gọi là kim ngôn di huấn:

Xưa nay hương sắc phai màu,

Hãy xem đàn kiến chung nhau xây nhà,

Ong kia hút mật phấn hoa,

Người khôn bồi đắp cửa nhà hiển vinh.

Ít lâu sau, ông chỉ cho cậu con trai của ông thấy vị trí năm kho báu, hướng dẫn cận kề cách bảo quản chúng, rồi đột nhiên ngã bệnh và qua đời, để lại một gia sản đồ sộ, đáng được tự hào, nhưng không cách nào xóa hết những vết nhớ tham lam, bủn xỉn.

Bấy giờ, gần cổng thành có một ngôi làng với khoảng trên dưới một ngàn gia đình thuộc bộ tộc Can-đa-la (Candalas) sinh sống, và A-nan-đa được đầu thai vào dạ một phụ nữ dân quê ở đó. Quốc vương, được tin A-nan-đa qua đời, liền triệu Mu-la-xi-ri đến hoàng cung, bổ nhiệm chàng giữ chức thủ khổ, thay phụ thân chàng.

Dân làng Can-đa-la sinh sống bằng nghề khuân thuê vác mướn, kiếm được đồng tiền cực khổ vô vàn; vậy mà từ lúc cần thai của người phụ nữ kia, mức sinh hoạt của họ sa sút hẳn đi: kiếm việc rất khó, vật giá gia tăng, đói nghèo lan khắp. Họ thường bảo nhau:

- Chúng ta lao động quần quật suốt ngày như trâu bò mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lại có nguy cơ tệ hại hơn nữa chứ! Chắc là có tên mặt trời trán bóng hay đầu trộm đuôi cướp nào lọt vào cái làng này.

- Đừng suy diễn mà tội nghiệp người ta ông ơi! Hay là chúng ta nên đến làng khác kiếm kế sinh nhai. Một thanh niên ra về tự tin, phát biểu.

- Thôi em ơi, tội nghiệp cho cái thân già này quá! Qua nghĩ: "Cây khô tưới nước cũng khô, vận nghèo đi tới xứ mô cũng nghèo". Một ông cụ gầy guộc, ở trần, vận chiếc khổ cũ nát góp ý với giọng ào ão, chán đời.

- Đúng! "Gánh nghèo lên đống trên non, co chân mà chạy nó còn chạy theo!" Một người đứng tuổi vừa nói vừa co chân lên như minh chứng cho mọi người thấy.

Nhưng rồi họ cũng nhất trí với nhau chia thành hai nhóm, ra sức điều tra sự việc, và cuối cùng đi đến kết luận rằng:

- Tên xấu xa khốn kiếp, gieo rắc khổ đau cho dân làng chắc chắn chui vào nhà này.

Và thế là họ trục xuất người phụ nữ mang thai ra khỏi làng, vĩnh viễn biệt xứ.

Bà ốm thai nhi lên đường với những giọt nước mắt sụt sùi theo từng bước chân vô định. Bà phát nguyện gánh chịu oan khiên, chịu mang ngang trái miễn sao bà được mẹ tròn con vuông. Bà đã phải chịu cảnh màn trời chiếu đất, đói lạnh rốc người cho đến thời khai hoa nở nhụy. Và, việc gì đến phải đến, bà đã sanh được một bé trai.

Khốn thay, tay chân tai mắt mũi miệng của em bé không nằm đúng vị trí của chúng. Một quái thai. Một quái vật gớm guốc chưa từng thấy trên đời! Vậy mà, vì thâm tình cốt nhục, mẫu tử thiêng liêng, người mẹ vẫn ôm con vào lòng với từng lời ru bất diệt. Khốn khổ lắm bà mới nuôi nổi con. Vì rằng nếu bế con theo, bà sẽ bị mọi người nguyền rủa và khó kiếm được bát cháo chén cơm. Nhưng nếu để con ở nhà, nó sẽ bị bơ vơ đói khát, tội nghiệp xiết bao! Có lúc bà ôm con mà lòng đau như dao cắt, ruột thắt tở tở vô, thầm trách ông trời sao mà bất công với những người cùng khổ đến thế.

Đến khi đứa con tạm đủ trí khôn, biết đi xin ăn, bà đặt vào tay nó một bát sành và nghẹn ngào nói:

- Con ơi, vì con mà mẹ đã phải nếm trải hăng sa túi nhục, vô số khổ đau. Con ơi, vì số kiếp đọa đày, mẹ không thể lo cho con được nữa. Con hãy tự nuôi thân bằng cách nướng nhờ vào

lòng vị tha nhân ái của mọi người nghe con. Hãy trân trọng và biết ơn từng hạt cơm sợi chỉ của họ nghe con!

Bà ôm con khóc nức nở, rồi khoác tay ra hiệu nó lên đường.

Thằng bé lang thang xin ăn cùng khắp thôn làng, phố thị. Một hôm, nó đến đứng căn nhà mà nó đã từng làm chủ với tư cách là quan thủ khổ A-nan-đa. Nhớ lại tiền kiếp, nó đi thẳng vào nhà một cách tự nhiên, qua ba căn phòng mà không ai hay biết. Đến khi vào phòng thứ tư, các em bé trai, con của quan thủ khổ Mu-la-xi-ri đang nô đùa, nhìn thấy khuôn mặt quái dị của nó mà thất kinh hồn vía, la khóc thét lên. Mấy cậu gia nhân chạy vào, thấy thằng nhỏ mặt mày khủng khiếp, bèn lớn tiếng quát:

- Đồ quỷ, mày phải cút ra khỏi nhà này ngay! Ngó coi, rừng rợn chưa!

Vừa nói xong là chúng dần thẳng nhỏ một trận đích đáng, rồi lúi nó sên sệt ra khỏi nhà và vất nó trên một đồng rác.

Ngay lúc đó, trên đoạn đường thiền hành khất thực, Đức Thế Tôn, được Trưởng lão A-nan theo hầu, đi ngang qua và thấy rõ mọi việc. Quay nhìn Trưởng lão, Thế Tôn giải thích sự kiện đã diễn ra để giải đáp vấn đề. Động lòng bi mẫn, Trưởng lão đích thân mời Mu-la-xi-ri đến gặp Thế Tôn, dân làng thấy thế cũng đi theo và tụ tập rất đông.

Gặp Đức Thế Tôn, Mu-la-xi-ri cung kính đánh lễ Ngài mà lòng cứ xôn xao thắc mắc không biết có chuyện gì hệ trọng. Thế Tôn nhìn thẳng vào đôi mắt của quan thủ khổ, hỏi:

- Đạo hữu có biết cậu bé bị đánh bầm mình sưng mặt này là ai không?

- Dạ không biết, bạch Thế Tôn! Thưa có chuyện gì ạ?

- Đây là cha của đạo hữu đấy! Quan thủ khổ A-nan-đa đấy!

- Không thể! Phi lý! Xin Thế Tôn hiểu cho rằng con đương là mệnh quan của triều đình. Mu-la-xi-ri nghiêm sắc mặt nói.

- Ta hiểu. Nhưng sự vận hành của nghiệp lực thì như hình với bóng.

Đoạn Thế Tôn đảo mắt nhìn cậu bé, nói:

- Nay A-nan-đa, hãy chỉ năm kho bảo vật cho con trai của người xem.

Cậu bé làm theo lời của Đấng Đại Giác. Mu-la-xi-ri điếng cả người, sụp lạy Đức Thế Tôn với nước mắt nước mũi tuôn trào và không dám đứng dậy.

Đức Thế Tôn đưa tay đỡ Mu-la-xi-ri và đọc kệ:

*Con ta, tài sản ta,
Kẻ ngu mãi lo xa,
Chính ta còn không có,
Tài sản, con đâu ra.
(PC. 62)*

PIANO LESSONS

& GUITAR, VIOLIN, VOICE, DRUM LESSONS
TẠI SAO NÊN CHỌN HỌC Ở ĐÂY?

- Dạy từng nhóm hay từng cá nhân
- Đủ lứa tuổi, đủ trình độ
- Điều hành bởi
Giáo Sư Dr. BOB RIOS, Ph.D.
Tốt nghiệp USC, Cựu Hội trưởng MTAC, Giám khảo và Trưởng ban điều hành các kỳ thi tiểu bang Cali. Đã từng phục vụ tại Little Saigon trên 30 năm với nhiều học viên từng thắng giải tiểu bang & toàn quốc.
- Dạy Lý thuyết, Sáng tác và Trình diễn cho các kỳ thi.

Đặc biệt

*(for new student
with this coupon only)*

**\$99/ 9 weekly
(45" each)**

Free học liệu

Free lệ phí ghi danh
Register now & save!

PIANO LESSON MUSIC & ART CENTER

Xin gọi cô Thủy (714) 262-1003

14441 Beach Blvd., #100, Westminster, CA 92683 (gần góc Hazard)





CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**

Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**

Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Châu**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo/Phát hành:* (714) 638-0989
- *Chi phiếu ủng hộ,* xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Số **25**
5.2011



CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM - NAM CALI
VÀ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT LIÊN CHÂU.

SẼ TỔ CHỨC LỄ HỘI PHẬT ĐẢN P.L 2555.

DƯỚI SỰ CHỨNG MINH DO HỘI ĐỒNG TRƯỞNG LÃO:

HOÀ THƯỢNG THÍCH TÂM CHÂU, HOÀ THƯỢNG THÍCH THẮNG HOAN, HOÀ THƯỢNG THÍCH NHƯ HUỆ,
HOÀ THƯỢNG THÍCH HẠNH ĐẠO, HOÀ THƯỢNG THÍCH CHƠN THÀNH, HOÀ THƯỢNG THÍCH MINH TÂM.

CHỦ ĐỀ: HÒA BÌNH - TỰ DO - DÂN CHỦ

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI CHƯ TÔN ĐỨC GIÁO PHẠM TĂNG, NI VÀ ĐỒNG HƯƠNG - PHẬT TỬ
HOAN HỖ THAM DỰ KHAI MẠC ĐẠI LỄ LÚC 2 PM NGÀY 1 - 5 - 2011 TẠI SÂN ĐƯỜNG ANAHEIM CONVENTION CENTER,
800 W. KATELLA AVE. ANAHEIM CA, 92802 - TEL: (714) 765 - 8950

ĐỒNG THỜI ĐÁNH DẤU 36 NĂM CỘNG SẢN CƯỜNG CHIẾM MIỀN NAM VIỆT NAM, HÀNG TRIỆU NGƯỜI ĐÃ HY SINH
VÌ LÝ TƯỞNG TỰ DO DÂN CHỦ.

NHÂN DỊP LỄ, CHÚNG TA CẦU NGUYỆN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM SỚM CÓ TỰ DO - DÂN CHỦ VÀ VỆ TOÀN LÃNH THỎ.

SAU PHẦN NGHI THỨC KHAI MẠC, SẼ CÓ CHƯƠNG TRÌNH VĂN NGHỆ ĐẶC SẮC DO CÁC CA SĨ TÊN TUỔI:
TRISH THÙY TRANG, GIA HUY, MỸ HUYỀN, THÀNH LÊ, PHƯỢNG LIÊN, ĐÀI TRANG, LINH TÂM, BÍCH THẢO....
CÓ NHIỀU VŨ KHÚC TRUYỀN THÔNG - DO NHIỀU ĐƠN VỊ GIA ĐÌNH PHẬT TỬ CÙNG DƯỠNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN.

MC: ĐÔ TÂN KHOA, GIÁNG NGỌC * BAN NHẠC HẠ TRẮNG

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN LẠC CHÙA LIÊN HOA : (714) 636-7725
HOẶC CHÙA PHỔ ĐÀ, CHÙA HUỆ QUANG, CHÙA BÁT NHÃ,
CHÙA PHẬT ĐÀ, TỊNH XÁ GIÁC LÝ, CHÙA PHẬT TÔ, CHÙA BẢO QUANG.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC
SA MÔN THÍCH CHƠN THÀNH

Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP
803 S. Sullivan Street
Santa Ana, CA 92704
Tel.: **(714) 571-0473**

TO: _____

*Báo Chánh Pháp số 25, tháng 5 năm 2011, do Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro
ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý đạo hữu được nhiều sức khỏe và thịnh
vượng, kiên cố bồ đề tâm để hộ trì Phật Pháp.*